

G I A I P H Ầ M

BACH KHOA

- DẦU LỬA

- *Thế lực dầu lửa*
- *Bản đồ dầu lửa Đông Nam Á.*

- Hội nghị thượng đỉnh Ả-Rập và người Palestine

- Thuốc Nhật

- Trương Vĩnh Ký: *bài học cho kẻ hợp tác*

- Nguyễn M. Giác và Giả Văn Bút



THƠ, TRUYỆN:

Kinh Dương Vương, Trần Công Sung, Nhất Phương.



BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẮT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA ĐẠI HẠN

SÁU THÁNG

2.300đ.

MỘT NĂM

4.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay một năm : 600đ (mỗi số 25đ.)

* Ngoại quốc đường thủy thêm cước phí một năm : 1.560đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 22-7-74, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia : 90đ.

— Ai-lao : 90đ.

— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...) : 140đ.

— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc : 190đ.

— Âu-châu, Bắc Phi

Trung Đông, Đại-dương-châu

Úc, Tân-Tây-Lan v.v... : 365đ

— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 440đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

oOo

1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	10.000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5.000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4.000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3.000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

R* :

ĐẶNG TRẦN HUÂN <i>hội nghị thượng đỉnh Á-Rập và viễn ảnh người Palestine trở về Đất Hứa</i>	05
DOHAMIDE <i>thể lực dầu lửa</i>	13
TRẦN KIM THẠCH <i>tìm hiểu về bản đồ dầu-hỏa Đông-Nam-Á</i>	19
TRẦN VĂN TÍCH <i>thuốc Nhật</i>	24
PHẠM LONG ĐIỀN <i>Trương Vĩnh Ký trong quỹ đạo xâm lăng văn hóa của thực dân Pháp. Bài học dành cho kẻ hợp tác</i>	32
QUÁCH TẤN <i>giới thiệu một thi tài và một giai phẩm bị bỏ quên : Thái Thuận và Lữ Đường di cảo thi tập</i>	43
TRẦN VĂN TÍCH <i>thương xác với bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc về cuốn « Tư tưởng Lão Trang trong Y thuật Đông phương »</i>	49
NHẤT PHƯƠNG <i>kinh hoàng (thơ)</i>	52
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>lá thư Minh-Đức Hoài-Trinh</i>	55
KINH DƯƠNG VƯƠNG <i>quà sinh nhật (truyện)</i>	59
TRẦN CÔNG SUNG <i>một cuộc gặp gỡ ngắn (truyện)</i>	67

SINH HOẠT

THẾ NHÂN <i>Nguyễn Mộng Giác và giải thưởng Truyện dài Văn bút 74</i>	75
VĂN THANH <i>trình bày bìa (Biệt mù: hình của NGUYỄN KHOA LỢI chụp trên đèo Bạch-mã)</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG ,
21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
Giá : 200\$ Công sở : 400\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

Sách nhận được trước 20-11-74

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Suối tập thơ của Tuệ Nga, do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 100 trang, bản quí in trên giấy Ngọc Lan, gồm 50 bài thơ, Nữ thi sĩ Quỳ Hương giới thiệu qua bài « Suối reo, hoa nhạc », bìa của Vi Vi. Trình bày đẹp. Giá 500đ.

— Phía đông vườn địa đàng, nguyên tác « East of Eden » của John Steinbeck, bản dịch của Đinh Hoàng Sa, Nhà in Thọại Ngọc Hầu xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 346 trang, dịch tác phẩm nổi tiếng của Steinbeck ; bìa do Lê Duy Minh vẽ. Giá 900đ.

— Y-học hiện-đại Số 1 (ngày 1-11-1974) tập san do Nhóm Y-học hiện đại thực hiện và phổ biến trong giới Y khoa. Chủ trương : Võ Thành Phụng, Nguyễn Quý Tấn, Lê Tấn Thành. Địa chỉ liên lạc : Bác sĩ Võ Thành Phụng, Đại học Y khoa Saigon 217 Hồng Bàng Saigon 5. Mỗi số dày 34 trang, khổ 14 x 20,5 gồm những bài thuần túy Y-khoa : Gây mê hồi sức, bệnh sừng ruột dư ở trẻ em, Chỉ số Apgar, Định bệnh bằng Thuật đâm kim w...

— Cơ cấu Việt ngữ Quyền III của Trần Ngọc Ninh, do Lửa Thiêng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 360 trang, khổ 15 x 21, khảo sát hệ thống về các loại từ của Việt ngữ, từ A (danh-từ) và các từ tiền-A trong thành phần danh. Cơ-cấu hình-thức của từ A diễn tả một quan-niệm

lượng-nghi theo mẫu hình bao trùm về các thề, các chất, các ý trong vũ-trụ của sự sống. Bìa của Văn Thanh. Bản đặc biệt.

— Huyền-thoại-học và Huyền-thoại-lí-học Việt-Nam, của Trần Ngọc Ninh, Phụ trương Văn hóa Tập san, Số 2 năm 1974, do tác giả gửi tặng, dày 60 trang, mà phần mở đầu đã được giới thiệu trên Bách-Khoa ; có thêm phần : Huyền-thoại về sự khai thiên lập-địa.

— Cá tính Miền Nam, Khảo cứu của Sơn Nam, do Đông Phố xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 150 trang trình bày : « Người ở miền Nam làm lung siêng năng ra sao, trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt thuyết Tam giáo đồng nguyên đã biến thể như thế nào, Thời Pháp thuộc việc tranh đấu giành độc lập, việc phát triển văn hóa gặp những khó khăn gì. » Có thêm 2 Phụ lục và 4 Phụ bản. Giá 500đ.

— Thư về Nhân bản chủ nghĩa, nguyên tác Đức ngữ của Martin Heidegger, bản Việt ngữ của Trần Xuân Kiêm, do Tân-An xuất bản và gửi tặng. Sách dày hơn 100 trang, có phần « Khai lộ » của dịch giả. Giá 380đ.

— Truyện ngắn của Anton Tchekov, Đỗ Khánh Hoan dịch và giới thiệu, Ba Vì xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 250 trang, có phần giới thiệu 14 trang về cuộc đời và văn nghiệp của tác giả, và 14 truyện ngắn. Giá 600đ.

— Bóng thuyền say, của Nguyễn Mộng Giác do Nam Giao xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 5 của tác giả, tức là « Đường một chiều » được Giải thưởng Truyện dài 1974 Trung tâm Văn Bút Việt Nam, dày 260 trang. Giá 790đ.

Hội nghị thượng đỉnh Ả-Rập và viễn ảnh người Palestine trở về Đất Hứa

Hội nghị thượng đỉnh Ả-Rập hay thượng đỉnh Palestine

Sáng thứ bảy 26-10, Quốc-vương Hassan 2 của Maroc long trọng khai mạc hội-nghị thượng-đỉnh của Liên-đoàn Ả-Rập tại thủ-đô Rabat. Hai mươi lãnh-tụ gồm Quốc-vương, Tiều-vương và Tổng-Thống có mặt đông đủ. Có những bộ mặt uy quyền như Quốc vương Fayçal (Ả-Rập Séoudite), Tổng Thống Sadat (Ai Cập), Tổng Thống Boumédiénne (Algérie) Tổng Thống Hafez Assad (Si-Ry) vân vân... Tổng-Thống I-Rác Assan El Kakr và Tổng-Thống trẻ, ngựa non háo đá, Khadafi của Libye không tới nhưng có cử đại diện tham dự.

Hội-nghị thượng-đỉnh này là hội-nghị lần thứ 8 kể từ 1964. Hội-nghị họp lần thứ nhất tại Le Caire, Ai-Cập từ 13 tới 17/1/1964. Những năm kế tiếp lần lượt họp tại Alexandrie, Ai-Cập (5-11/9/64), Casablanca, Maroc (13-18/9/65), Khartoum, Soudan (29/8-2/9/67), Rabat, (21-23/9/69), Le Caire (22-28/9/70), và Alger, Algérie (26-28/11/73).

Liên-đoàn Ả-Rập tuy thành lập từ ngày 22/3/45 nhưng khi đó chỉ quy tụ có Ai-Cập Ả-Rập, Séoudite, Transjordanie, I-Rác, Yémen, Si-Ry và Li-Băng do sáng kiến của người Anh nên chưa đáng kể là một thực lực. Cho tới năm 1964 hội-nghị đầu tiên

tại Le Caire với số hội viên gia tăng thế giới bắt đầu hết coi thường tổ chức này.

Thường thường hội-nghị Ả-Rập nhóm họp là để thảo luận các vấn đề chung của các quốc-gia Ả-Rập. Hội-nghị 1974 cũng vậy. Tổng-Thư-ký Liên-đoàn Ả-Rập ông Mahmoud Riad cho biết chương-trình nghị-sự gồm các vấn-đề giải-phóng đất đai Ả-rập, tương lai Palestine, mở mang kinh-tế Ả-Rập nhưng thực ra hội-nghị kỳ 8 chỉ chú trọng một vấn đề Palestine.

Vì thế suốt trong thời-gian hội-nghị nhà chức trách Maroc đã thi-hành nhiều biện-pháp đặc biệt để đề phòng sự phá hoại của người Palestine quá khích. Nhiều người Palestine đã bị quản-thức tại nhà hoặc đưa ra khỏi thủ-đô Rabat. Phái đoàn Jordanie ở tại một khách-sạn cách Rabat 20 cây số và có lính canh gác cẩn mật. Cảnh sát Maroc cũng bắt giữ 15 người Palestine vì âm mưu giết vua Hussein và một số lãnh-tụ khác.

Trước hội-nghị thượng đỉnh, từ ngày 22-10 hội-nghị sơ-bộ cấp Bộ-trưởng Ả-Rập đã dự thảo một quyết-nghị khuyến-cáo Jordanie nên đề cho Tổ-chức Giải-phóng Palestine nhận phần đất Tây ngạn sông Jourdain sẽ được Do-Thái trao trả. Điều này không làm vua Hussein bằng lòng vì

ông vẫn coi đó là phần đất của Jordanie.

Hội-nghị thượng-đỉnh đã phải làm công việc thuyết-phục Hussien chấp nhận điều đó. Quốc-vương Maroc một mặt nói với vua Hussein rằng «Tôi là vua, tôi hiểu anh và tôi khuyên anh nên thực tế», một mặt nói với lãnh tụ Arafat «Tôi là vua, tôi có đủ tư cách bênh vực quyền lợi của anh trước một ông vua khác». Trước sự khôn khéo đó của vua Maroc, vua Hussein đã nói dối: «Nếu anh nhất định nghe khuyến cáo của Hội-nghị Ngoại-trưởng thì chẳng còn gì để bàn về vấn đề Palestine nữa. Tôi phải tay không có trách nhiệm gì. Nhưng anh nên hiểu Do-Thái sẽ không bao giờ trao trả Tây ngạn sông Jourdain và các lãnh thổ khác cho Tổ-chức Giải-phóng Palestine».

Cuộc đối-thoại còn gay go [nhưng khi Quốc-vương Faycal, một người không những là vua Ả-Rập Séoudite mà còn được coi như đàn anh của cả khối, can thiệp thì vua Hussein đã phải cười gượng mà chấp nhận.

Vua Hussein cay đắng lắm vì bỏ Tây ngạn sông Jourdain là Jordanie mất một phần đất rất quan trọng về kinh-tế và mất hẳn 900.000 người Palestine trong tổng số 1 triệu 7 dân số Jordanie.

Có thể vì những rắc rối với Jordanie nên hội-nghị đáng lẽ bế mạc vào trưa 29-10 mà phải dời tới tối với bản quyết-nghị về Palestine và quyết-định viện-trợ cho một số nước

nghèo trong Liên-đoàn.

Bản quyết-nghị về Palestine của Hội-nghị gồm một đoạn mở đầu và 5 điểm chính như sau :

1) Xác nhận quyền của dân Palestine được trở về đất cũ và tự quyết tương lai mình.

2) Xác nhận Tổ-chức Giải-phóng Palestine là tổ chức duy nhất hợp pháp đại-diện dân-tộc Palestine tiếp nhận những đất đai sẽ trao trả, thành lập một cơ-cấu chính-quyền. Các quốc-gia Ả-rập ủng-hộ chính - quyền đó trên mọi mặt.

3) Ủng-hộ Tổ-chức Giải-phóng Palestine thực hiện những trách-nhiệm quốc-gia và quốc-tế trong tình đoàn-kết Ả-Rập.

4) Mời Jordanie, Si-Ry, Ai-Cập và Tổ-Chức Giải-phóng Palestine gặp nhau để tìm một quyết-định cho vấn-đề.

5) Xác nhận các nước Ả-Rập bảo-vệ nền thống nhất và không xen vào chuyện nội bộ của Palestine.

Về viện trợ, Hội-nghị đồng ý Ả-Rập Séoudite và các nước giàu nhờ dầu hỏa trong Liên-đoàn sẽ viện trợ hàng năm cho Ai-Cập và Si-Ry mỗi nước 1 tỷ Mỹ-kim để mua vũ khí. Jordanie được viện trợ 300 triệu và Tổ chức Giải-phóng Palestine 50 triệu.

Hội-nghị Ả-Rập là một thắng lợi cho phe Palestine. Trong diễn-văn bế mạc ngày 29-10, Tổng-Thống Ai-Cập và lãnh-tụ Arafat đã gọi là Hội-nghị Thượng-đỉnh của Palestine. Hussein

không đọc diễn văn.

Khi ra về ông bắt tay xã-giao Arafat trong khi vua Maroc tới vỗ vai cả hai người như hòa-giải.

Những nước không hài lòng về hội-ng nghị Ả-Rập là Mỹ và Do-Thái.

Đang du hành tại Ấn-độ, Ngoại-trưởng Kissinger tuyên bố quyết-ngi của Hội-ng nghị Ả-Rập sẽ làm khó khăn chuyện hòa-bình Trung-Đông. Do-Thái thì vẫn giữ lập trường cũ là chỉ điều đình với Jordanie chứ không thêm nói chuyện với quân khủng bố Palestine.

Cụ-thề-hóa lập-trường này, ngay khi hội-ng nghị Ả-Rập vừa chấm dứt, Do-Thái hạ sát 3 du kích Palestine khi họ vượt biên-giới Li-Băng xâm nhập Do-thái. Mặt khác một số tàu nhỏ của Do-Thái tới gần thị-trấn Rashi-diyeh thuộc Li-Băng oanh kích một trại tị-nạn Palestine làm thiệt mạng 5 người và bị thương 20. Kế đó Do-Thái tiếp tục oanh kích vùng Nam bộ Li Băng trong nhiều ngày và ngày 12/11, đột kích một làng Li-Băng phá nổ một ngôi nhà rồi bắt cóc 3 người mang đi.

Đất Hứa và những người Palestine lang thang

Bây giờ nếu nói tới xứ Palestine người ta đã ngỡ không biết nó ở đâu vì không còn nước nào trên bản đồ mang tên nó. Nó đã thực sự biến mất trên thế-giới từ năm 1948 hay đúng ra ngày 12-5-48 ngày tuyên cáo thành lập quốc gia Israël. Bây giờ quốc gia Palestine không có,

nhưng người Palestine vẫn còn.

Ngược giòng lịch sử mấy chục năm về trước khi quốc-gia Israël chưa thành lập, khi khắp Âu-châu đang xua đuổi bực đãi người Do-Thái, thì những người Ả-Rập, những người Palestine còn đang sống dưới ách nô lệ của người Âu-châu và còn giúp người Âu đánh đuổi Đức Quốc xã.

Ngày nay, nhiều người trong số những người Palestine ấy đã di cư sang Âu châu, tha phương cầu thực và cũng bị người Âu rẻ rúng như đối với người Do-Thái trong những thập niên 30, 40.

Và tới lượt người Palestine đòi một miếng đất cho họ như người Do-Thái trước kia. Một người Palestine đang sống tại Tây Ngạn sông Jourdain hiện chiếm đóng bởi Do-Thái đã tuyên bố: "Thân nhân chúng tôi chết bên Đông ngạn muốn mang về đây chôn, mà người Do-Thái không cho phép. Chúng tôi sống bên Jordanie bị đè nén, sống ở phía Nam bị coi như những công dân phụ thuộc. Người Li-Băng ghét chúng tôi. Chúng tôi thấy bị cô lập ngay trong thế giới Ả-Rập. Chúng tôi phải có một quốc gia Palestine."

Vùng Palestine trước kia là một giải đất hẹp từ phần đất Nam Si-Ry chạy xuống, bắc giáp núi Li-Băng, đông giáp sông Jourdain, tây giáp Địa-Trung-Hải, nam giáp sa-mạc Si-nai, rộng khoảng 22.500 cây số vuông. Palestine còn được gọi là đất Thánh hay đất Hứa.

Riêng vùng Tây ngạn sông Jourdain trước kia có tên là Cisjordanie là vùng đất phì nhiêu nhất của Jordanie gồm 2 tỉnh Samarie và Judée rộng 5.500 cây số vuông với 600.000 dân. Cisjordanie ở thung lũng phía Bắc có các thị trấn Jerusalem, Hébron và Naplouse.

Năm 1948, Abdallah, vua thứ nhất của Transjordanie, cùng với Ai-Cập, Si-Ry, Li-Băng, I-Rắc tấn công Do-Thái nhưng thất bại. Năm 1949 vua Abdallah chiếm Cisjordanie, rồi năm sau sát nhập hẳn lãnh thổ này vào Transjordanie và đổi tên là Jordanie. Nhiều người Palestine trốn chạy và căm thù ông. Năm 1950 vua Abdallah bị giết tại Jérusalem và năm 1953 vua Hussein lên nối ngôi khi ông 17 tuổi.

Mặc dầu gặp nhiều khó khăn mọi mặt vua Hussein vẫn nắm vững quyền hành cho tới năm 1967 thì Cisjordanie bị Do-Thái chiếm đóng sau cuộc chiến tranh 6 ngày.

Hiện nay có khoảng trên 3 triệu người Palestine sống lang thang trong 6 quốc gia Trung-Đông và họ tin tưởng rằng chính họ mới có quyền về ở Iaraël chứ không phải người Do-Thái. Hơn một triệu dân Palestine chịu cam phận sống dưới sự đô hộ của Do-Thái trong khi 600.000 người khác sống trong các trại tị nạn ở Jordanie, Si-Ry, và Li-Băng.

Người Palestine khá thông minh và giỏi. Một số lớn nhân vật cao cấp trong chính quyền Jordanie, nhiều giáo sư, bác-ái, kỹ-sư là người

Palestine.

Tại Ả-Rập Séoudite, Kuweit và nhiều tiểu vương-quốc, người Palestine cũng nắm giữ những chức vụ khá quan trọng. Tại chính quốc gia Do-Thái, 470.000 người Palestine sống một cuộc sống vật chất tương đối dễ thở nhưng lại khổ về tinh thần. Họ luôn luôn bị nghi ngờ ruồng xét. Đa số họ theo Hồi-giáo nhưng Ả-Rập Séoudite cấm không cho về La Mecque hành hương.

Những người Palestine sống trong 63 trại tị nạn được tổ chức U.N.R.W.A. (United Nations Relief and Works Agency) thuộc Liên-Hiệp-Quốc trợ cấp. Trong ngân khoản 88 triệu Mỹ kim trợ cấp năm nay, Hoa-kỳ góp 28,6 triệu, các nước Âu châu góp 24 triệu. Những nước Ả-Rập sản xuất dầu hỏa chỉ đóng vào quỹ cứu trợ người Palestine tị nạn có 2 triệu một. Kể từ khi tổ chức cứu trợ LHQ thành lập năm 1950 tới nay các nước này góp tổng cộng 26 triệu không thấm thía gì với con số 2 tỷ 3 mà họ chấp thuận viện trợ cho phe Si-Ry, Ai-Cập tại Hội-nghị Rabat vừa rồi trong mục đích chống lại Do-Thái.

Quy chế tại các trại tị nạn Palestine thật mù mờ. Tổ chức U.N.R.W.A. của L.H.Q. chỉ lo chuyện phân phối thực phẩm, nhà thương, trường học và câu-lạc-bộ thanh niên. Tổ chức này không có chút quyền pháp lý nào. Nhà cầm quyền sở tại lo vấn đề an ninh và hộ-tịch. Tuy nhiên những dân tị nạn lại có khuynh hướng

(xem tiếp trang 83)

Thế lực dầu lửa

Vào những ngày cuối tháng 10 năm 1974, tin được loan truyền, giàn khoan của Hãng Pecten Vietnam, tại lỗ khoan thứ nhì ngoài khơi Nam Hải, đã lấy được mẫu dầu lửa, phẩm chất tốt và khối lượng có triển vọng khai thác thương mại được...

Dư luận mọi giới đã đón nhận tin kể trên như là chiếc phao cứu nguy hiện đến trong tình cảnh khó khăn của nền kinh tế tài chánh quốc gia, mặc dầu phải chờ khoảng hai năm nữa, sau khi đã chuẩn bị ống dẫn dầu, hệ thống tồn trữ, chuyên chở, phân phối, cơ sở quản trị... và nếu không c chi trở ngại thêm, dầu mới bắt đầu được thật sự khai thác.

Những diễn biến tại một số nước tìm được dầu và đã khai thác cho thấy, quả thật, dầu lửa mang đến những quyền lợi kinh tế tài chánh rất quan trọng và nhứt là nguồn ngoại tệ hết sức phong phú. Tuy nhiên, dầu lửa đồng thời cũng tạo nên một môi trường thu hút các nhóm quyền lực kinh tài thế giới sẵn sàng áp dụng mọi thủ đoạn để hưởng lợi tối đa.

Bài này sẽ đi từ hiện tượng lệ thuộc của các nước kỹ nghệ tiên tiến vào nguyên liệu dầu lửa để phát hiện sự cấu kết của các nhóm kinh tài áp đảo, đưa đến ý thức thân phận và phản ứng của các nước có dầu, báo hiệu vấn đề không phải chỉ giản dị là hễ có dầu lửa là thâu đạt ngay sức mạnh kinh tế.

1. Sự lệ thuộc của các nước kỹ nghệ tiên tiến vào dầu lửa Trung Đông

Đồ biểu về sản lượng dầu lửa các nước trên thế giới cho thấy Trung Đông đứng hàng đầu với 800 triệu

tấn một năm, chiếm 33% tổng sản lượng thế giới, trong đó Iran (Ba-Tur) dẫn đầu với 227 triệu tấn, Ả-Rập Saudi 222 triệu tấn, Kuwait 145 triệu, Iraq 83 triệu tấn. Về sau có một thời, sản lượng của Ả-rập Saudi vượt qua cả Ba-Tur.

Các nước Bắc Mỹ bao gồm Hoa-kỳ, Canada, sản lượng 610 triệu tấn, tức 25% tổng sản lượng thế giới, trong đó phần của Hoa-kỳ là 535 triệu tấn (22%).

Châu Mỹ La-tinh: 260 triệu tấn (10%) trong đó Venezuela đạt 185 triệu tấn.

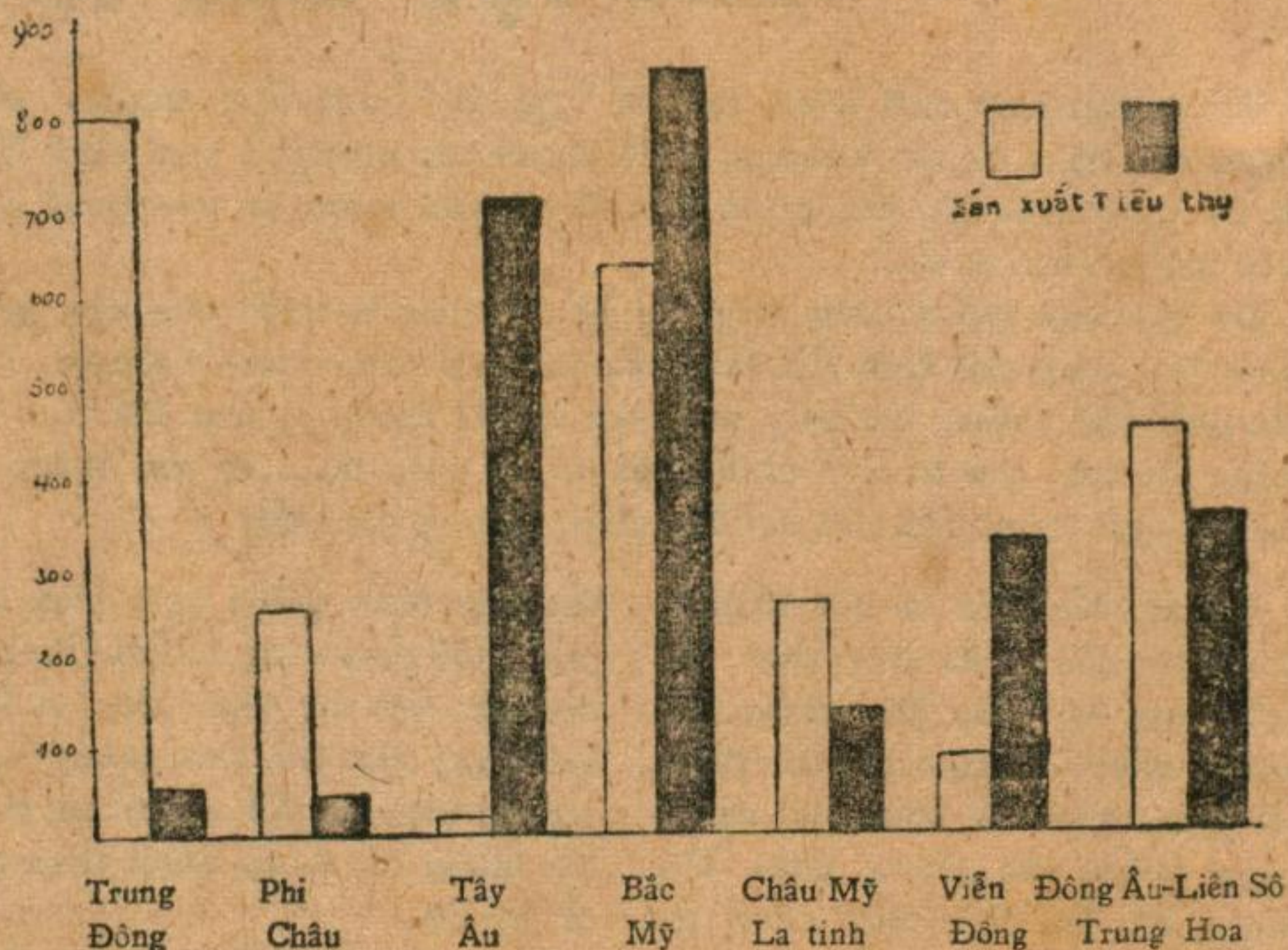
Phi Châu: 280 triệu tấn (12%), trong đó Libya sản xuất 160 triệu tấn, Nigeria 74 triệu tấn, Angola 45 triệu tấn, Gabon 6 triệu tấn, Tunisia 4 triệu tấn.

Sản lượng các nước Viễn Đông ước lượng 80 triệu tấn, trong đó các nước Tây Âu chỉ sản xuất được 16 triệu tấn.

Riêng các nước Đông Âu và Trung-Hoa, sản lượng lên đến 422 triệu tấn; riêng phần Liên-xô 380

ĐỒ BIỂU

Số lượng dầu lửa sản xuất và tiêu thụ trên thế giới.



triệu tấn. (1)

Các nước Trung Đông, Phi Châu, Châu Mỹ La-tinh sản xuất nhiều, nhưng tiêu thụ trong nước chỉ một phần nhỏ, vì nền kỹ nghệ bản xứ hoặc chưa có, hoặc chỉ trong giai đoạn phôi thai. Riêng Trung Đông và Phi Châu, sản lượng quá dư thừa so với mức tiêu thụ, dùng cung cấp cho các nước Tây Âu, Bắc Mỹ và Viễn Đông mà sản lượng tại chỗ không đủ dùng.

Sản lượng dầu lửa Hoa-kỳ mặc dầu khá cao, nhưng vẫn phải nhập cảng một phần mới đủ cung ứng nhu cầu của nền kỹ nghệ khổng lồ, đứng hàng đầu các nước tiên tiến.

Hệ thống tiếp liệu dầu lửa trên thế giới, thoạt trông có vẻ như không được hợp lý đối với nhiều nước, vì nguồn tiếp liệu thay vì ở

các nước lân cận thừa dầu xuất cảng, thì lại phát xuất từ một nước ở vào vị trí địa dư rất xa cách. Cụ thể là nguồn tiếp liệu dầu lửa Nam Mỹ chẳng hạn, thay vì chuyển ngay cho Hoa-kỳ ở sát nách, thì lại phải trải qua giai đoạn đường dài chuyển chở sang Viễn Đông hoặc ngược lại Tây-Âu. Trong khi đó, dầu Trung Đông lại vượt Đại Tây Dương, chở về Hoa-kỳ.

Nguyên nhân là do sự tùy thuộc của hệ thống phân phối vào các Tổ hợp quyền lợi kinh tài quốc tế. Dầu Trung Đông, chẳng hạn, chở về Hoa-kỳ, mặc dầu đường xa, nhưng giá thành vẫn còn hạ hơn đối với các

(1) Roger François. *Problèmes pétroliers*, trong *Comptes rendus trimestriels des séances de l'Académie des Sciences d'Outre mer*, Quyển XXXII-1, trang 74.



Hệ thống tiếp liệu dầu trên thế giới

nguồn tiếp liệu dầu kể cận khác.

Lại nữa, loại dầu lấy thẳng từ mỏ dầu lên là dầu thô, còn cần mang về các nhà máy lọc thành những thứ dầu cặn, dầu xăng... mới tiêu thụ được, và ngoài ra, còn được dùng chế biến thành phân bón, ống nước, vật liệu gói hàng, sợi nhân tạo, thuốc sát trùng, dược phẩm v.v... mỗi sản phẩm đòi hỏi những cơ sở, trang bị qui mô của cả một nền kỹ nghệ.

Những cơ sở, trang bị, nhà máy lọc dầu kể trên, rất hiếm thấy được đặt gần các nơi sản xuất dầu. Phần lớn các nước có mỏ dầu cấp đặc nhượng cho các Công ty dầu, chỉ được đóng và luôn luôn duy trì ở vai trò cung cấp dầu thô mà thôi. Sự cung cấp này lại còn phải qua trung gian của các Công ty khai thác ngoại quốc nữa.

Tuy nhiên, kỹ nghệ lọc dầu và chế

biến các sản phẩm liên hệ càng phát triển mạnh, lần hồi càng đi đến chỗ lệ thuộc vào nguồn cung cấp dầu thô, cho nên nếu vì một lý do gì, hệ thống tiếp liệu dầu thô bị gián đoạn, tức thì sẽ gây một loạt ảnh hưởng giãy chuyền, làm tê liệt hoạt động các ngành.

Thái độ của Nhật và một vài nước Tây Âu trong cuộc chiến tháng mười ngàn ngui tại Trung Đông cho thấy tình trạng nguy khốn của các nước kỹ nghệ tiên tiến trước hiểm họa khan hiếm dầu lửa.

Nói như vậy, không có nghĩa là nạn khan hiếm dầu lửa không ảnh hưởng đến các nước chậm tiến không sản xuất dầu. Hậu quả nguy hại vẫn đến với các nước này, nhưng trên một mức độ yếu kém hơn, bởi nhu cầu dầu lửa tại đây chỉ là một phần không đáng kể.

Quyết định dùng dầu lửa làm lợi khí đấu tranh chính trị của các nước Á-Rập, thật ra, không phải là một thứ biến cố xảy ra bất ngờ đối với các nước tiên tiến. Những diễn biến dồn dập trước đó khiến người ta có thể tiên liệu phải có một lối thoát nào đó cho người Á-Rập.

Vào tháng 4 năm 1973, James Akins, Giám đốc cơ quan dầu lửa và năng-lượng, thuộc Bộ Ngoại-giao Hoa-kỳ đã có đăng trên tạp-chí Foreign Affairs một bài báo động dầu có thể tăng giá nhưng không phải do thiếu dự trữ, mà lại do sự lệ thuộc vào nguồn tiếp liệu dầu lửa Trung Đông ngày càng có khuynh hướng bất trắc trước vị thế chiến lược của Do Thái đòi hỏi sự hỗ trợ tích cực và liên tục của Hoa-kỳ để tạo thăng bằng trong cán cân ảnh hưởng siêu cường tại Trung Đông. Và mặt khác, các nước Á Rập ngày lại càng quyết tâm nắm lấy quyền chủ động trong kỹ nghệ sản xuất dầu lửa từ trước vẫn do các Công ty khai thác ngoại quốc nắm giữ.

Dầu vậy, khi sự việc xảy ra, hầu như không có một nước kỹ nghệ tiên tiến nào khỏi lâm vào tình trạng lúng túng cả. Mấu chốt của vấn đề là cái thế kẹt của Tổ hợp các Công ty dầu mà quyền lợi trong trường hợp này lại gắn liền với quyền lợi các nước Á-Rập có mỏ dầu. Hoa-kỳ chẳng hạn có thể bất thần đưa quân chiếm đóng các cơ sở sản xuất dầu để áp đặt giải pháp duy trì sự điều hòa hệ thống tiếp liệu dầu, nhưng về phía Á-Rập, trong cái thế liều, vẫn có thể

trong phút chốc phá hủy các giếng dầu, khiến bên nào cũng bị thiệt và sau cùng, vẫn phải giải quyết nạn khan hiếm dầu cho các nước tiêu thụ, lại còn bao nhiêu xáo trộn trên thế giới nữa. Trong khi đó, cần phải có một thời gian khá lâu mới tìm được nguồn tiếp liệu dầu thay thế nguồn tiếp liệu Trung Đông, đó là không kể các trở ngại kỹ thuật chưa chắc có thể vượt qua dễ dàng.

Theo ước lượng của Ủy ban Chuyên môn về dầu lửa, mức dự trữ dầu lửa trên thế giới là 90 tỷ tấn, trong đó, tổng dự trữ của các nước Á-Rập vẫn có tánh cách trội yếu, chi tiết được ghi nhận như sau vào năm 1973 :

— Á-Rập Saudi :	19.714	triệu tấn
— Ba-Tur	: 9.286	—
— Kuwait	: 9.271	—
— Hoa-kỳ	: 5.260	—
— Libya	: 4.343	—
— Iraq	: 4.143	—
— Venezuela	: 1.957	—
— Algeria	: 1.600	—
— Indonesia	: 1.429	—...(2)

Tổng lượng dự trữ dầu lửa trong bảng kê kê trên được ước tính dựa vào các giếng dầu đang được khai thác, dĩ nhiên không kể những mỏ dầu đang được thăm dò, chưa khai thác được.

Tiến bộ khoa học ngày nay đã giúp phương tiện, kỹ thuật tinh vi và hữu hiệu vượt bậc, lập nên những

2) Jean Marie Chevalier, *Le nouvel enjeu pétrolier* Paris : Calmann Levy, 1973 tr. 275.

bản-đồ vị-trí-hóa những vùng có tiềm năng cung cấp dầu trong tương lai.

Ngoài những túi dầu mà sự hiện hữu còn được giữ kín đâu đây trên đất liền, dưới lòng đại dương, tiềm năng về dầu đã được chánh thức phát hiện tại Bắc Canada với dự trữ ước lượng 500 triệu tấn, vùng Bắc Hải được dự trù sẽ sản xuất vào năm 1980 là 200 triệu tấn một năm.

Vùng Tây Siberia hiện đang có sự hợp tác giữa các Công ty Nhật, Hoa-kỳ, thương lượng với Liên-sô để khai thác dầu nằm sâu dưới lớp băng tuyết được ước lượng khoảng một nửa dự trữ hoàn cầu.

Ngoài Liên-sô và Hoa-kỳ, tất cả các nước có những nguồn dự trữ dầu lửa dưới lòng đất kể trên đều là những nước đang phát triển, kỹ nghệ chưa có hoặc chỉ mới trong giai đoạn phôi thai, dân trí đa số còn thấp kém, nên không thể tự mình đứng ra đảm đương công việc khai thác kỹ nghệ sản xuất dầu được. Cả phương tiện, trang bị, dụng cụ, nhân sự... đều phải mang vào từ bên ngoài.

Á-Rập Saudi có mức dự trữ dầu đang khai thác đứng đầu thế giới, chỉ có 7 triệu dân, một phần quan trọng còn ở trình độ bộ lạc du mục. Kuwait dân số không tới một triệu cũng trong tình trạng của Á-Rập Saudi. Libya, lãnh thổ phần lớn cũng là sa mạc, dân số chỉ hơn 3 triệu, đã nỗ lực hết sức nhập với Ai-cập lại đến với Tunisia, rồi cũng tan vỡ.

Những diễn biến sôi động ồn ào

do những nhân vật chánh trị Trung-Đông thủ vai chánh chỉ là bề mặt. Trên thực tế, kỹ nghệ sản xuất dầu tại các nước Á-Rập, Trung-Đông được đặt dưới sự chế-ngự của 7 Đại Công-ty lập thành Tổ-hợp (Cartel) bao gồm 5 Công-ty Hoa-kỳ và 2 Công-ty Anh theo thứ tự quan trọng như sau : Exxon, Royal Dutch/Shell, British Petroleum, Gulf Oil, Texaco, Standard Oil of California và Mobil Oil. Các Đại Công-ty này làm chủ 90% dầu thế giới (không kể Bắc Mỹ và các nước Cộng sản) trong thập niên 50. Đến năm 1972, bách phân kể trên hạ xuống còn 72 %.

Một Đại Công-ty được liệt vào hàng thứ 8 là Công-ty Pháp "Compagnie Française des Pétroles" nhưng hoạt động trong một lãnh vực hẹp hơn.

Đối với nguồn năng lượng có giá trị chiến lược như dầu lửa, hoạt động của các Đại Công-ty kể trên không thể nói là không đáng đến chánh sách của quốc gia liên hệ. Do đó, việc thương lượng, mang mũi khoan đến khởi công đào tìm khai thác dầu tại một địa điểm nào đó trên thế giới cần được hiểu là phải nằm trong kế hoạch, chương trình của các nước lớn và theo những thời biểu của Tổ hợp các Đại Công-ty nắm giữ thế lực kinh tài thế giới. Tổ-hợp các Đại Công-ty này, khi quyết định, dĩ nhiên sẽ phải dựa vào mục tiêu thương mại không khi nào thoát khỏi tánh cách trục lợi, nên họ cần có những bảo đảm tối thiểu về

sự ổn cố chánh trị và kinh tế, hoặc ít ra cũng nắm vững được phương tiện quyết định sự ổn cố này.

Nói cách khác, đây là vấn đề chiến lược, được đặt ra trong trường kỳ và vượt ra khỏi biên cương của một quốc gia. Do đó, hiện tượng lệ thuộc của các nước kỹ nghệ tiên tiến vào dầu lửa các nước Á-Rập Trung Đông

cũng cần được đặt ra và phân tích trong khung cảnh chiến lược trường kỳ này.

DOHAMIDE

Kỳ tới: Sự cấu kết của quyền lợi kinh tài trong kỹ nghệ sản xuất dầu thế giới.

Đón đọc:

VIẾT CHO CÁC BÀ MẸ SANH CON ĐẦU LÒNG

của B.S. ĐỖ HỒNG NGỌC

- * Tất cả những điều cần biết cho người mẹ trẻ từ lúc bé chào đời đến tuổi lên ba.
- * Mến quà tặng ý nghĩa và hữu ích cho những đôi vợ chồng mới cưới...

LA NGÀ xuất bản

Phát hành giữa tháng 12/74

HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM II

của TOAN-ÁNH

Nghiên cứu về những cổ tục đặc biệt của Việt-Nam :

- Vật nhau đến chết để cúng thần
- Chém ông rồi xách đầu nhúng vào nồi nước mắm đang sôi
- Chém ông lấy đầu nhét vào chỗ hiểm của bà
- Những thanh niên tuần tú phải đi hành khất ngày Tết
- Thờ và rước nam nữ sinh thực khí
- Biểu diễn vũ ái ân giữa nam sinh thực khí trong đám rước
- Chửa hoang được làng tặng thưởng

Và hàng mấy trăm cổ tục kỳ lạ khác như múa mo luyện ái, bói cầu tính chuyện hôn nhân, hát trao tình rồi trao tình luôn, chọi trâu, kéo co, đám rước bầy kiệu...

Ở xa xin liên lạc với nhà xuất bản LÁ BỐI

Tìm hiểu về

Bản đồ dầu hỏa Đông-Nam-Á

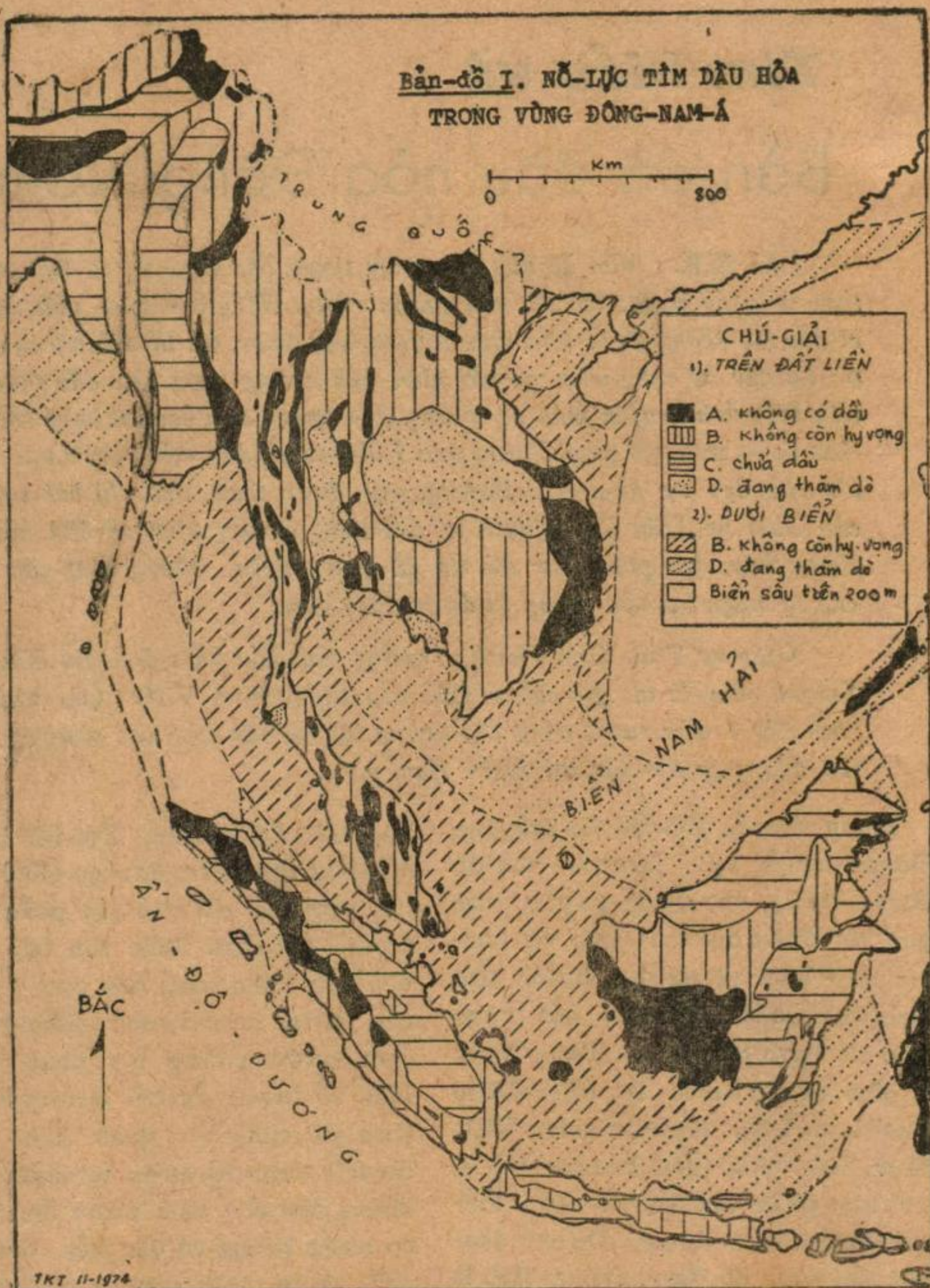
Lời B.K. : Vấn đề dầu hỏa, mấy tháng gần đây, đã là một vấn đề thời sự nóng bỏng : lúc thì mũi khoan « Hoa Hồng 9 » gieo thất vọng vì có dầu mà không đủ để khai thác thương mại được, lúc thì mũi khoan « Dừa 9 » lại gây hy vọng tràn trề với hình ảnh những ngọn lửa dầu thô V.N. trên màn ảnh Truyền hình và những ước lượng trên báo chí là có thể khai thác được trong 30 năm, chừng trên 1.500 thùng dầu mỗi ngày v.v... Trong khi chờ đợi sự khai thác thương mại được thực hiện, thì bài sau đây của Giáo sư Trần Kim Thạch là một tiếng chuông khác về dầu hỏa, tuy không được lạc quan như các tin đã loan truyền, nhưng cũng cần thiết cho sự nhận xét của chúng ta được đúng mực.

Giáo sư Trần Kim Thạch, Trưởng ban Địa chất Đại-học Khoa-học Saigon, cũng là tác giả cuốn « Dầu hỏa Miền Nam V.N. » (1), xuất bản cách đây 1 năm rưỡi, trình bày tường tận về dầu hỏa, các phương pháp tìm dầu, việc tìm dầu tại Miền Nam v.v...

Trong chuyến phó-hội địa-chất-học Đông-Nam-Á tại Jakarta, thủ-đô Nam-Dương, vào tháng 5-1974 vừa qua, tôi được dịp thảo-luận và học-hỏi rất nhiều về những bước tiến trong nỗ-lực tìm dầu hỏa của vùng này, từ 1970 trở về sau. Đông-Nam-Á gồm có các nước là Miến-Điện, Thái-Lan, Lào, Kam-pu-chia, Việt-Nam, Đại-Mã-lai (gồm bán đảo Mã-lai với một phần của đảo Bornéo), Phi-luật-tân và Nam-dương. Dự-trữ dầu-hỏa của vùng đó được phỏng định là 5 phần trăm dự-trữ chung của thế-giới. Số dự-trữ này chẳng là bao, so với 14 phần trăm của Trung-Hoa và 70 phần trăm của Trung-Đông. Nhưng đó cũng là con số đáng kể, nếu ta biết rằng Nhật không có một dự-trữ nào cả. Trong 5 phần trăm của Đông-

Nam-Á, Miến-điện, Đại-Mã-lai và Nam-dương chiếm hơn 90 phần trăm rồi, nghĩa là giữ trọn 4,5 phần trăm dự-trữ thế-giới. Phần còn lại, gồm 0,5 phần trăm, chia đều cho 5 nước còn lại thì mức dự-trữ thế-giới của mỗi nước chừng 0,1 phần trăm. Nếu số lượng dự-trữ lý-thuyết này (bao giờ cũng lạc quan hơn mức dự-trữ thực-tế) được tự-nhiên chia không đều cho năm nước ấy, thì sẽ có nước không có dầu hỏa thương-mãi, và có nước may ra có chút xíu dầu. Ta không lấy làm lạ khi các địa-chất-gia Đông-Nam-Á hầu như cho rằng Phi-luật-tân không có dầu, trái lại Thái-lan có nhiều hy-vọng hơn cả.

(1) Sách do « Lửa Thiêng » xuất bản tháng 5-1973.



Bản đồ dầu-hỏa của Đông-Nam-Á

Bản-đồ dầu-hỏa của vùng Đông-Nam-Á hoàn-tất vào cuối năm 1973, với các công-trình khảo-cứu hướng về các đáy biển cạn nhiều hơn. Các vùng biển đó được gọi là *thềm-lục-*

địa. Đáy nước sâu nhất của thềm này là 200 mét. Có nơi thềm nằm sát ven biển, như trường hợp của thềm-lục-địa ở Nha-Trang. Có nơi nó rộng mênh-mông, nối liền nước này với nước kia, như thềm-lục-địa ở phía nam của Mũi Cà-Mau ăn lan đến Mã-Lai-Á và Nam-Dương.

Phần tìm dầu trong đất liền đã được hoàn-tất trước 1970 với những công cuộc đào dò khá qui-mô, mà dư-kiện đã hướng-dẫn cho việc tìm tòi nơi đáy biển.

Bản đồ 1 cho ta thấy nhiều vùng khác nhau, đi từ những chỗ tuyệt-đối không thể có dầu, đến những vùng đang sản xuất cả dầu-hỏa lẫn khí-cháy. Tôi xin lần lượt mô-tả từng vùng đá như vậy trên đất liền trước.

1). *Vùng đá A.* Vùng này gồm có các thứ đá hoa-cương và đá biến-tính kết-tinh dữ dội, khiến cho không thể giữ được dầu. Miền Bắc và miền Nam Việt-Nam đều có diện tích đá này, nhưng quan trọng hơn hết là ở Miền Nam. Mã-Lai-Á và miền Tây của Bornéo cũng chung số phận.

2). *Vùng đá B.* Vùng này gồm có đá thủy-tra mà chiều dày không đến được 3.000 mét, phần đông bị gấp nếp dữ dội và bị hỏa-sơn loại cực nóng nung nấu trong quá khứ. Một số lõi đào dò thực-hiện ở Lào, Kam-pu-Chia và Thái-Lan, cũng như ở Mã-Lai-Á và Bornéo trong đá này mang lại sự hiện diện của vết dầu hỏa, nhưng tụ-trung đều xa mức-độ khả-thác thương-mãi.

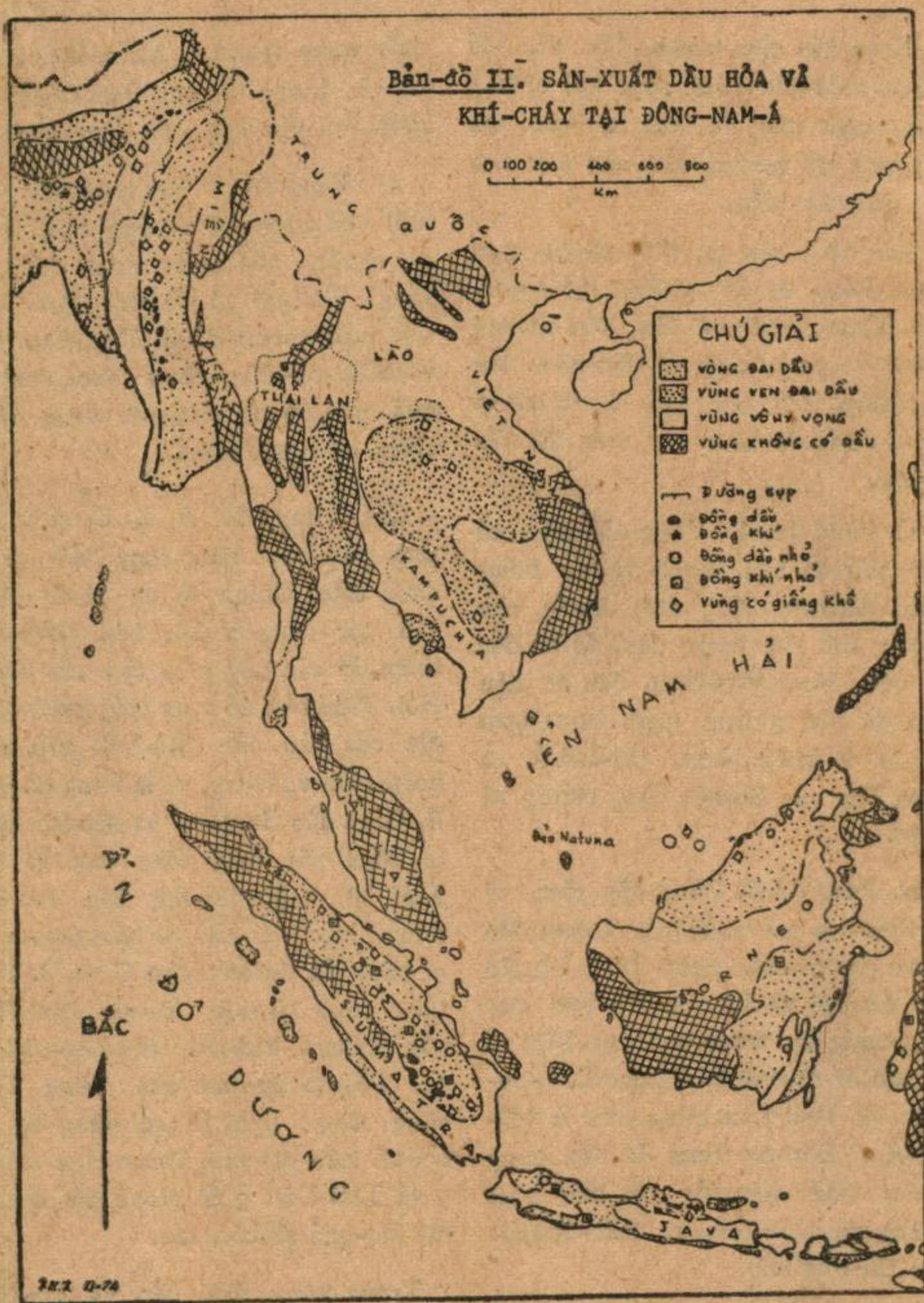
3). *Vùng đá C.* Vùng đá này có nguồn gốc biển, đi từ đá bùn, cát đến đá vôi đủ loại, mà tuổi không quá 70 triệu năm. Đây là loại đá được lắng tụ với chiều dày trên 3.000 mét. Hiện thời những lõi đào đã cho nhiều giếng dầu và giếng khí

cháy quan trọng ở Miến-Điện, Mã-Lai-Á, Nam-Dương, Bornéo. Đó là vòng đai dầu-hỏa của Đông-Nam-Á.

4). *Vùng đá D.* Vùng đá này cùng tuổi với nhóm C, nhưng phần đông có nguồn gốc nước ngọt (ao, hồ sông). Tôi gọi đó là đá Phú-Quốc. Các mũi khoan dò ở Thái-Lan, Lào và Kam-pu-chia chưa đem đến kết quả nào dù là vùng đá đang được chiếu cố nhiều nhất.

Các vùng đá A, B, C và D tìm thấy trên bờ, cũng chạy luôn xuống dưới biển. Chính đó là lý-do khiến cho các công-ty dầu hỏa khảo-cứu thăm-dò các đáy biển cận của Nam-Hải. Trên bản đồ 1, ta thấy thêm-lục-địa của bán đảo Mã-Lai gần như hoàn-toàn vô-vọng, vì là vùng đá loại B. Giữa đảo Sumatra và đảo Bornéo, ta cũng chỉ thấy toàn loại đá đó. Trái lại, thêm-lục-địa của ven bờ đông Vịnh Thái-Lan có hy-vọng hơn, vì chứa đá thuộc nhóm C và D. Tuy thế, chưa có mũi khoan nào đem đến kết-quả khả-thác thương-mãi ở đó. Phía đông-nam của Vung Tàu cũng được nghi là có vùng đá C hoặc D nên các mũi khoan Hoa Hồng 9 và Trái Dừa 9 đã được đặt ở đó, mà kết-quả sẽ bàn sau.

Trong vùng biển bắc và tây-bắc của đảo Bornéo, các hãng dầu cũng nghi ngờ có vùng đá C và D, nên các nỗ lực khoan dò đã được đồ ra ở đó. Nhờ đi theo mạch của hai đồng dầu đã có sẵn trên bờ, công cuộc đào có kết quả khá khả quan. Trong khoảng 30 giếng đào, đã có



hai giếng có dầu khả-thác thương-mãi, gần vùng đảo Natuna.

Thực-tế sản-xuất dầu của Đông-Nam-Á

Bản đồ 2 cho ta khái niệm rõ ràng của vòng đai sản-xuất nhiên-liệu hydro-carbur của Đông-Nam-Á. Các

nhiên-liệu đó là dầu-hỏa và khí-cháy (còn gọi là khí thiên-nhiên). Nơi nào có nhiều bẫy (gọi sai là túi) dầu hỏa hay khí-cháy, tôi ghi là đồng dầu hay đồng khí. Có nơi chỉ là những bẫy cô-độc, nằm rải rác trong một vùng rộng lớn, nên tôi gọi đó là những nơi sản xuất ít. Cũng nên đề

ý rằng trong vòng đai sản-xuất dầu, có rất nhiều nơi đào không thấy dầu, nên tôi gọi đó là những giếng khô: mũi khoan chạm phải một bầy không có hay chưa có dầu lọt vào.

Trong các năm 1964-1965, tôi hy-vọng vòng đai dầu có một nhánh đi ngang qua Miền Nam nước ta. Sau này, khảo-cứu kỹ trở lại, hy-vọng đó đã tiêu-tan. Cho nên tôi khẳng-định rằng đất liền của Miền Nam không có hy-vọng dầu-hỏa. Cả vùng sát ven bờ cũng cùng chung số phận đó.

Tuy nhiên, không có dữ-kiện nào cho ta biết rõ được tính chất vùng đá của thềm-lục-địa, nếu không có khoan dò. Đó là đóng góp lớn lao của công tác Hoa-Hồng 9 và Dừa 9. Hoa Hồng 9 là một loại giếng khô, không có dầu đáng kể. Dừa 9 có dầu, nhưng chưa đạt mức khả-thác thương-mãi mong muốn. Tuy thế, khi so sánh hai kết-quả, Dừa 9 có kết-quả khích-lệ hơn hết. Chỉ nhờ một điều là, hình như càng xa bờ Việt-nam chừng nào, tỉ-lệ khả-thác thương-mãi càng gia-tăng, và như thế, liệu rồi dầu hỏa thương-mãi có ra ngoài biên-thùy nước ta hay không? Trên phương-diện địa-chất-học, việc tỉ-lệ khả-thác gia-tăng thuận với khoảng cách bờ biển nước ta chứng tỏ rằng đồng dầu quan-trọng sẽ được tìm thấy giữa bờ biển Vũng Tàu và bờ biển Sarawak của đảo Bornéo. Sarawak nằm về tây bắc của đảo này, và chiếm hết vòng đai dầu có vùng đá loại C, mô-tả nơi Bản đồ 1.

Kết luận

Cho đến cuối năm nay, hầu hết

tính chất và cơ-cấu địa-học của vùng Đông-Nam-Á đã được biết rõ. Đường ranh giữa các vùng đá có dầu hay không có dầu — trên bờ cũng như ở dưới biển cạn — đã được suy diễn và vẽ ra với độ chính-xác đáng tin cậy.

Các nỗ-lực khoan dò trong bờ đông Vịnh Thái-Lan cũng như ngoài khơi của Côn-Sơn là các thử nghiệm cuối cùng trên địa hạt địa-chất-học với mục-dích nói rộng vòng đai sản-xuất dầu-hỏa về phía nước ta. Một giếng khô như Hoa Hồng 9 không có nghĩa là vùng thềm-lục-địa ở đây không có dầu. Một ít dầu của Dừa 9 cũng không có nghĩa là ta gặp được một đồng dầu. Có lẽ độ 10 mũi khoan nữa sẽ giúp ta cụ-thể-hóa niềm hy-vọng về dầu khả-thác thương-mãi ở thềm-lục-địa Miền Nam.

Bản chất vô cùng dè dặt của một nhà khảo-cứu không cho phép tôi vội lạc-quan hay bi-quan trước những dữ-kiện sơ-khởi mà các giàn-đào đã hé mở cho công luận bên ngoài. Có thể còn nhiều bất ngờ trong tương-lai, vì tìm dầu là một cuộc phiêu-lưu lớn lao của nhân loại. Dù sao, với giá dầu thô tăng lên mãi ở các nước Trung-Đông, thì một ngày gần đây, các giếng không có tính cách khả-thác thương-mãi cũng trở nên khả-thác. Và lúc bấy giờ, Miền Nam Việt-nam sẽ chính-thức được vào danh-sách của các nước sản-xuất dầu ở Đông-Nam-Á. Hãy cùng nhau hy-vọng cho ngày đó.

TRẦN KIM THẠCH

Thuốc Nhặt

● TRẦN VĂN TÍCH

Bài viết hôm nay là một bài khen áo phò mã. Nhưng khen cái tốt của người không phải vì óc nghệ-thuật, vì mắt thẩm mỹ, mà chỉ là đề ngâm ngợi cho áo của kẻ khác, không những đã rách — rách có khi đành chịu, vì kẻ đó nghèo — mà lại còn bẩn nữa. Và dĩ nhiên ai cũng biết rằng mặc hoài áo bẩn thì có ngày lâm bệnh, có ngày chết luôn. Mà biết rõ hơn ai hết hẳn phải là giới y, dược.

Y-học dân-tộc Nhật có nét đặc-thù là chịu ảnh-hưởng y-học Trung-Hoa rất nặng, nhưng ngược lại, nó cũng có một tác-dụng *feedback* dương tính và âm tính trên y-học nòi Hán.

Những bộ sách gối đầu của Trung-Y như Tố-Vấn, Linh-Khu, Nạn-Kinh, Kim-Quỹ và Thương-Hàn-Luận đều được mang sang Nhật rất sớm và được đổi tên theo Nhật-ngữ thành So-mon, Rei-sui, Nan-kyo, Kinki và Sho-kan-ron,

Năm 562 sau TCGS, Tri-Thông qua Nhật, mang theo 164 bộ Minh-Đường Khổng-Huyệt-Đồ để truyền-bá châm cứu. Năm 608, hai nhà dược-học Nhật, Huệ-Nhật và Nụy-Hàn-Trực Phúc-Âm du học Trung-Hoa và ở lại mãi đến năm 623 mới hồi hương. Rồi Huệ-Nhật qua Trung-quốc hai lần nữa, một lần năm 630 và một lần năm 655, đề khi về quê thì mang theo bộ Chư Bệnh Nguyên Hậu Luận của Sào-Nguyên-Phương, bộ Thiên Kim Phương của Tôn-Tư-Mạo và bộ Đường Tân Bản-thảo làm sách giáo-khoa. Năm 755, Giám-Trình Hoà-thượng qua xứ Phù-tang giảng-dạy y-khoa và truyền-bá giáo-ly nhà Phật. Năm 982, Đan-Ba-Khang-Lại, một đại y-tôn Nhật, viết bộ sách Y

Tâm Phương, dựa vào bộ Ngoại Đài Bí Yếu của Vương-Đào đời Đường và đan-cử trong phần tham khảo hơn tám mươi tư-liệu y-học hai đời Tùy, Đường. Từ đó, trong gần một thiên-kỷ, y-học Nhật-bản đi theo vết chân y-học Trung-Hoa, và được gọi là Hoàng-Hán Y-học.

Nếu sự giao-lưu thăm-thiết giữa hai nền y-học lớn của phương Đông có hậu-quả là góp sức đẩy nghệ-thuật chữa bệnh cứu người tiến lên thì con cháu Thái Dương thần-nữ, nhờ sớm biết tiếp xúc và hấp-thụ văn-minh khoa-học Tây-phương, đã du-nhập y-khoa tân tiến rất mau đề từ đó, tỏa-chiếu ảnh-hưởng ngược lại lên Trung-Y, tác-động mạnh-mẽ vào sự tiến-bộ của nghệ-thuật Hiên-Kỷ. Một trong những người cầm đòn bầy lỗi lạc này là Thang-Bản Cầu-Chân, một bác-sĩ Tây-Y Nhật Bản, tác-giả bộ Hoàng-Hán Y-học, đã đem y-học Tây-phương giải-thích y-học Trung-Hoa, nhất là giải-thích bộ Thương-Hàn Luận. Hoàng-Hán Y-học được dịch sang Trung-văn năm Dân-quốc thứ 17 (1928) và ảnh-hưởng cực kỳ mạnh-mẽ vào giới lương-y Trung-Quốc, đặt cho Trung-Y những bệ đá

khoa-học căn bản đầu tiên trên đó công-trình kiến-trúc mệnh-danh là hiện-đại-hóa Đông-Y ngày nay đã và đang được xây-dựng. Nhưng mặt khác, lại cũng chính y-học xuất-phát từ Nhật-Bản đã vô hình trung gây trắc-trở cho Trung-Y. Ngày 11-2-1929, do sự thúc-đẩy của một số bác-sĩ Trung-Hoa du-học ở Nhật về như Dư-Vân-Tụ, Uông-Xí-Trương đòi hỏi hạn-chế sự phát-triển của Trung-Y, một hội-ng nghị do chính-quyền triệu-tập tại Nam-Kinh đã biểu-quyết thông qua quyết-định « phế chỉ cứu y », đề « bài trừ các chương-ngại cho nền y-tế vệ-sinh » (sic) ! Công-luận dĩ nhiên phản-ứng cực kỳ mạnh-mẽ và sôi-nổi chống lại quyết-định này. Ngày 17-3-1929, giới lương y hội-hợp tại Thượng-Hải trong một đại-hội qui-tụ hơn 400 đại-biểu từ khắp các tỉnh về, và cử một phái-đoàn lên thủ-đô tranh-đấu. Kết-quả : quyết-định liên-hệ bị hủy bỏ, và từ đây về sau, ngành Trung-Y lấy ngày 17-3 làm ngày lễ quốc-y.

Cũng như tất-cả những nền y-học dân-tộc khác, y-học dân-tộc Nhật chịu nhiều thăng trầm qua thời-gian, và những thăng trầm ấy gắn liền với sự thịnh suy của chính-trị, văn-hóa, kinh-tế quốc-gia. Gần chúng ta nhất, sau cuộc thất trận 1945, hệ-thống y-khoa Nhật bị thay-đổi hoàn-toàn, đưa vào một kiểu-mẫu y-học Hoa-kỳ, do sự chủ mưu của Y-sĩ Đại-tá E. Sams, thuộc Bộ Tham-mưu của Tướng Marc Arthur, lúc bấy giờ thống lĩnh binh lực chiếm đóng. Trong số những cải cách đề ra, có chủ-

trương... cấm-đoán châm-khoa mà giới-chức Mỹ mô-tả là không khoa-học, dã-man và phản vệ-sinh (!). Luận-cứ hư xác, cái nhìn hẹp hòi, thái độ chủ-quan ấy đã bị y-giới Nhật giáng cho những trùy đích-đáng qua các công-trình của Ishikawa Hidezumaruru, Shiota Bunshi v.v... và nhất là qua thái-độ cực-kỳ nghiêm-túc của Bác-sĩ Sakakura Takeshi, Chủ-tịch Quốc-gia Y-sĩ-đoàn Nhật (*Nippon ishi-kai*) cũng như qua mối ân tình sâu nặng mà quần-chúng Nhật dành cho nền y-học do cha ông truyền lại, trước sự đe dọa của những chủ-trương thâm-hiền và xảo-trá do ngoại-nhân đề xướng. Hiện nay, châm-thuật vẫn giữ nguyên thể đứng danh-dự trong lòng y-khoa dân-tộc Nhật và Trường Cao-đẳng Châm Cứu hằng năm vẫn mở các kỳ thi tuyển-sinh, nhận sinh-viên tốt-nghệp Trung-học để đào tạo thành Đông Y-sĩ chuyên về châm cứu. Nhưng trên một mặt khác, bên cạnh những được-liệu do khoa-học hiện-đại cung cấp, người dân Nhật và người bác-sĩ, được-sĩ Nhật vẫn tiếp-tục sử-dụng những được-liệu cổ truyền của phương Đông, dĩ nhiên là theo những tiêu-chuẩn tiến-bộ của nền được-học thời đại nguyên-tử.

oOo

Được-diễn Nhật-Bản ghi-nhận hằng trăm vị thuốc dân-tộc, từ vị Cỏ gấu (*Hương phụ, Koobusi, Cypert Rhizoma, JP II*) đến vị Táo tàu (*Đại táo, Taisoo, Zizyphi Fructus, JP II*) qua những vị Râu bắp, Dấp cá, Rễ tranh, Ngưu tất, Ô đầu, Mộc thông, Đậu khấu, Sa nhân, Đương qui,

Isamycin C An antibiotic obtained from *Streptomyces narboensis* var. *josamyceticus*, A 204-P₂, NIHJ 440, ATCC 17835.

Jagi Oint. (Kato) C dl-Vit. E acetate 2000mg., carbazochrome 10mg., nicotineamide 15mg., rutin 100mg., chlorpheniramine maleate 30mg., TEGO-51 1000mg., hydrophilic petrolatum 96845mg./100Gm. U Chiblain S Oint. 10Gm.

Jagi Tab. (Kato) C dl-Vit. E 90mg., nicotinamide 20mg., carbazochrome 1mg., vit. B₁ nitrate 10mg., vit. P 30mg., cal. phosphate, dibasic 50mg./3 Tab. U 2 to 3 Tab. t.i.d. S Tab. 30s, 70s.

Jagichikumi (Choseido) U Rubarb 0.5Gm., liquorice 0.3Gm., platycodon 0.5Gm., cnidium 2Gm., scutellaria radix 1.5Gm., Saussurea lappa 0.5Gm., ephedra 0.3Gm., cimicifuga 0.5Gm., atractylodes 1.0Gm., clove 0.1Gm., cinnamon 1.0Gm., pueraria 1Gm., peony root 1.5Gm., carthamus 1.0Gm., Alpinia officinarum 0.5Gm., Forsythia suspensa 0.5Gm., Akebiae Lignum 0.5Gm., Angelica polyclada 0.5Gm./Wrap U

Dược-thảo đặc-sắc của Nhật-ban (?)

Cát căn

Thuộc dược

Liên kiện

Hồng hoa

Cao lương khương

Mộc thông

Juniper C The dried ripe fruits of

Juniperus communis (Cupressaceae);

Juniper Berry, Juniper Fruit.

Juniper Gum → Sandarac

Juniper Tar C The oil is obtained by the destructive distillation of the woody portions of *Juniperus oxycedrus* (Pinales) C. O. Creutzfeldt

Juniketsuto (Choseido) C Atractylodes

0.75Gm., peony root 0.2Gm., rhubarb

0.03Gm., cnidium 3Gm., scutellaria

1.5Gm., rehmannia 1Gm., Moutan 0.1

Gm., Saussurea lappa 6.15Gm., cinna-

mon 3Gm., coptis 0.15Gm., caryophy-

llus 0.15Gm., Matricaria chamomilla

0.3Gm., cyperus 1Gm., ligusticum 2.5

Gm., hoelen 0.75Gm., arctea 0.15Gm.

U Medicine for women D 1 wrap in

Doses. S Decoc. Wrap 3s, 7s.

Junamycin V (Tanabe) C Tetraacycline

250mg., sodium metaphosphate 380mg/

Cap. U Antibiotic S Caps.(250mg.)

100s.

Jusquiamine → Hyoscyamus

Jutammin (Fuso) C NaHCO₃ U

Antidote D i. v. S Inj. 20ml. Amp.

Bạch-truật

Thuộc dược

Đại hoàng

Xuyên khương

Hoàng cầm

Thuộc địa

Mau đơn

Mộc hương

Nhục que

Hoàng liên

Tỳ bà diệp(?)

Cam thảo

Hương phụ

Dương qui

Phục linh

Bình lang

Thực địa v.v... mà chúng tôi rất tiếc không thể nào kể hết được trong một bài như bài này. (1)

Thuốc Nhật dĩ nhiên có một khối lượng lớn những sản-phẩm đặc-chế theo công-thức của khoa dược-học hiện-đại, nghĩa là gồm toàn những hóa chất hoặc chất tổng-hợp hay chất trích khai, thuộc phạm-vi y-khoa Âu Mỹ. Nói nôm na, thuốc Nhật dùng rất nhiều thuốc Tây. Nhưng bên cạnh, thuốc Bắc cũng rất được y-giới Nhật coi trọng và chiếm một khối lượng không nhỏ. Chúng tôi trình bày sau đây một trang và vài đoạn rút từ cuốn *Japanese Drug Directory (J 1PTA List)* do Hiệp-Hội các nhà Sản-xuất Dược-phẩm Nhật-Bản ấn hành. Đây là một bộ sách hướng-dẫn người y-sĩ kê toa, tương-tự các bộ Vidal hoặc PDR mà người y-sĩ Việt-Nam vốn quen dùng. Chúng tôi xin chú-thích tên những vị thuốc Bắc liên hệ bằng Việt-ngữ để đọc-giả dễ tham khảo.

Hình 1, chúng ta thấy :

— Hai vị thuốc đặc-chế *Junkum* và *Junketsuto* của Viện Bào Chế Choseido gồm toàn thuốc bắc và đều được trình-bày dưới dạng thuốc gói (wrap). Vị thứ nhất dùng chữa bệnh cảm cúm với những vị hết sức quen thuộc trong chiến tranh "ngoại cảm thông trị" của Đông y như Cam thảo, Cát cánh, Hoàng liên, Thăng ma v.v.. trong khi vị thứ hai là một sản-phẩm phụ-khoa, gồm những lượng dược cổ truyền chữa trị bệnh nữ giới như Đương quy, hươc dược, Hương phụ v.v..

2. — Phần trên của cột bên trái trình-bày những vị Râu bắp (*Stigma Maydis*), Mộc thông (*Akebiae Vitis*) và Rễ tranh (*Imperata*). Hỏi bất-kỳ một người bình-dân Việt-Nam nào, ta cũng sẽ được trả lời rằng Râu bắp, Rễ tranh là những thứ thuốc lợi tiểu. Công dụng của thuốc, dưới mắt người Nhật, cũng không hề khác (diuretic).

3. — Công-thức mỗi sản-phẩm đặc-chế, theo đúng qui-luật của nghề thuốc tân tiến, đều ghi minh bạch trọng lượng (hoặc bách phân) từng thành-phần.

4. — Phương-thức dùng thuốc, dạng thẻ phục dược cũng được qui-định chi-tiết.

Bên cạnh các sản-phẩm đặc-chế chỉ gồm toàn thuốc bắc, là những sản-phẩm đặc-chế khác, chỉ chứa toàn thuốc tây. *Josamycin*, *Junmycin V* chẳng hạn là những trụ-sinh ; *Jugl Oint*, *Jugl Tab* có thành-phần chủ-yếu là các sinh-tổ v.v...

Những hình còn lại là các đoạn trong sách mà chúng tôi chụp rời từng phần thay vì chụp toàn trang, do đòi-hỏi của kỹ-thuật ấn-loát.

Trong hình 2, chúng ta nên đề ý đến hai vị *Hormovigorous Male* của Viện Bào Chế Tatsumi và vị *Hoscon* của Viện Bào Chế Maruishi. Hai vị

(1) Trong câu này, những chữ trong ngoặc đơn được sắp xếp theo thứ tự như sau : tên Trung-văn, tên Nhật-ngữ, tên khoa-học (của vị thuốc) và JP II có nghĩa là Dược-Điển Nhật-Bản, cuốn II, ấn bản thứ tám, 1973. Chúng tôi chỉ kể hai vị với đầy-đủ chi-tiết làm ví-dụ.

này đều có đặc-điểm là chứa đựng trong cùng một sản-phẩm đặc-chế cả hai loại thuốc bắc và thuốc tây, dưới nhiều hình-thức sử-dụng. Trong vị thứ nhất, glycyrrhizin (sách in nhầm là ghycyrrhizin) chẳng hạn là tinh-chất của Cam-thảo, dĩ nhiên là do nền tân dược trích-khai. Trong khi đó thì Xạ hương (musk, mà sách cũng ghi nhầm là muak), Nhân sâm (ginseng), Ngưu hoàng (bezoar orient) góp mặt dưới hình-thức toàn-bộ vị thuốc với methyltestosterone, với vitamin E, tất cả để làm thuốc tăng-cường sinh lực. Tương tự như vậy, và trong đặc-chế *Hoscon*, ta thấy vị Lang tăng (scopolia), vị Mã tiền (vomica) song-hành dưới dạng trích khai (ext.) với những magnesium oxide, calcium carbonate... để cùng tiếp tay giúp kiện vị. Riêng thành phần *Swer-tiae ext.* lại càng đáng cho chúng ta để ý hơn: đây là một dược liệu thô-sản của riêng quần-đảo Phú-tang, mà danh-xưng Hán-Việt là Đương-dược (dĩ nhiên vị thuốc này không được các vị Đông y-sĩ biết đến), và tên khoa-học là *Swertia japonica* Makino (1).

Ngoài ra, các hình 3 và 4 trình bày hai vị thuốc hết sức thân thiết của chúng ta, vị thứ nhất, *Houttuyniae Herba*, chính là Rau Dấp cá (Tập thái, *Houttuynia cordata* Thunb), đã được chính-thức ghi vào Dược-diện Nhật (JP, II) và sản-phẩm thứ hai, *Hustagin*, có chủ vị là một glycoside lấy từ cây *Plantago* (sách in nhầm là *Platago*) *major* var. *asiatica*, tức cây Mã-đe, để trị ho và thông

đàm (antitussive and expectorant.)
oOo

Sách báo chuyên-môn y dược của Nhật đăng-tải gần như thường-xuyên các công-trình biên-khảo của giới khoa-bảng, trí-thức nước họ về các cây thuốc thô sản bản địa.

Bộ *Tối Tân Hoà Hán Dược Dụng Thực Vật* mà chúng tôi từng ghi làm tư liệu tham-khảo trên kia, do hai Dược-học Bác-sĩ Ngải-Mễ Đạt-Phu (Tatsuo Kariyone) và Mộc-Thôn Hùng-Tứ-Lang (Yushiro Kimura) hợp soạn, trình-bày công-phu và khoa-học về kho tàng dược-thảo đất Phú-tang, với hình-ảnh, thành phần hóa-học, chỉ-định, liều lượng v.v... Bộ này đã tái-bản đến bảy lần.

Bộ *Nhật Bản Dược Dụng Thực V 4* (Japanese Medicinal Plants) do Bác-sĩ Koiti Kimura, Giáo-sư Dược-liệu học và Dược-học Thực-vật Đại-Học-Đường Kyoto thực-hiện, gồm ba cuốn nhưng mới ra được một cuốn và trình-bày 120 cây thuốc phổ-thông trong thực-vật dược-tài Nhật-bản bằng hình ảnh chụp y theo màu sắc tự nhiên (ông thiên-nhiên sắc), vừa là một tác phẩm khoa-học vừa là một công-trình nghệ-thuật.

Một bộ *Nhật-Bản Dược Dụng Thực Vật* thứ hai, gồm hai cuốn, cuốn thứ nhất ấn-hành năm 1966, cuốn thứ hai chào đời năm 1970, vóc dáng rất đồ-sộ, nặng hơn năm kilô, do Dược-học Bác-sĩ Cao-Thủ-Trì-Phụ-

(1) Tatsuo Kariyone và Yushiro Kimura. — *Tối Tân Hoà Hán Dược Dụng Thực V 4*. Đông-Kinh Quảng-Xuyên Thư-Điểm ấn-hành. Tháng 9 năm Chiêu-Hòa thứ 46. Trang 102 (bản Nhật-văn).

thioctic acid 10mg., cal. pantothenate 20mg., inositol 60mg., vit. B₁₂ 10mcg., nicotinamide 20mg., choline bitartrate 50mg., ethanol 1 ml./Amp. ① Metabolic disorder ② 1 to 2 times daily. ③ Oral liq. : 20ml. Amp. 1 s, 2s.

Hormovigorous Male (Tatsumi)

① methyltestosterone 10mg., ethinyl estradiol 40mcg., ghyccyrrhizin 100mg., vit. E acetate 20mg., bezoar orient 10mg., musk 5mg., ginseng 10mg., vit. B₁ nitrate 20mg., thioctic acid 5mg., cal. pantothenate 30mg., choline bitartrate 25mg., rutin 50mg., calcium magnesium inositolhexaphosphate 120mg., dehydrocholic acid 20mg./2 Tab. ② Vitalizing agent ③ 2 tab. daily ④ Tab. 16

Hofarase (Daiichi) ① C. Lipase MY 17mg., Stalase 30mg., Molsin 50mg., pancreatin 100mg./Cap. ② Digestive

315mg.) 1 s.

Hofarase (L.V.) (Hoechst) ① ② Vial. (100mg., 250mg., and 500mg.) 1 s.

Houttuyniae Herba (JP, II) ① Juyaku; dried terrestrial portion of Houttuynia cordata Thunberg (Saururaceae).

② 10 to 15Gm. daily (decoct).

③ ④ ⑤ → Calcium Benzoylbenzamide

UP 209 → Ethoxybenzamide

hydramine 1% camphor. ① Antifungal ② Apply 2 to 3 times daily. ③ Oint. 5Gm.

Hoscon (Maruishi) ① Scopolia ext. 1mg., vomica ext. 15mg., ethyl aminobenzoate 5mg., swertiae ext. 1mg., NaHCO₃ 30mg., magnesium oxide 30mg., precipitated cal. carbonate 45mg., menthol 0.15mg., berberine HCl 1.5mg./Tab. ② Stomachic ③ 3 to 6 tab. t.i.d. ④ Tab. 500s.

Hospitase (Teikoku Zoki) ① Cellulase 25mg., bacterial enzyme (amylase, pro-

← Hình 2

Hình 4

2 to 4 years old : 5ml. 4 to 7 years old : 5ml. t.i.d. ③ Oral liq. 30ml.

Hustagin (Sankyo) ① Preparation of plantagin, a non-saponin, non-alkaloid glycoside derived from Platago major var. asiatica. ② Antitussive & expectorant. ③ Powd. : 2Gm. (4ml.) daily.

④ ⑤ Powd. : 500Gm.; Oral liq. : 500ml. **Hustamin (Hitachi)** ① Ethaverine HCl

Hoạch (Jisuke Takatori), Giáo-sư Dược liệu-học và Dược-học Thực vật Đại-học-đường Nagasaki chủ biên, lại là một kỳ công về khoa-học và hội-họa. Trong 160 hình-ảnh màu do chính tác-giả tự tay vẽ lấy, J. Takatori trình-bày 199 cây thuốc phổ-thông thuộc thực-vật-chúng Nhật, bao gồm các cây dùng trong Tây-Y, trong Đông-Y và trong nền y-học dân-gian của riêng con cháu Thái-Dương thần-nữ, cùng với những chi-tiết về thực-vật, sinh dược, thành phần (hoá-học), dược-dụng và hán-phương (hay hán pháp, tức lối kê

toa theo Đông-Y)

Dĩ nhiên ta không thể quên cuốn *Japanese Drug Directory*, «đầu vị» của thang thuốc «thuốc Nhật» hôm nay, cũng như cuốn *Dược-diễn Nhật-Bản* cuốn Dược - diễn duy - nhất của thế-giới (1) trình-bày đầy-đủ các thứ thuốc dùng trong Tây-Y cũng như các thứ thuốc dùng trong Đông-Y,

(1) Chúng tôi không kể những cuốn như Trung-Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc Dược-Điền (1953) và Trung-Hoa Nhân Dân Cộng-Hòa Quốc Dược-Điền đệ nhất tăng-bổ bản (1957); như các sách tham khảo khác của Bắc-Triều-Tiên Hán Dược Cục Phương v.v...

bao gồm các chuyên luận về thuốc, về nguyên liệu làm thuốc, về dược-liệu (loại sản-xuất trong nước và loại mua của nước ngoài), về những phương-pháp kiểm-nghiệm chung v.v...

Những tờ báo dược-học và hoá-học của Nhật như Dược Chí, như Journal of the Pharmaceutical Society of Japan (*Yakugaku-Zasshi*), như Journal of the Chemical Society of Japan (*Nippon Kagaku-Kaishi*) luôn luôn đăng-tải các bài khảo-cứu cực kỳ công-phu về các vị thuốc bắc, thuốc đông. Chắc chắn kê-khai như thế này chưa hề là thiếu-đáo, cặn-kẽ.

Tất cả những tư liệu vừa kể trước hết là để làm cơ-sở giảng huấn cho sinh-viên ở Đại-học (các dược-sĩ Nhật-Bản đều có học về các dược-thảo Đông-Y tại Trường Dược-khoa) và sau nữa, hẳn nhiên là chúng đã xây-đắp nên một nền móng rất vững chãi cho *kỹ-thuật dùng thuốc dành riêng cho dân-tộc Nhật, phục-vụ hết mình dân-tộc Nhật*. Và những nhà trí-thức khoa-bảng Nhật, những cơ-sở bào-chế thuốc men Nhật, các y-sĩ Nhật, cả quần-chúng Nhật nữa, rõ-ràng là đã cùng chung sức góp công vào đường-hướng phát-huy một nền y-học đáp ứng đúng sát những đòi hỏi của xã-hội Phù-tang.

oOo

Thông thường, vì chịu ảnh-hưởng của văn-hoá Âu Mỹ, chúng ta vẫn quan-niệm rằng chỉ có một nền y-khoa, tức là nền y-khoa khoa-học, nền y-khoa chính-thống. Quen như người Pháp, chúng ta vẫn gọi : « la médecine... ». Theo như người Mỹ,

chúng ta vẫn nói : « Medicine... » Nhưng người Nhật có vẻ không chia xẻ cùng một lối tư-duy với chúng ta, ít nhất thì cũng là trên phương-diện dùng thuốc. Họ có riêng một kho dược-phẩm của họ bên cạnh một nền châm-thuật được chính-thức thừa-nhận, trong phạm-vi y-học Phù-tang.

Người bác-sĩ, dược-sĩ Việt-Nam chỉ biết thuốc tây, và các thứ thuốc bán ở những hiệu thuốc tây đều hoặc là nhập-cảng từ Âu Mỹ, hoặc là bào-chế theo công-thức nhượng quyền của ngoại-quốc, hoặc là sử-dụng những nguyên-liệu của nước ngoài. Có thể nói, mặc dầu Trường Y, Trường Dược Việt-Nam đã « thất thập cô lai hy » nhưng gần như không hề có bác-sĩ, dược-sĩ Việt-Nam nào biết và chú ý đến tài nguyên, cây thuốc của quê hương. Có lẽ đa số còn nghĩ rằng thuốc nam không khoa-học và không tốt bằng thuốc tây. Điều này cũng dễ hiểu, nếu chúng ta xét chương-trình đào-tạo y, dược-sĩ nước nhà. Trong quá-trình học-tập, họ chỉ được học về thuốc tây. Trong môn học về cây thuốc, vị thuốc, họ cũng chỉ được học về những sản-phẩm người Pháp dùng, mà những dược-thảo này toàn mọc ở Pháp hay ở các nước châu Âu, chỉ có một số ít, rất ít là thổ-sản của châu Mỹ, châu Phi, châu Á. Tên cây thuốc được giảng dạy bằng tiếng Pháp và tiếng La-tinh nên người chuyên-viên y-khoa Việt cũng không thể nào biết được quần-chúng Việt-Nam gọi cây thuốc đó như thế nào, nếu vạn nhất cây đó có mọc ở xứ ta đi nữa. (Trong

thời-gian gần đây, vấn-đề có vẻ như được cải-thiện chút đỉnh).

Sau khi tốt-nghiệp và hành nghề, người dược-sĩ cũng như người thầy thuốc chỉ quen với những vị thuốc nhập cảng hoặc bào-chế theo phương-pháp tân được. Ngay cả những vị thuốc thảo-mộc cũng chỉ được nhập-cảng dưới hình-thức thuốc cao, thuốc rượu hay thuốc bột; ta hầu như không bao giờ thấy những vị thuốc dưới dạng nguyên-liệu. Ngày hôm nay, nếu có ai muốn xin Dược-sĩ-đoàn Việt-Nam một bản liệt-kê tên các vị thuốc đặc-chế dùng nguyên-liệu bản-địa, e rằng bản danh-mục ấy sẽ không đưa ra nổi một số lượng sản-phẩm nhiều hơn số ngón tay trên một bàn tay!

Đây là ta chưa kể đến sự kiện rất buồn cười là, do sự thiếu hiểu biết và cộng-tác giữa hai ngành Đông-Y và Tây-Y, có lắm khi cả hai ngành đều cùng dùng một vị thuốc, nhưng mỗi ngành lại tự lực đi nhập cảng cùng vị thuốc ấy từ những xứ khác nhau! Ví dụ như vị Phan-tả-diệp. Đông-Y nhập cảng vị này của Trung-Quốc, qua ngã Hương-Cảng; còn Tây-Y dùng dưới tên Séné thì lại nhập-cảng của Pháp. Trong khi đó thì bản thân cả Trung-Quốc lẫn Pháp đều phải nhập của Ấn-độ hay Ai-cập để rồi đứng trung-gian bán cho ta mà... kiếm lời! Chúng ta có thể kể thêm nhiều ví dụ nữa, nếu muốn.

• Tro g kỹ-nghệ dược-học, cái khó, cái tốn là ở giai-đoạn kiểm-nghiệm, nghiên-cứu. Nước ta khó có đủ phương-tiện để tiến hành chu-đáo giai-đoạn ấy. Nhưng người Nhật đã

làm giúp ta trong một số rất lớn trường-hợp cây thuốc, vị thuốc Đông-Phương. Vấn đề bây giờ là... bắt chước.

Nước ta nghèo. Dân ta đang đói. Nghèo đói là cha đẻ bệnh-tật. Bệnh tật thì phải dùng thuốc.

Ông Tổng trưởng Y-tế đương-nhiệm, ngay cả trước khi nhận bàn giao Bộ Y-tế, đã tuyên-bố phải tìm mọi cách hạ giá thuốc tây. Từ lúc nghe được câu ấy đến nay người viết bài này chỉ thấy thuốc tây mỗi ngày mỗi lên giá. Lẽ lối dùng thuốc của Nhật có thể là một câu giải cho bài toán giá thuốc ở Việt Nam chăng? Chừng nào nước ta mới có những bác-sĩ được khoa, bác-sĩ y-khoa như của Nhật? Cho dân đỡ khổ?

oOo

Bác sĩ Faust, nhờ chiếc chìa khóa thần do quỷ Mephistopheles trao cho, đã xuống âm-ty đưa được người đẹp thành Troja là nàng Helena lên mặt đất. Mô-tả cuộc hành trình có một không hai đó, đại thi-hào Đức Goethe đã quên đề-cập đến một chi-tiết mà Faust, với tư-cách y-sĩ, chắc chắn phải đã ghi-nhận: cái sán địa ngục. Như một câu tục-ngữ Tây phương nói, sán ấy được lót bằng những ý-định tốt, những dự-kiến hay, những đề-án đẹp. Ngoại trừ ở một vùng nhỏ hẹp, sán địa ngục trống trơn. Trên vùng đó, Bác-sĩ Faust thấy cắm một cây cọc mang một tấm bảng ghi mấy chữ: «Vùng y dược Việt Nam». Ghi bằng... tiếng Việt ta cần thân.

TRẦN VĂN TÍCH
(11-74)

TRƯƠNG VINH KÝ trong quỹ đạo xâm-lãng văn-hóa của thực-dân Pháp

Trong bài trước, chúng ta đã thấy Trương-Vinh-Ký sớm ra hàng phục tân trào, bắt tay với thực dân Pháp kể từ khi thành Gia định vừa thất thủ. Từ đó, những chuyến đi xa của họ Trương đều gắn liền với những khúc quanh hệ trọng của lịch sử vong quốc. Trong vòng đai xâm lăng của thực dân từ mặt trận quân sự sang chiến tuyến văn hóa, các tác phẩm của Trương-Vinh-Ký đều nhằm phục vụ cho chủ đích chánh trị của nhà cầm quyền thuộc địa.

Trương-Vinh-Ký ấn hành Kim-Vân-Kiều truyện diễn ra quốc ngữ vào năm 1875 tức một năm trước khi họ Trương đặt chân lên đất Bắc, tiếp xúc với sĩ phu chốn nghìn năm văn vật. Trong khi ấy, cuốn Lục-Vân-Tiên diễn ra quốc ngữ được in năm 1889. Tại sao có sự cách biệt tới 14 năm ?

Năm 1866, tờ Courrier de Saigon số 14 ngày 20-7-1866 nhận được bản dịch bằng văn xuôi của Aubaret (1864). Tờ báo chẳng những khen bản dịch trong sáng mà còn đề cao tác phẩm Lục-Vân-Tiên đã biểu hiện rõ rệt tinh thần của người dân bản xứ.

Tờ L'Indépendant de Saigon số 172 ngày 8-11-1883 đăng bài của ông Pillet, một nhà doanh nghiệp ở Bến tre (Kiến hòa). Bài báo cho biết thêm nhiều chi tiết liên hệ đến cuốn Lục-Vân-Tiên. Theo nhận xét của ông Pillet, đây là một tập thơ được nhiều người An-nam ưa chuộng. Bài báo kêu gọi :

— Lại nữa, chúng tôi mong Hội-

đồng quản-hạt nếu có sáng kiến xuất bản một bản chính thức, đứng đắn, hoàn bị mà những nhà phê bình đều nhận là sai ít nhiều. Bản diễn ra quốc ngữ và Pháp văn phải kèm theo nguyên bản bằng chữ Nôm.

« Khoản chi tiêu có là bao và ta sẽ bảo tồn một tác phẩm mà mọi người đều công nhận có một giá trị lớn lao ».

Qua năm 1886, ông Linage, một nhà bán sách ở Sài Gòn, gửi một lá thư cho ông Chủ-tịch Hội-đồng quản-hạt, trong thư ấy có đoạn :

— Tôi được hân hạnh khần khoản ông Chủ tịch vui lòng trình bày với các ông Nghị viên quản hạt một ý tưởng đã nảy ra trong đầu óc tôi, sẽ có lợi về phương diện đồng hóa đối với thuộc địa trong công tác thay thế sách chữ Nho bằng sách diễn ra quốc ngữ. Quyển Lục-Vân-Tiên, một trong những tập thơ được người An-nam ưa thích nhất, nay chỉ còn bản diễn ra quốc ngữ bán với một giá mà phần đông quần chúng bản xứ không mua nổi. Ở đây tôi muốn

nổi tới bản của ông Janneau (Paris 1873) giá 6 quan mỗi quyển tại Pháp.

«Vì vậy tôi đề nghị Hội đồng quản hạt chấp thuận tài trợ cho tôi ấn hành một bản mới, giá rẻ, mà tôi xin hứa hoàn toàn chịu trách nhiệm.»

«Nhưng lời của ông Linage không mang lại kết quả cụ thể nào.

Hai năm sau, trong tờ trình của Chủ tỉnh Bến-tre tháng 7 năm 1888 gửi Thống-đốc Nam-kỳ, chúng ta đọc được đoạn văn ngắn ngủn này : «Người bản xứ Đồ Chiểu, tác giả quyền Lục-Vân-Tiên, đã mất tại Ba tri (làng An-bình-đông) trong đêm 24 tháng 5 (3-7-1888).» (1)

Nói tóm lại về phía thực dân Pháp trong chánh sách đồng hoá và trong việc thực hiện công cuộc xâm-lãng văn-hoá qua việc phổ biến chữ quốc ngữ, quyền Lục-Vân-Tiên cần được diễn ra quốc ngữ để phổ biến sâu rộng trong quần chúng. Chắc chắn những lời phàn bình trên đây của báo chí Pháp đều được Trương-Vinh Ký đọc qua hay nghe thuật lại. Dù không đọc, dù không nghe thuật lại, với tư cách là một nhà giáo, Trương-Vinh-Ký cũng phải công nhận quyền Lục-Vân-Tiên rất phổ cập trong Nam và hợp với tánh tình người miền Nam hơn. Đây là chưa kể quyền Lục-Vân-Tiên đọc dễ hiểu hơn truyện Kiều. Thậm chí hai tác giả người Pháp A. Bouinai và A. Paulus trong bộ *L'Indochine française contemporaine* (Challamel aîné éditeur, Paris 1885), trong phần nói về văn học miền Nam, đề cao Trương-Vinh

Ký đã đặc lực góp công vào việc dạy dỗ chữ quốc ngữ, không quên ghi nhận ảnh hưởng sâu rộng của quyền Lục-Vân-Tiên :

«Mỗi buổi chiều, cơm nước xong, từ các mái nhà tranh vang lên các câu nói thơ Lục-Vân-Tiên của người Nam kỳ.»

Phải đợi một năm sau khi cụ Đồ Chiểu qua đời tại Ba tri, nhà in A. Block mới in bản Lục-Vân-Tiên do Trương-Vinh-Ký diễn ra quốc ngữ. Trong khi ấy từ năm 1875, Trương-Vinh-Ký đã cho ấn hành Kim-Vân-Kiều truyện diễn ra quốc ngữ. Đây là lần thứ hai quyền Kim-Vân-Kiều ra mắt độc giả Nam-Kỳ nhưng dưới hình thức chữ mới do thực dân và tay sai áp đặt vào sinh hoạt văn-hóa của người dân bản xứ. Lần thứ nhứt, người dân đất Đồng-nai được thưởng thức đứa con tinh thần độc đáo của đất Bắc qua bản Nôm của Duy-Minh-Thị ấn hành năm 1872. Còn bản nôm Lục-Vân-Tiên của Duy-Minh-Thị do Quảng-Thanh-Nam ở Chợ-lớn xuất bản năm 1865, có Tôn-Thọ-Tường chăm sóc việc ấn loát.

So về nội dung và cú pháp, chúng ta phải nhìn nhận quyền Lục-Vân-Tiên dễ đọc, dễ hiểu hơn. Và lại quần chúng trong Nam đã xa rời từ lâu chốn nghìn năm văn vật, họ thích những gì diễn đạt thông

(1) Xem Trương Sơn Chí, Người Pháp đối với quyền Lục-Vân-Tiên và cụ Nguyễn Đình Chiểu, tr. 21-25 trong *Sưu tầm về Nguyễn Đình Chiểu*, Phủ Quốc-vụ-khanh đặc-trách văn-hoá ấn hành bằng ronéo.

thường, trôi chảy, điều mà Trương-Vinh-Ký đã áp dụng ngay từ lúc tác phẩm đầu tay của ông, quyển « Chuyện đời xưa » ra đời năm 1866 : đó là lối văn « trơn tuột » dễ dễ đi sâu vào quảng đại quần chúng.

Tại sao có sự cách biệt về năm ấn hành hai tác phẩm lớn của hai miền : Kim-Vân-Kiều truyện năm 1875 và Lục-Vân-Tiên năm 1889 ? Trong 14 năm cách biệt ấy, Trương-Vinh-Ký đã cho ra đời 52 tác phẩm vừa Pháp văn, vừa quốc ngữ.

Giữa lúc Nho học còn thịnh, Kim-Vân-Kiều truyện bị xem là một dâm thư thì việc ấn hành và phổ biến tập thơ này gây một ảnh hưởng không mấy tốt đẹp trong quần chúng, nhất là đối với việc đề xướng chữ quốc ngữ vừa xuất hiện trên sân khấu chánh trị Nam-kỳ. Về phương diện tôn giáo, chắc hẳn Giáo-hội Công-giáo V.N. hồi ấy cũng không thể chấp nhận sự có mặt của truyện Kiều trong nếp sống tinh thần của người Công-giáo bản xứ. Trương-Vinh-Ký vốn là một người xuất thân từ Nhà Dòng, chắc cũng đã nhìn thấy cái tác dụng không mấy tốt đẹp ấy trong đám môn sinh ông huấn luyện tại trường Thông-ngôn và trường Hậu-bồ. Suốt đời Trương-Vinh-Ký mặc áo dài khăn đóng chỉnh tề. Sách báo viết dưới thời bị trị dựa vào dữ-kiện này để cho rằng Trương tiên sinh vốn là người nệ cổ, vốn trọng đạo lý Thánh Hiền một lòng cúc cung tận tụy cho quốc-học. Ấy thế tại sao Trương-Vinh-Ký lại không nhìn thấy khía cạnh « vô luân » mà các nhà cựu

học thường gán cho truyện Kiều ? Phải chăng việc mặc áo dài khăn đóng của Trương-Vinh-Ký là một bằng chứng nói lên lòng nuối tiếc của Trương tiên sinh đối với chuỗi ngày sống trong nhà chung hoặc đây là một hành động vô thức che đậy một mặc cảm phạm tội cứ dằn vặt bên lòng khi Trương tiên sinh vì lời khuyến dụ của thực dân Pháp mà cởi áo nhà tu để lẫn xả vào cuộc đời ô trọc ?

Thậm chí một nhà hành chánh người Pháp đã nhìn nhận quyển Kim-Vân-Kiều chẳng những vượt quá sức hiểu biết của học sinh mà còn tạo những hình ảnh xấu xa cho lứa tuổi có trí phán xét chưa được vững vàng. Trong tập tài liệu thứ hai về Trương-Vinh-Ký mà chúng tôi đã công bố trong bài trước, kèm với biên lai của Nha Nội-trị nhận mua 1.000 quyển Kim-Vân-Kiều truyện do Trương-Vinh-Ký diễn ra quốc ngữ và tự xuất bản, chúng tôi tìm thấy lá thơ viết tay bằng chữ Pháp của ông V.Servant, Chủ tỉnh Trà-Vinh (Vinh bình) gửi cho Giám đốc Nha Nội-trị đề cập tới ảnh hưởng xấu xa do truyện Kiều gây nên trong học đường bản xứ. Chúng tôi xin dịch trọn lá thơ này để bạn đọc nhận định rõ chủ đích sáng tác của Trương-Vinh-Ký :

« Trà Vinh ngày 21 tháng 7 năm 1876

Kính gửi Giám đốc Nha Nội trị

« Thưa Ông Giám đốc,

Phúc đáp thơ của Ông đề ngày 19, mang số 665 và dấu của Văn-phòng

Ông, tôi hân hạnh gửi đến Ông những lời giải thích mà Ông yêu cầu tôi bày tỏ đối với các tác phẩm tôi cho là dơ dáy. Một tập ngụ ngôn hiện đang lưu hành, có truyện sau đây : một người đàn bà đi tắm sông. Thành bình một con cua xuất hiện kẹp môi chị ta. Chị la lên, một anh hàng xóm nghe la chạy lại, Anh ta vì muốn rút càng của ra khỏi môi chị, Anh kê sát đầu thế nào mà cũng bị cua lấy càng còn lại kẹp nhăm môi anh ta.

« Tập ngụ ngôn gồm có một vài truyện thuộc loại này. (1) »

« Chữ tôi dùng còn một nghĩa khác. Tôi còn nhớ chữ ấy cũng có nghĩa là không đứng đắn. Tôi muốn nói những nhà diễn dịch các bài thơ mới không đứng đắn trong việc lựa chọn mà họ đã làm cho các trường.

« Tập thơ mới (2) dơ dáy theo ý nghĩa thứ hai.

« Học trò ngâm nga mà nào có hiểu nghĩa lý. Chúng không thấu hiểu được tác phẩm cũng như nhiều em đọc được quốc ngữ, lại không hiểu Gia-định-báo.

« Chính vì những trường hợp này mà tôi mong mỗi Ông Giám đốc nên lựa chọn các tác phẩm nhỏ viết bằng Pháp văn với lời giải thích bằng tiếng An-nam cạnh bên.

Ký tên : Tham biện V. Servant.»

.

Ngoài ra kể từ khi thực dân Pháp đặt chân lên đất Đồng-nai, thân phận của nàng Kiều được các văn gia thi sĩ Đồng-nai ở hai chiến tuyến đặt thành vấn đề chánh trị. Kể đầu hàng

chế độ tân trào tự xem hành động thỏa hiệp của mình có khác chi quyết định của Kiều chỉ vì chữ hiếu mà phải bán mình. Cho nên tầng lớp sĩ phu bản xứ theo thực dân Pháp cho rằng Kiều đáng thương hơn đáng trách. Người đại diện cho phe này là Tôn-Thọ-Tường với bài thơ Vịnh Kiều :

« Đề lòng thiên cổ thương rồi trách
Chẳng trách chi Kiều, trách Hóa công. »

Họ Tôn vẫn khẳng định rằng vì thời cuộc đưa đẩy, vì cảnh đời ngang trái do con Tào gây nên mà ông cũng như một số sĩ phu, chắc chắn trong số này có Trương-Vinh-Ký sớm hàng phục chế độ tân trào.

Các nhà Nho yêu nước trong cuộc đấu tranh một mất một còn với thực dân không thể chấp nhận hành động thỏa hiệp và đầu hàng của nhóm Tôn-Thọ-Tường. Vì lý do chánh trị và đề bảo vệ chánh nghĩa chống xâm lăng sáng ngời trong lòng người dân mất nước, các nhà Nho đứng về phía nhân dân hoặc trách Kiều, hoặc kết án Kiều là một con đi không hơn không kém. Trong bài thơ Trách Thúy Kiều, một nhà thơ khuyết danh của miền Đồng - nai thống trách :

« Cái nghĩa chàng Kim tình đáng mấy
Lượng vàng họ Mã giá bao nhiêu ? »

(1) Trong tập « Chuyện đời xưa » của Trương-Vinh-Ký do nhà Khai Trí ấn hành gần đây, chúng tôi không tìm được truyện bị Servant chỉ trích. Chúng tôi cũng chưa tìm được ấn bản « Chuyện đời xưa » năm 1866 để tiện so sánh những khác biệt trong những lần tái bản.

(2) Tức truyện Kiều.

*Liêu-dương ngàn dặm xa chi đó
Nỡ đề Lâm-tri bướm dập diều !* »

Các nhà thơ yêu nước trách Kiều vì xem trọng vàng bạc của Mã-Giám-sinh hơn tình nghĩa của chàng Kim mà sớm bán mình cho đam mê dục vọng. Họ cũng đã trách khéo phe Tôn-Thọ-Tường sớm quên ơn vua, nghĩa đồng bào, tình ruột thịt và ngoảnh mặt làm ngơ trước cao trào chống xâm-lãng của toàn dân. (1) Cho nên, chiến tuyến về Kiều không phải đợi tới năm 1924 khi cụ Ngô Đức Kế viết bài « Chánh-học cùng tà-thuyết » đề tố cáo thái độ chánh trị phi dân tộc dưới hình thức văn hóa suy tôn truyện Kiều của Phạm Quỳnh mà trái lại đã diễn ra kể từ khi đất Đồng-nai nằm trọn dưới gót giày quân xâm-lược Pháp.

Chắc chắn những lời thống trách, sỉ nhục của sĩ phu yêu nước Đồng-nai đã lọt được vào tai Tôn-Thọ-Tường cũng như vào tai Trương-Vinh-Ký. Ấy thế mà năm 1875, Trương-Vinh-Ký vẫn cho ấn hành Kim-Vân-Kiều truyện được diễn ra quốc ngữ để phổ biến tại các trường do thực-dân dựng lên trong chánh sách đồng-hóa và cưỡng-bức giáo-dục nô dịch. Cũng trong năm 1875, Trương-Vinh-Ký cho ấn hành cuốn Đại-Nam sử-ký diễn-ca.

Một lời giải thích được đưa ra trong tiến trình luận lý tìm hiểu chủ đích sáng tác của Trương-Vinh-Ký. Việc xuất bản Kim-Vân-Kiều truyện năm 1875 không phải vì mục đích phục vụ văn hóa dân tộc, cũng

không phải vì việc phổ biến chữ quốc ngữ mà trái lại nằm trong ý đồ thâm độc của thực dân : với Kim-Vân-Kiều truyện và Đại-Nam sử-ký diễn-ca, Trương-Vinh-Ký chuẩn bị lên đường ra đất Bắc vào năm 1876. Từ 1873, tình hình miền Bắc rối ren, dân chúng hoang mang, sĩ phu đứng lên chống lại mãnh liệt sự có mặt của quân đội Pháp. Trong tình thế khó khăn ấy, năm 1874, Philastre, người bạn thâm giao của Trương-Vinh-Ký, thân hành ra Bắc nắm giữ quyền thống lãnh. Trong Nam, Philastre cai quản cơ quan nghiên cứu hình-luật An-nam để thực hiện ý đồ của Bonard : dùng luật An-nam cai trị người An-nam. Ông là một trong những người Pháp am tường ngôn ngữ và tâm lý người An-nam. Do đó khi ra Bắc, ông cần một số người bản xứ có học thức cao để chiêu dụ sĩ phu đất Bắc không phải bằng bạo lực, mà trái lại bằng con đường văn chương chữ nghĩa. Con người được Philastre chú ý nhất không ai hơn Trương-Vinh-Ký.

Nằm trong ý đồ xâm lăng đó, Trương-Vinh-Ký chuẩn bị thật kỹ càng chuyến đi của ông. Ông tiên liệu khi đặt chân lên đất Bắc, ông phải đối đầu với giới sĩ phu của chốn nghìn năm văn vật, một lòng trong vọng văn chương tao nhã. Khi du thuyết về văn chương để cảm hóa lòng người, Trương-Vinh-Ký đã khôn khéo lồng khung những cuộc nói

(1) Xem Thuần-Phong, Thúy-Kiều ở Đồng-nai, Bách-Khoa số kỷ niệm 200 năm Nguyễn Du, ngày 15-9-1965.

chuyện đó qua sự trao tặng Kim-Vân-Kiều truyện. Ngoài ra để tránh mọi cớ trích có thể có của sĩ phu miền Bắc cho rằng những người theo Tây học, sớm thỏa hiệp với thực dân là những con người mất gốc, Trương-Vinh-Ký đã gián tiếp trả lời qua việc ấn hành Đại-Nam sử-ký diễn-ca.

Có một điều hơi lạ trong các hồ-sơ hành chánh của Trương-Vinh-Ký, chúng tôi đã cố tìm nhưng không thấy một văn kiện nào của Soái-phủ Nam-kỳ cho phép Trương-Vinh-Ký, công bộc của chánh-quyền thuộc-địa, lên đường ra đất Bắc. Phải chăng đây là một chuyến du khảo như lời các con của Trương-tiên sinh thuật cho Bouchot nghe ? Chính Bouchot, trong quyển sách dành đề ca ngợi sự nghiệp thân Pháp của Trương-Vinh-Ký có đặt nghi vấn :

« Bởi vì phải xem đây là một chuyến đi chơi của một nhà bác học trên đường tìm các tài liệu mới hay đây là một sứ mạng công vụ trong một vùng lúc bấy giờ rối ren một cách đặc biệt ? »

Thật ra đây là một chuyến đi hoàn toàn có tính cách chánh trị. Chúng tôi tìm được bản phúc trình viết tay bằng tiếng Pháp, do Trương-Vinh-Ký ký ngày 28-4-1876 gửi cho Đô đốc

Duperré ở Sài-gòn đề báo cáo nội tình miền Bắc. Những suy luận trên liên hệ đến việc chuẩn bị lên đường ra đất Bắc du thuyết đều xuất phát từ phúc trình này mà Soái-phủ Nam-kỳ xếp vào loại hồ sơ mật. Cũng dựa vào bản phúc trình này, đối với các quan lại Nam triều đang lo lắng về tình hình đất nước, Trương-Vinh-Ký một mực khẳng quyết rằng nước Pháp không bao giờ nuôi dã tâm đánh chiếm Bắc-kỳ. Nước Pháp luôn luôn tôn trọng các lời cam kết với triều đình Huế. Theo họ Trương, sở dĩ quân đội Pháp có mặt ở Bắc-kỳ là vì nhà nước Pháp mong mỗi giờ gìn an ninh trật tự cho người dân bản xứ. Trương-Vinh-Ký còn ghi thêm những lời lẽ ông đối đáp với giới quan lại Bắc-kỳ là nếu người Pháp muốn đánh lấy đất Bắc, họ đánh lâu rồi và một khi họ đánh, nước Nam sẽ thua vì binh lực Nam triều đã yếu thế rồi !

Tóm lại, chuyến đi Bắc-kỳ của Trương-Vinh-Ký năm 1876 không ngoài mục đích xem xét tình-hình để báo cáo tường tận cho Soái-phủ Nam-kỳ và từ đó, Soái-phủ Nam-kỳ chuẩn bị tiến quân ra Bắc trong một cuộc xâm lăng đại qui mô nhằm đặt toàn cõi Đông-dương dưới quyền thống-trị của thực dân Pháp.

Chủ đích sáng tác của Trương tiên sinh và bài học dành cho kẻ hợp tác

Trong suốt 28 năm sáng tác, Trương-Vinh-Ký đã cung cấp cho đời 121 tác phẩm Việt có, Pháp có.

Hầu hết các tác phẩm của ông đều phục vụ cho quyền lợi của nhà nước thuộc địa. Chính ông cũng đã nhìn

nhận chủ đích này trong lá thư viết bằng Pháp văn ngày 12-11-1882 gửi cho các Nghị viên Hội đồng quản hạt :

« Làm công tác này (tức công tác in sách), ý định của tôi là chứng tỏ cho các ông thấy trong số 13 tác phẩm do tôi ấn hành cho đến ngày hôm nay với phí tổn của tôi, tôi không bao giờ đi lệch mục đích chính và trực tiếp mà tôi đã đề nghị và trước đây tôi đã có dịp trình bày cho Nhà nước cũng như cho Ủy ban cứu xét các tác phẩm của tôi. Mục đích này là sự biến cải và đồng hóa dân tộc An nam.

« 1 / Xuất bản cuốn « Chuyển đi Bắc kỳ » năm 1876, tôi muốn cho đồng bào tôi biết nơi khởi phát dân tộc chúng tôi, địa thế, tổ chức hành chánh, tập tục, hăm mỏ, sản phẩm và nền kỹ nghệ Bắc-kỳ.

« 2 / và / 3 « Trương Lưu hầu phú », ấn hành với lời dẫn giải, trước tiên chứng minh cho giới sĩ phu thấy rằng họ không phải là những người duy nhất nắm giữ nền văn học An-nam và kế tiếp cho thấy Trương Lương vốn là một chánh khách lỗi lạc, sau khi trả xong nợ ái quốc cho xứ sở, ông đã biết thoát khỏi dự vọng và rời sân khấu chánh trị. Khi về ẩn dật trong núi, ông đã biết từ chối mọi danh dự mà ông xứng đáng. »

Trương Vinh Ký trình bày tiếp chủ đích khi sáng tác từng tác phẩm. Chung qui vẫn xoay quanh việc phục vụ nhà nước bảo hộ đề nhà nước dễ thi hành chánh sách đồng hóa.

Cuối thư, Chủ tịch Hội đồng quản hạt viết tay chấp thuận cho chuyển hồ sơ sang Ủy ban cứu xét các tác phẩm của Trương Vinh Ký.

Chúng tôi cũng tìm được thư viết tay bằng chữ Pháp của Trương-Vinh-Ký gửi cho các hội-viên trong Ủy-ban này. Rất tiếc ngày tháng quá lu mờ, chúng tôi chỉ đọc được năm 1882. Lá thư này rất hệ trọng vì nó giúp ta thấy rõ chủ đích sáng tác của giả. Thư bắt đầu :

« Tôi hân hạnh gửi đến các ông một vài hàng này để giải thích về mục đích mà tôi đã đề nghị khi viết các công trình này hiện được đặt dưới sự thẩm xét tối cao của các ông. Người ta có thể khảo sát các tác phẩm này theo hai quan điểm tùy theo hai chủ đích nhằm đến : không bỏ phí thì giờ hiện tại và nối liền dĩ vãng với tương lai xứ sở. Đó là mục đích của tôi.

« Những công trình này có thể hữu ích cho người Pháp muốn học hỏi ngữ ngôn và tập tục của người bản xứ và cũng ích lợi cho người An-nam bắt đầu học Pháp-văn và các khoa học bằng Pháp-văn và cuối cùng, một vài tác phẩm dành riêng cho sự giáo huấn người này người nọ.

« Từ đó có ba loại khác nhau :

1) Công trình ngữ học : Tự vị, văn phạm, phương pháp, khóa giảng v.v.. bằng tiếng Pháp và tiếng An nam.

« 2) Công trình thực tiễn và giáo khoa bằng tiếng An-nam và viết bằng văn xuôi như các tác phẩm có liên hệ đến lịch sử, tập tục, thói quen, các sản phẩm thiên nhiên, kỹ nghệ.

địa lý nước nhà v.v...

3) Công trình hoa mỹ bằng tiếng An-nam và bằng thơ: Truyện bằng thơ, tuyên tập thơ, văn học v.v...

«Về phương diện chánh trị và kinh tế, người Pháp là những người đi đồng hóa và người An-nam là những người nhận đồng hóa: kẻ yếu phải cần dựa vào người mạnh để tiến lên và được đặt ngang cùng trình độ. Đó chính là mục đích phải theo và phải đạt đến. Làm sao để đến? Người ta chỉ có thể đạt bằng con đường đồng-hóa. Và đồng-hóa được thực hiện bằng giáo dục và giáo-huấn...»

Thư còn dài. Nhưng chỉ với những hàng chữ viết tay trên đây của Trương-Vĩnh-Ký, chúng ta cũng đủ thấy rõ chủ đích sáng tác của Trương tiên sinh thoát thai từ chánh sách xâm-lãng văn-hóa của thực-dân. Do đó mà vị thế của Trương-Vĩnh-Ký trong văn-học nước nhà cần phải được đặt lại theo quan điểm dân tộc.

Một vài tác giả viết văn-học-sử dưới thời bị bị cũng như cho đến hôm nay tại miền Nam cho rằng Trương-Vĩnh-Ký là nhà văn tiên-phong của nền văn học quốc ngữ. Nhưng tiên-phong ở đây là tiên phong trong ý đồ xâm-lãng văn-hóa của thực-dân và nhằm lẫn át tiếng nói bất khuất của người dân mất chủ quyền. Thật vậy tiến-trình chữ quốc-ngữ được tuần tự lồng khung trong các thời kỳ lịch-sử vong-quốc và chống xâm lăng của toàn dân ta. Chữ quốc ngữ từ lúc khai sáng cho đến năm 1859 tức năm thành Gia-định lọt vào tay

thực-dân Pháp chỉ được sử dụng tại các giáo đường, giữa các cổ đạo ngoại-quốc và giáo dân bản xứ mà đa số là những người nghèo khổ, muốn thoát khỏi tình trạng áp bức của chế độ quân chủ và cơ-chế xã thôn mục nát. (1)

Đến khi xâm chiếm được thành Gia-định và làm chủ tình hình ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ, thực dân Pháp liền lợi dụng sự hình thành của chữ quốc ngữ để thi hành chánh sách đồng-hóa của họ. Họ cắt đứt cội rễ văn-hóa dân-tộc đã bám sâu vào nếp sống của quần chúng bằng cách xoá bỏ chữ Nho, chữ Nôm thẩm nhuận hồn nước và thay thế bằng chữ quốc ngữ với lý do dễ học. Trong quỹ đạo xâm lăng văn-hóa ấy, Trương-Vĩnh-Ký được xem là ngôi sao rạng rỡ nhứt của thời kỳ đầu Nam-kỳ thuộc Pháp.

Hơn nữa Trương-Vĩnh-Ký còn được xem là ông tổ của làng báo nước nhà. Báo ở đây là báo của thực dân vì tờ Gia-định báo vốn là một tờ công-báo của Soái-phủ Nam-kỳ. Với nghị-định số 298 ngày 16-9-1869, Soái-phủ Nam-kỳ giao phó việc quán xuyến tờ Gia-định báo cho Trương-Vĩnh-Ký và tờ báo phải được phân phát miễn phí cho các trường để học trò bản xứ tập đọc quốc ngữ. Nhà cầm quyền vẫn sợ dân chúng không đọc Gia-định báo. Cho nên với thông tư ngày

(1) Xem Một vài đặc điểm của văn chương quốc ngữ tìm thấy ở Lyon (Pháp) và Lisbonne (Bồ đào nha), cùng tác giả, sắp đăng trên Bách khoa.

11-7-1879, Giám-đốc Nha Nội-trị chỉ-thị cho tất cả các cơ quan công quyền từ toà bố (tức toà hành-chánh) tỉnh lý đến nhà việc mỗi làng xuất công nho quản hạt làm cái biển trước công-sở đề dán tờ Gia-định báo và kêu gọi dân chúng đến đọc.

Khi ấn hành các tác phẩm bằng chữ quốc-ngữ, Trương-Vinh-Ký đã mắc vào âm mưu thâm độc của thực dân Pháp với lẽ lối giảng dạy ngu dân của họ. Thực-dân chỉ cần dạy dân bản xứ biết đọc, biết viết để đọc được các thông-tư, nghị-định của Soái-phủ Nam-kỳ. Thầy giáo của thực dân không cần giảng giải nghĩa lý sâu xa trong các bản văn. Cho nên một phần lớn các tác phẩm của Trương-Vinh-Ký khi phổ biến vào trường học cũng như tờ Gia-định báo không thích hợp với trình độ hiểu biết của học sinh như lời phê bình của tham-biện Trà-vinh trong lá thư đề ngày 21-7-1876 gửi Giám-đốc Nội-trị. Chính Cultru cũng đã nhìn nhận âm mưu thâm độc này của đường lối giáo dục thuộc địa trong cuốn "Histoire de la Cochinchine française des origines à 1883" (A. Chalamel Paris 1910):

« Chỉ lấy việc dạy chữ Pháp và chữ quốc ngữ làm nền tảng cho việc giáo dục, tinh thần và tâm hồn không được cải tiến khi chỉ dựa vào việc biết viết, biết đọc một thứ tiếng. Bằng lòng như vậy là tạo ra bọn người vô học vì biết đọc, biết viết để làm gì nếu không hiểu bản văn đọc ».

Như trên đã thấy, cuộc đời của Trương tiên sinh gắn liền với chữ quốc ngữ tại miền Nam. Trong giai đoạn đầu Nam-kỳ thuộc Pháp, với chánh sách đồng-hóa, họ cổ-xúy chữ quốc ngữ và Trương-Vinh-Ký được sùng ái. Nghị định ngày 17-3-1879 của Soái-phủ Nam-kỳ nhằm thiết lập một học-chế mới đã báo hiệu sự suy tàn của chữ quốc ngữ vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 tại Nam-kỳ. Kể từ niên khóa 1879-1880, bốn phần năm chương-trình học đều giảng dạy bằng tiếng Pháp và chữ quốc ngữ chỉ chiếm một địa vị thật khiêm tốn trong giáo-trình 10 năm từ Tiểu lên Trung-học bản xứ: 3 năm cấp 1, 3 năm cấp 2 và 4 năm cấp 3 (1). Hai mươi năm cuối thế-kỷ 19 tại Nam-kỳ, chữ quốc ngữ đã bắt đầu suy vi rồi sinh hoạt văn hóa miền Nam không còn sống động như ở thời kỳ tự chủ hoặc trong những năm đầu Nam-kỳ thuộc Pháp. Thậm chí sách báo xuất bản tại Nam-kỳ vào đầu thế-kỷ 20 có quá nhiều lỗi chánh tả, điều mà tờ Gia-định báo cũng như các sách của Trương-Vinh-Ký, Huỳnh-Tịnh Paulus Của không mắc phải.

Những ngày tàn của Trương-Vinh-Ký chỉ là hậu quả đương nhiên của sự việc chữ quốc ngữ đã mất thế đứng trong xã hội mất chủ quyền. Sách của Trương Vinh Ký tự đứng ra xuất bản bán không chạy, nhà nước bảo hộ không còn bảo trợ và tác giả phải mắc nợ nhà in. Với

(1) Xem Thực-chất giáo-dục thời Pháp thuộc, cùng tác giả, sắp xuất bản.

chuối ngày già nua, họ Trương phải đi dạy tại các trường Sư phạm, Sinh ngữ Đồng phương để hưởng lương giáo sư dạy giờ. Nhân ngày truyền thống trường Trương Vĩnh Ký 6-12-1973, trong bài nói chuyện về Trương Vĩnh Ký, ông Vương-Hồng-Sên ghi nhận: "Trương Vĩnh Ký nằm xuống rồi, chừng ấy Chính phủ Đại Pháp mới nhớ lại, cho lấy nhưng lễ một người có mề-đay điều mà làm lễ tổng táng rất trọng thể, có lính tập và sơn đá bằng súng theo đưa hai bên quan tài."

Trương-Vĩnh-Ký mất, đánh dấu sự chấm dứt một thời-kỳ của chánh sách văn-hóa nô-dịch. Cuộc đời của Trương-Vĩnh-Ký tự bản chất đã nói lên mưu đồ thâm độc của thực dân trong chánh sách và kế hoạch xâm-lãng văn-hoá của họ. Cro nên bài học Trương-Vĩnh-Ký là bài học của người trí thức không thấy rõ mưu đồ đen tối của ngoại bang, không có lập-trường dứt khoát trước một thái-độ phải chọn: hợp tác hoặc không hợp tác với ngoại bang. Vào thời

Trương-Vĩnh-Ký, ngoại bang ở đây là kẻ đi xâm lăng và cuộc xâm lăng của ngoại bang được nguy trang dưới chiêu bài thật hoa mỹ: gieo rắc ánh sáng văn-minh khai-hoá. Người trí thức ấy được may mắn học ở nước ngoài trở về, nói được nhiều ngoại ngữ ngay từ buổi đầu khi "Đồng-nai tranh ngôi nhuộm màu mây", đã bước vào vòng đại kiểm toả do thực dân bủa giăng đề rồi bị xoắn vào cái chánh-sách xâm-lãng thâm độc ấy. Vì không có một lập-trường dựa trên cơ-sở dân-tộc cho nên trên bước đường hợp tác với ngoại bang, Trương-Vĩnh-Ký lúc về già phải chuốc lấy những hậu-quả do chính những diễn-biến của chánh-sách xâm-lãng ấy tạo nên.

Cho nên bài học Trương-Vĩnh-Ký còn là bài học lớn, súc tích, đầy đủ ý nghĩa cho người trí thức cũng như người cầm bút hôm nay suy gẫm khi chọn một thể đứng trên con đường đi tới của lịch sử dân tộc.

PHẠM LONG ĐIỀN

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin Ông Bà LÊ NGỌC QUỲNH làm lễ vu quy cho thứ nữ là: Cô LÊ THỰC HIỀN cùng Cậu VŨ ĐÌNH QUỲ, vào ngày 14-11-1974 (mồng 1 tháng 10 Giáp Dần) tại Saigon,

Xin trân trọng mừng Ông Bà Lê Ngọc Quỳnh và chúc tân gia nhân cùng tân lang trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà LÊ NGỘ CHÂU

Nhà đóng sách LÁ BỐI

Lô O số 104 Chung Cư Minh Mạng Saigon 10

(đối diện với nhà xuất bản Lá Bối)

*Đóng sách mạ chữ vàng, chữ Việt có dấu
Mỹ thuật, đẹp, chắc chắn, giá vừa phải.*

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

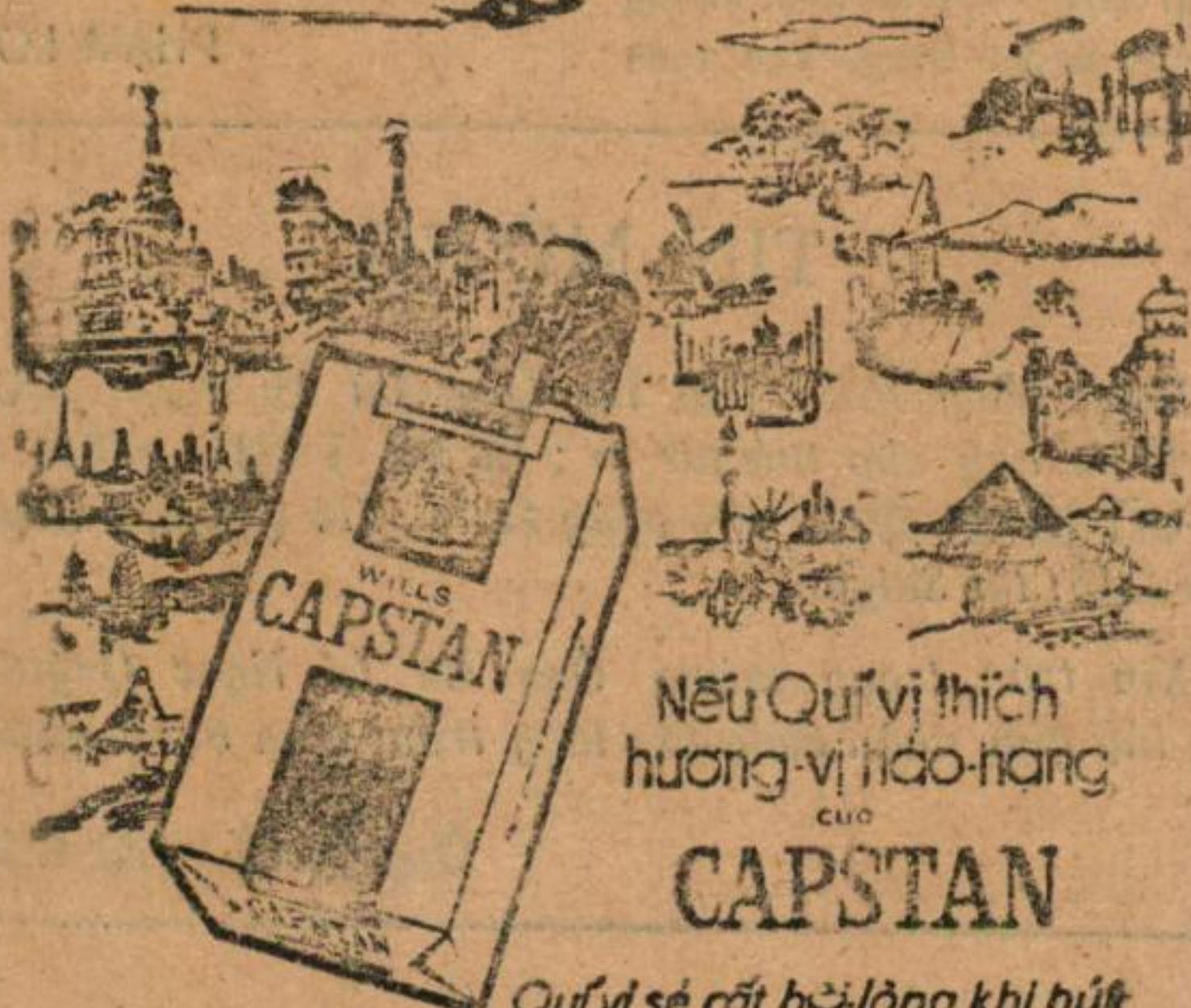
Dây nói: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc

Giới thiệu một thi-tài và một giai-phẩm bị bỏ quên : THÁI THUẬN và Lữ Đường diảo thi tập

Vì thật sự sống cùng thơ, cho nên loại thơ nào của Lữ-Đường cũng đều sống-động, thơ cảnh cũng như thơ-tình, thơ vịnh-vật cũng như thơ vịnh-sử...

CÚC HOA

Lãnh liệt thu thâm độc nại sương
Nhiều từng khai biển bạn ly quang
Thảo biên nhật mộ huỳnh phân
Trúc lý phong hàn xạ tiến hương
Chúng diêm ưng tâm khuy văn tiết
Nhất sanh ná khẩn phụ trùng
Nhàn trung nga khởi Đào Bành
Tọa đới du nhiên thú vị trường

TẠM DỊCH :

HOA CÚC

Lạnh thắm thu già riêng nở sương
Triu-triu lưng dậu nhánh thanh-quang
Cổ phơn-phớt rạng đêm huỳnh-hỏa
Trúc hắt-hiu lồng gió xạ-hương
Trăm thắm mủa-mỏi nhìn văn-tiết
Một đời khẩn-khẩn đới trùng-dương
Nhớ Đào-Tĩnh-Tiết cơn nhàn-hứng
Đôi bóng song mai thú-vị trường
Kỗ là cúc. Nhưng không phải cúc
nở mùa xuân, cúc chưng bày nơi phố-
phường để bán, cúc trang-diêm cho
đài các thêm lộng-lẫy huy-hoàng. Cúc
đây nở trong sương thu lạnh-lẻo,

cạnh rào-dậu giữa thiên-nhiên... Cúc
đây là bạn của Đào-Tiềm, là « hóa-
thân » của tác-giả Thái-Thuận, là thân-
thể và tâm-sự của Lữ-Đường. Buồn
mà tươi đẹp, tươi đẹp nhưng thật
buồn, thật buồn song không chán-
nản.

Nhưng Thái-Thuận không phải chỉ
yêu độc-nhất một thứ hoa, như Đào-
Tiềm yêu cúc, Lâm-Bồ yêu mai. Cho
nên ngoài thơ Vịnh Cúc, Thái-Thuận
còn gởi lòng nơi nhiều giống hoa
khác như Sen, Mai, Đào, Mạ-lị...
Và đối với hoa nào tình cũng thắm
nồng, vịnh hoa nào lời cũng tươi
đẹp. Văn-chương tương xứng với
phấn hương. Hai bên nương nhau
mà thanh-giá thêm cao quý.

Làm thơ cũng như vẽ. đối với vật
hữu hình, nhất là đối với những vật
hình-dáng ít thay đổi, ngòi bút dễ bề
day-trở hơn là đối với những gì mà
chúng ta chỉ thấy lờ mờ thấy khi
vẩy khi khác, hoặc chỉ nghe, chỉ
ngửi... Song với ngòi bút của Thái-
Thuận thì tất cả những gì ngũ quan
nhận-thức được. đều được miêu-tả
một cách linh-đông và rõ-ràng. Ví
dụ tả Tiếng sáo của thuyền-chài :

NGŨ DỊCH

Phù thể công danh tuyệt ý cầu
Chỉ bằng nhất dịch bạn cơ chầu

Bạch tần giang thượng sở thanh
 Hồng lục na tiền tam lộng thu
 Ly phổ nhận hồi minh nguyệt tái
 Hoài hương nhân ý tịch dương lâu
 Bất tri hưng tận qui hà xứ
 Sơn tự thanh thanh thủy tự lưu

TAM DỊCH ;

Công danh mấy tóc không màng
 Thuyền câu ống địch nhẹ-nhàng *tắm*
 thân

Trên sông chớm nở bạch-tần
 Thoảng đưa mấy tiếng trời dần *sáng*
 ra

Trước ghềnh hồng-lục đơm hoa
 Vira ba khúc lộng tiết đà sang thu
 Nhận về bến cũ đắm sâu
 Ai xa bóng nguyệt nhuộm màu biệt-ly
 Lòng quê muôn dặm hoặc qui
 Lầu hoa nương ánh tà-huy ghen-ngào
 Hưng tàn qua lại nơi nao
 Nước xanh cuộn-cuộn non cao trập-
 trùng.

Không tả tiếng địch, chỉ nói đến ảnh-hưởng tiếng địch, mà với thanh âm với hình-ảnh của lời thơ, tiếng địch du-dương uyển-chuyển nghe phảng-phất bên tai, những cảnh những tình do tiếng địch chi-phối lần-lượt trải bày ra trước mắt, trong trí trong tâm người-nghe người-đọc.

Bút-pháp của Thái-Thuận thật tinh-luyện làm sao ! Càng đọc nhiều bài, càng đi sâu vào thơ, càng khâm-phục thi-tài của Thái-Thuận.

Nhưng thơ đi đến được diệu-xử không phải nhờ ở thi-pháp tinh-

luyện, mà chính nhờ ở sức sống mãnh-liệt, tức ở công sức-tích, hàm-dưỡng, uần-nhưỡng, huân-tập cao ngày dày tháng và hết sức hết lòng. Những bài thơ, dù hình-thức đẹp đến đâu mà thiếu sinh-lực, đều không có giá-trị, hoặc giá-trị không được mấy. Mà những người xem thơ bằng tâm-hồn, nhìn vào thơ là biết ngay tác-giả có sống hay không, có sống thật-sự với ý thơ hay chỉ sống một cách giả-tạo, một cách hời-hợt.

Thái-Thuận có một đời sống nội-tâm dồi-dào và sâu-sắc. Nếu không thì thơ Lữ-Đường không thể chân-thiết và thâm-viễn như thế được. Thơ tình cũng như thơ cảnh, thơ vịnh vật cũng như thơ vịnh sử, tức sự... thấy thấy đều có sức truyền-cảm mạnh, sức tri-hưng bền. Mới đọc thấy thích, càng đọc càng thấy thú, đọc mãi không chán.

Đó là về thơ thất-ngôn bát-cú. Thề thơ này chiếm hơn 2 phần 3 tập Lữ-Đường Di-Cảo tôi hiện có.

Thề Ngũ-ngôn Bát-cú của Thái-Thuận cũng thuộc vào hàng thơ hữu-bạn. Phong-cách cao, ý-thú nhã. Nhưng vì số chữ ít, tiếng ngân vắn, nghĩa câu nhem... nên người đọc phải tìm nghĩa trong từng câu, tìm ý trong từng lời, phải lắng lòng đón lấy âm-nhạc hình-ảnh, thì mới nhận thấy chân-tướng chân-vị của vắn thơ.

ĐÔNG TRIỀU TẢO PHÁT

Thần kê du vị báo
 Khách trạo khởi giang tâm

Nguyệt đàm sơn tà thủy
 Trào hàm thủy dượt cầm
 Sa âu phong lãnh lãnh
 Ngu phổ thọ thâm thâm
 Thủy vịnh Thương Lang khúc
 Tiền thôn kinh thủy cầm

TAM DỊCH :

SỚM RA ĐÔNG-TRIỀU

Tiếng gà chưa gáy sớm
 Lòng sóng động tay chèo
 Xanh phớt non lái nguyệt
 Vàng gieo nước nhầy triều
 Bến chài cây rậm-rậm
 Bãi lộ gió hiu-hiu
 Bỗng khúc Thương-Lang vắng
 Giật mình chim nội kêu

Bài thơ chữ Hán quá hàm-súc, bài dịch không thể nào — dù dùng thể thơ nào cũng vậy và đối với nguyên-tác thất-ngôn cũng như ngũ-ngôn—sang được hết tình ý, lột được hết thần khí của nguyên-văn. Đó là lẽ chung chứ không phải riêng gì thơ Thái-Thuận. Cho nên muốn thưởng-thức, cần đọc thẳng nguyên-văn. Và để thấy rõ giá-trị thơ ngũ-ngôn của Lữ-Đường, chúng ta đọc thêm đôi luật nữa :

TÀO HÀNH

Khởi lai thiên vị hiều
 Giang nguyệt ngộ nhân hành
 Hồ điệp mộng trung cảnh
 Đỗ quyền hoa ngoại thanh
 Đề vân liên dã quán
 Cô hỏa cách giang thành
 Tiền đạo Hoa-Lâm thị
 Thiên San chung thủy minh

TAM DỊCH:

ĐI SỚM

Ra đi trời chưa sáng
 Thuyền lướt ánh trăng tà
 Phảng-phất cảnh trong mộng
 Bồi-hồi quỳên dưới hoa
 Mây đông lồng quán vắng
 Lửa ngọn chiều thành xa
 Đến chợ Hoa-Lâm trước
 Chùa non chuông mới khua.

ĐỀ PHỒ LẠI TỰ

Đông lai sơn dục đoạn
 Phục khởi giá hàn long
 Phù dạ chung qui hải
 Hàm thu nguyệt truy giang
 Long ngâm môn ngoại thủy
 Lộ túc vụ biên song
 Vãng vãng xao tăng mộng
 Ngư cơ đoản địch xoang

TAM DỊCH :

ĐỀ CHÙA PHỒ LẠI

Lên đây núi chạy trập-trùng
 Muốn dừng lại nổi bên dòng mây trôi
 Lừng đêm chuông vượt biên khơi
 Ngâm thu trăng rụng giữa vời sông
 trong
 Cửa ngoài nước vọng tiếng rồng
 Bên song ngút tỏa thông-dong giấc cò
 Địch dài đôi tiếng nhỏ to
 Lừng-lơ xao nhẹ giấc hồ sư-ông

Rõ là những bức tranh-cảnh vẽ bằng màu sắc của tâm-hồn tác-giả, là những mặt hồ in bóng chim bạch-hạc bay ngang qua, chim không lưu tâm đến bóng mình trên mặt hồ, nhưng mặt hồ lại vô-tâm in bóng mình một cách trung-thực. Song nếu ghé mắt vào hồ mà lòng mong tìm

cá của châu ngọc, thì khó mà thấy bóng hạc bay qua.

Đời Thái-Thuận, đoạn cuối như sao thật không đượ rõ. Song qua những vần thơ ở phần sau tập Lữ-Đường, như những bài Cúc-Hoa. Ngư-địch... những bài Phồ-Lại, Tảo-Hành, Đông-Triều.. thượng dẫn, thì nhận thấy trong giai-đoạn sáng-tác những giai-phẩm này, tâm-hồn của Thái-Thuận đã an-nhiên tự-tại. Lời thơ thanh-thoát, vị thơ đậm nhưng trường.

Thơ Ngũ-Ngôn luật, trong tập Lữ-Đường Di-Cảo của tôi, chỉ có 12 bài. Văn-chương đại-khái như 3 bài thượng dẫn.

Còn thơ Tuyệt-Cú thì được 30 bài, cả thất-tuyệt lẫn ngũ-tuyệt. Đây là những bức tranh thủy-mặc, chấm phá đôi nét thanh-nhã, về ngoại-cảnh cũng như về nội-tâm :

TỔNG BIỆT

Cắm thụ oanh thanh hiền
Giang phong yển tử tà
Thắng du tân Hạ cảnh
Qui hứng cổ viên hoa

TẠM DỊCH :

TIỀN ĐƯA

Vườn vua sớm giục oanh ca
Gió đưa cánh én là-dà sông xuân
Thắng-du bước trải xa gần
Nẻo quê về thưởng tình-thần hoa xưa.

MUỘN GIANG

Bình phố thừa triều thượng
Nông dân sản hiền canh
Hát ngư phi bạch điều

Phong ngoại lưỡng tam thanh

TẠM DỊCH :

TRÊN SÔNG MUỘN

Bãi phẳng nhân triều ngập
Trời mai với xúm cây
Hết trâu cò trắng hã
Tiếng vọng gió xa bay

LA GIANG NGẪU THÀNH

Phong nguyệt túy nhân giang
thượng khứ
Bộ thư tri ngã dạ trung niên
Ngũ canh dục phóng qui lai
mộng
Hà xá nhất thanh đề đồ quyền

TẠM DỊCH :

TRÊN SÔNG LA TÌNH CỜ NÊN THƠ

Thú say trăng gió quạnh hàn-giang
Sở-sách riêng ta giấc trẽ-tràng
Canh đằm lòng quê mong gởi mộng
Đề-quyên một tiếng thoạt bay ngang

SƠN THÔN TỨC SỰ

Thảm kinh tàn hồng vũ hậu đa
Cuồng phong du nhiều vị qui nha
Bạch đầu đã lão vô xuân từ
Nhật mộ môn tiền tảo lạc ba

TẠM DỊCH :

CHÉP VIỆC NƠI XÓM NÚI

Hồng rơi lấp nẻo sau mưa
Gió còn rung nhánh quạ chưa về rừng
Lão vườn lòng chẳng tiếc xuân
Ngày chiều ngô vắng không người
quét hoa

Thơ trong Lữ-Đường Di-Cảo
Thi-Tập, bát-cú là những đóa mẫu-

đơn, tường-vị, thược-được, tứ-tuyệt là những đóa hoa lài, hoa lan, hoa mai. Hương sắc mỗi giống mỗi khác, mỗi hoa mỗi vẻ, mà giống hoa nào cũng mười phân vẹn mười, không thể phân hơn kém.

*Hoa huệ hoa lan hoa lài hoa lý
Anh yêu hoa nào hoa ấy là xinh.*

Còn về vị thì thơ Bát-cú là trà Cam-Khồ, trà Võ-Di, thơ Tuyệt-cú là nước thanh-tuyền chảy róc-rách trên núi.

Thanh-tuyền tế âm tri chân vị. (1)

Muốn biết chân-vị Tuyệt-cú Lữ-Đường thì phải tự uống lấy và phải uống một cách ung-dung, chậm-rãi, uống với tấm lòng trống-rỗng yên-vui.

oOo

Nói tóm lại, thơ Lữ-Đường, loại nào thể nào cũng đều có chân giá-trị. Và như trên đã nói, thơ Thái-Thuận không kém thơ Đường thơ Tống về thanh-diệu và khí-vị, không kém thơ Thanh về mặt tinh-tế.

Bàn về thơ, xưa nay ai ai cũng nghĩ đến thơ Đường thơ Tống, chớ không mấy người đề ý đến thơ Thanh. Riêng Nguyễn - Hiến - Lê, trong Đại-cương Văn-học-sử Trung-quốc, khen thơ Thanh không kém thơ Đường bao nhiêu.

Nếu ai đã đọc nhiều thơ Thanh, như thơ Vương-Ngư-Dương, Viên-Tử-Tài..., nhất là thơ trong Tùy-viện Thi-thoại, thì sẽ thấy lời nói của Nguyễn-quân rất chính-xác. Thơ Đường thơ Tống, lấy đại-thề về

cốt-cách về phong-vị mà nói thì hơn thơ Thanh, còn lấy chỗ tiêm-tế chỗ tinh-xảo về nghệ-thuật mà bàn, thì riêng thơ Thanh mới đến được tuyệt-đỉnh.

Nghệ-thuật thơ Lữ-Đường không nhường thơ Thanh.

Thái-Thuận sống vào hậu bán thế-kỷ XV, thơ Thanh thịnh-vượng vào giữa khoảng thế-kỷ XVII trở đi. Như thế là thơ Lữ-Đường tiến-bộ hơn thơ Trung-Hoa gần hai thế-kỷ. Có thể gọi là một vinh-dự cho làng thơ Việt-Nam xưa.

Không phải vẽ rắn thêm chân.

Những đặc-điểm trong thơ Lữ-Đường, cò-nhân đã từng nói đến.

Nguyễn-Dữ trong bài Kim-Hoa Thi-thoại ký, thác lời Thái-Thuận nói cùng Ngô-Chi-Lan và Phù-Thúc-Hoành, đã viết :

— Còn giọng thơ biến-hóa được khỏi mây, lời thơ quan-hệ đến phong-giao, thì lão-phu đây cũng chẳng kém thua ai mấy. (2)

Đỗ-Chính-Mô, trong bài tựa Lữ-Đường Di-cảo Thi-tập, xưng-tụng :

— Các bài trứ-tác đều từ trong bụng đào bới ra, rất là tân-kỳ, mà cách-điệu âm-luật và phép đặt câu thì đủ thể của các nhà văn.

(1) Thơ Đào-Tấn đề Linh-Phong tự ở Bình-Định. Nghĩa là Nước suối trong, uống thật kỹ thì nhận biết được chân-vị.

(2) Lời dịch của Ngô-Văn-Triệu trong bản dịch Truyền-Kỳ Mạn-Lục xuất-bản thời Pháp-Thuộc (1942) và tái-bản thời Hậu-Chiến (1952).

Trong Kiến-văn Tiều-lục, thiên tài-phẩm, khi trích lại lời nói của Đỗ-Chính-Mô, Lê-Quí-Đôn công-nhận :

— Lời xưng-tụng ấy rất đúng, bởi sau tập Giới-Hiền của Nguyễn-Trung-Ngạn, ít khi có thể văn ấy.

Trong Lịch-triều Hiên-chương Loại-chí, Chương văn-tịch, khi nói về thơ Thái-Thuận, tác-giả Phan-Huy-Chú có câu :

— Thơ phần nhiều thanh-nhã, có phong-cách đời Văn-Đường... Phần nhiều các bài đều tiêm-tế, xinh-đẹp, dồi-dào, đáng là danh-gia.

oOo

Một nhà thơ có biệt-tài như Thái-Thuận, một tập thơ có giá-trị như Lữ-Đường Di-cảo Thi-tập, mà gần trăm năm nay, từ ngày Hán-tự cáo chung, trong làng thơ Việt-Nam bên Hán-văn cũng như bên Quốc-ngữ, không mấy ai nhắc-nhở ! Sở đề lâu ngày, ngọc bị lấp châu bị chìm, khó tìm lại, được một di-sản tinh-thần quý-báu của Tiên-nhân, tôi mạo-muội viết đôi lời về thân-thể và văn-chương Thái-Thuận, cùng trích-dịch một số thơ trong Lữ-Đường Di-cảo Thi-tập, đưa ra giới-thiệu

Bị chú :

Trong Kiến-văn Tiều-lục, Lê-Quí-Đôn chép rằng Thái-Thuận được vua Lê-Thánh-Tông phong làm Tao-Đàn Phó-Nguyên-soái. Song xét trong danh-sách Tao-Đàn Nhị thập bát tú mà tôi được xem, thì không có tên Thái-Thuận, và hai vị Phó-Nguyên-soái của Tao-Đàn là Đỗ-Nhuận và Thân-Thái-Nhân-Trung. Tôi chưa được thấy sách nào, ngoài Kiến-văn Tiều-lục, chép rằng Thuận có chân trong Tao-Đàn của Thách-Tông. Nếu quả Thái-Thuận được phong làm Phó Nguyên-soái thì chắc không đến nỗi phải than : « Tự tín tài phi thập bát tiên » và « Tiêu-diêu quan-xá như tăng-xá... » Cho nên không dám theo sách Kiến-văn.. mà chỉ bằng theo những giai-phẩm của Thái-Thuận đề bàn về thân-thể và tâm sự của tác-giả Lữ-Đường Di-cảo Thi-tập,

và trình-chính cùng quý bạn yêu-thích cò-thí.

Lữ-Đường Di-cảo Thi-tập của Thái Thuận thật không khác cảnh Hương-Sơn, cảnh Hạ-Long, có nghìn sắc muôn màu, thêm thiên hình vạn trạng. Tôi chỉ là một du-khách hẹp kiến thức, kém khả-năng, thiếu phương-tiện. Sau khi du ngoạn về, mong san-xẻ đôi chút hứng-thú cùng bà con chưa được may-mắn trực-tiếp thưởng-ngoạn những danh-thắng kia, tôi đưa ra cống-hiến những gì mắt tôi đã thấy được, sức tôi đã với tới, trí tôi đã thu trọn và miệng tôi có thể diễn nên lời. Những gì tôi đưa ra chỉ nằm trong một phạm-vi nhỏ-hẹp mà năng-lực tôi cho phép tôi đi đến với phương-tiện ít-ỏi của tôi. Tuy quanh-quần trong phạm-vi nhỏ-hẹp, song không sao tránh khỏi sai lầm. Để có thể khám-phá và phát-huy được chu đáo những cái hay cái đẹp, những cái cao-sâu ẩn-núp trong thơ Thái-Thuận, thì cần phải nhờ những bậc học rộng tài lớn. Tôi chỉ là người có chút tâm, gắng được chừng nào mừng chừng nấy.

Viết tại Nha-Trang, tiết Mai-Sơ
năm Nhâm-lý (1972)

QUÁCH TẤN

Thương xác với Bác-sĩ Đỗ Hồng-Ngọc về cuốn «*Tư-tưởng Lão Trang trong Y-thuật Đ.P.*»

● TRẦN VĂN TÍCH

Anh Chủ-nhiệm Bách-Khoa đã hơn một lần yêu-cầu tôi viết về Tây-Y, đặc-biệt là về những tiến-bộ của y-khoa khoa-học trong các thập-niên gần đây. Nhưng, như quý vị độc-giả Bách-Khoa chắc đã nhận thấy, tôi chỉ toàn viết về Đông-Y. Ngoài trừ một, hai bài gì đó mà sau khi chữa bản vổ xong, tôi không bao giờ đọc lại, kể cả lúc nhận được báo biểu. Một, hai bài ấy là những bài viết về Tây-y. Tôi không muốn viết về Tây-Y chỉ vì tôi thấy ta đã có sẵn nào Bộ Y-tế — mà ai cũng biết đáng lẽ phải gọi là Bộ Tây-Y —, nào Bộ Dân-Vận, nào Đài Truyền-thanh, nào Đài Truyền-hình v.v.. Tôi không muốn viết vì tôi thấy—rất sung sướng mà thấy—ngôi trường đã đào-tạo ra tôi, từ một biệt-thự loại bỏ túi ở đường Trần quí Cáp nay đã trở thành một ngôi trường được xem như là lớn vào bậc nhất nhì Đông Nam Á v.v.. Trong khi ấy thì Đông-Y ở đất nước này ra sao, mọi người đều đã thấy quá rõ.

Cho nên tôi thích viết về Đông-Y, và nếu trong tương lai, tôi có viết về Tây-Y cho Bách-Khoa, đó sẽ chỉ là vì quá nề nhóm chủ-trương. Và viết chỉ là để chẳng bao giờ đọc lại.

Với tâm-trạng ấy, tôi rất mừng rõ biết được «*cảm-tưởng chung*» của bác-sĩ Đỗ Hồng Ngọc khi vị đồng-nghiep này đọc xong cuốn sách nhỏ của tôi là tôi đã «*quá đề cao Đông-Y*». (1)

Tôi biết ơn bác-sĩ họ Đỗ đã

nhận đúng điều tôi ấp ủ : không những tôi chỉ đề cao Đông-Y, tôi còn đề cao Đông-Y quá đáng nữa. Thực ra thì điều tâm nguyện của tôi là cố sao «*ngừng lại nơi rất phải*», là «*chỉ ư chí thiện*», tức là cố sao theo được phần nào... tinh-thần Lão Trang ! Nhưng bối-cảnh lịch-sử, tình trạng xã-hội quanh tôi không cho tôi giữ thế đứng khách quan, mực thước đó. Và vì vậy, tôi đành phải xử sự thái quá, trong hoài-bão làm được một chút gì để lập lại biên-giới của sự quân-bình, hay đúng hơn, của công lý, công tâm, công bình, công chính, công đạo.

Tôi cũng rất cảm-kích vì mối thịnh-tình bác-sĩ Đỗ Hồng Ngọc dành cho cuốn sách nhỏ của tôi qua những nhận-xét về Chương «*Lối xử-thế của bậc lương-y*», tức là chương mà tôi đã viết với nhiều hân hoan thích thú nhất.

Lòng tri-ân của tôi càng sâu nặng hơn khi ngưng lại ở câu kết : «*Tư Tưởng Lão Trang (...)* là cuốn sách căn có trong tủ sách của mỗi y-sĩ ». Nếu các đồng-nghiep của tôi — tôi không hề phân-biệt đồng-nghiep trong giới Tây-y hay giới Đông-y, và điều này cũng là điều khiến tôi tự thấy mình rất gần gũi với bác-sĩ Đỗ Hồng Ngọc — nếu các y-sĩ đều cùng chia sẻ quan điểm ấy với bác-sĩ họ Đỗ thì sách tôi... tái-bản mấy hồi !

(1) Bách-Khoa số 417, ngày 09-11-1974, trang 41-43.

Nhưng đã có dương thì phải có âm, đã có tri-ân thì ắt phải có thương-xác.

Có hai vấn-đề Bác-sĩ Đỗ Hồng Ngọc « nghĩ có lẽ cần được xét lại ».

Vấn-đề thứ nhất.— Đông-y coi sinh-lý-học của cơ-quan quan-trọng hơn cơ-thể-học của cơ-quan (trang 44) (1). Tôi không hiểu tại sao vấn-đề này lại « cần được xét lại », trừ phi bác-sĩ Đỗ Hồng Ngọc thấy rằng tôi lập luận sai lầm, rằng, theo Bác-sĩ, Đông-y coi trọng cơ-thể-học hơn sinh-lý-học, là một điều mà tôi thú thực chưa học đến trong hệ lý-luận Đông-y ! Nơi chương hai, tôi chỉ làm công việc trình-bày một số luận thuyết của y-học cổ-truyền, chứ tôi không nói rằng các luận-thuyết ấy là đáng được Tây-y noi theo, là « vượt hơn Tây-y ! » Dẫu vậy, nhân đây tôi cũng xin nhắc lại một câu của Alexis Carrel, giải Nobel Y-khoa : « Chez l'homme, ce qui ne se mesure pas est plus important que ce qui se mesure ».

Vấn-đề thứ hai.— Khả-năng chữa trị được các bệnh nhiễm của Đông-y mà không cần biết đến vi-trùng, chữa trị bằng cách nâng-đỡ sức tự vệ, bằng cách cải-thiện tổng-trạng để giúp cơ-thể tự lực diệt mầm bệnh (trang 59). Tôi nghĩ nếu Bác-sĩ Đỗ Hồng Ngọc thấy cần xét lại vấn-đề này thì tôi chỉ xin đan-cử một « châu ngọc cách ngôn » của « Tây-y » : « Le terrain est tout, le microbe n'est rien ». Tôi tưởng cũng cần minh-xác thêm rằng nói « Đông-y chữa được các bệnh nhiễm » đương-nhiên không hề có nghĩa là « Đông-y chữa được các bệnh nhiễm giỏi hơn Tây-y ! »

Bác-sĩ Đỗ Hồng Ngọc thấy rằng Đông-y « làm cầm và cổ chấp ». Nếu vị đồng-nghiep của tôi chỉ thấy như vậy thôi thì cũng chẳng sao nhưng ông lại thấy điều đó « qua tác phẩm » của tôi thì thực là đau-khổ cho tôi hết sức, vì như vậy là tôi hoàn-toàn thất-bại « qua tác-phẩm » của tôi ! Tôi cố-gắng chứng-minh rằng Đông-y, vì lấy tư-tưởng Lão Trang làm nền tảng lý-luận, nên đã tỏ ra — không, phải nói là bắt buộc phải thì mới đúng — Đông-y *bắt buộc phải* là cời mờ, khoan dung, rộng lượng, khoáng-đạt. Có lẽ ở đây còn pha lẫn cả tinh-thần phá chấp của nhà Phật nữa. (Tôi tưởng không cần nhắc lại các dẫn-chứng tôi nêu ra trong sách để giải-thích và biện-minh thái-độ *săn có, phải có*, đặc-tính bầm-sinh, thiên-phú này của Đông-y). Vậy mà « tác-phẩm » của tôi lại tạo cho vị độc-giả họ Đỗ ấn-tượng rằng Đông-y là « cổ chấp » thì còn thất-bại nào nào-nề hơn cho tôi nữa ! Riêng về điểm « làm cầm » thì tôi nghĩ không nên thương-xác có lẽ hơn vì chỉ nội nói chuyện Lão Trang trong tình-trạng xã-hội, trong bối-cảnh văn-minh (1) này cũng đã là quá « làm cầm » rồi !

Một điểm thương xác cuối cùng : tôi không « mặt sát » Tây-y. Vì tôi không quá đại dốt đến nỗi tự mình đi mặt sát mình. Phê-bình, chỉ-trích thì có, mặt sát thì không. Trái lại

(1) Tôi không hề viết (và cũng không hề nghĩ) : « Điều quan-trọng là chức-năng của nó (tức của cơ-quan, T.V.T.), chứ cơ-năng không cần ! » Vì theo tôi hiểu thì chức-năng và cơ-năng gần như là đồng-nghĩa, và nhất là, cơ-năng không có nghĩa là cơ-thể-học.

vôi tả Tây-y « với vòng hoa chiến-thắng (bệnh-tật) mang trên mái tóc (trang 163); tôi thấy người Tây Y-sĩ « ngấp mình trong những dữ-kiện sinh-học tiến-bộ vượt bậc » (trang 157); tôi công-nhận y-học khoa-học « đã bước những bước vĩ-đại » (trang 20)... Và chẳng, ở những điều chỉ-trích, phê-bình, tôi đều có ghi tư liệu tham-khảo liên-hệ mà tôi hy-vọng là tạm đủ để cho phép tôi... « nói có sách ».

Hình-ảnh con rùa để tượng-trưng phương-pháp phân-tích của Tây-y, nếu đã làm bác-sĩ Đỗ Hồng Ngọc xót xa thì cũng khiến tôi hết sức ân-hận. Tôi sẽ cố-gắng chọn một con vật khác nếu vạn nhất sách tôi được tái-bản. Tuy nhiên tôi chỉ e không thể nào chọn được một con vật tượng-trưng khác. Chẳng lẽ lại chọn... con rồng! Chẳng lẽ lại bắt rồng... bò lồm ngồm!

oOo

Ngày tôi sung-sướng nhất sẽ là ngày « không có Đông hay Tây gì

cả », sẽ là ngày y-giới Việt-Nam chịu chấp-nhận thái-độ cao quý « học những kỹ-thuật tân-tiến của y-khoa hiện-đại, học cả những phương-thức chữa trị cổ truyền ». Nhưng ngày ấy chắc còn xa lắm (hay ngược lại, gần lắm?) khi mà châm-khoa còn bị cấm dạy, khi mà Lãn-ông còn bị « phối-hợp ». Cấm dạy và « phối hợp » do chủ-trương của Bộ Giáo Dục và Bộ Tây-Y, tức là những bộ do được-sĩ và bác-sĩ lãnh-đạo.

Viết « *Tư-tưởng Lão Trang trong Y-thuật Đông-phương* », thâm tâm tôi chỉ nuôi ước vọng theo được phần nào lời dạy của Đức Vạn thể sư Louis Pasteur : « Nếu khoa-học vốn không có quê hương thì nhà khoa-học phải có ». Nhất là trong lúc này là lúc tôi mất quê-hương.

Dĩ nhiên nói như vậy không hề có nghĩa rằng tôi tự xem mình là một nhà khoa-học.

TRẦN VĂN TÍCH

Sg 12-11-1974

Đón đọc :

VẤN HỌC SỬ THỜI KHÁNG PHÁP

của LÊ VĂN SIÊU

Công trình biên khảo từ đầu cuộc xâm lăng đến ngày Pháp mất quyền ở Việt-nam.

Phải đọc để thấy người Việt lúc nào cũng chiến đấu, chống trả đánh đuổi quân xâm lăng...

TRÍ ĐĂNG xuất bản phát hành

KINH HOÀNG

Thơ NHẤT PHƯƠNG

cho Việt Nam đau thương

Tôi đi qua Đại lộ Kinh hoàng,
dừng chân nơi Thánh địa La vang
trên đường về Quảng Trị
Một vùng quê hương hàng vĩ !
Ngày xưa bát ngát ruộng đồng,
Ngày xưa !
cây đầy trái
lúa đầy bông.
Những đêm trăng sao,
những sáng mai hồng,
tiếng hát, câu hò sớm chiều không dứt.
Một vùng quê hương này sầm uất !
Ngày xưa san sát phố phường,
những dãy lầu cao ngất,
những con đường thênh thang,
người qua lại đông như ngày hội lớn.
Ngày xưa ấy !
mà cách nay bao nhiêu năm tháng,
mà tang thương biến đổi đến kinh hoàng !
Một đoạn đường,
hai chục vạn xác dân !
mồ tập thể còn khói hương phảng phất.
Những vết đạn,
những hố bom,
những chiếc xe chiến tranh chồng chất.
những chiếc xe mang nhãn hiệu của Mỹ, nhãn hiệu
của Nga
mà xác chết không hề mang nhãn hiệu !
Thánh đường La vang
Bốn bức tường tro tro !

Tượng Chúa KiTô mang Thánh giá gục ngã bên
đường vào,

Và Quảng Trị này,
Quảng Trị thương đau !
thành phố của hai trăm ngàn dân khốn khổ.
đâu đường rộng ?
đâu lầu cao ?
đâu ánh sáng muôn màu ?
chỉ còn lại gạch ngói ngồn ngang,
những bóng cây hoang mọc bên bờ tường cháy nám,
những bóng cây hoang mọc trên xác người
chạy loạn,

Tôi đến bên bờ sông Thạch-Hãn,
đứng dưới cổng chào
trên có cờ vàng ba sọc đỏ
Bên kia sông,
phất phới cờ nửa đỏ nửa xanh.
Tôi nhìn dòng sông,
dòng sông hiền lành
như quê hương mình không khói lửa.
Bên kia bờ sông,
một người Việt Nam đang tắm rửa
không sắc phục, không súng gươm
một người Việt Nam mũi tẹt da vàng.
mà sao nghe chừng xa lạ.
Một dòng sông con không là biển cả
mà máu xương lấp mãi vẫn không đầy !
Rồi bao nhiêu năm ?
bao nhiêu tháng ?
bao nhiêu ngày ?
và bao nhiêu thế hệ nữa đây ?
Tôi bỗng thấy kinh hoàng !
Thật kinh hoàng
hơn xác người ngồn ngang trên Đại-Lộ.

10-3-74

NHẤT PHƯƠNG



Bồ máu Chuông vàng
Soluté B₁, B₁₂, Fer

FERAMIN

Mất máu — Đau mới khỏi — Ăn
không tiêu — Bần thần mỗi mệt

Viện bào chế TENAMYD

Đặt kỹ và giữ trong tối

*Công thức mới
Thuốc mới*

hemocalcium

B12

M. SUY YẾU. CHẠM LỚN
KÉM ĂN. THIẾU MÁU

hemocalcium B12

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm
nhuần sinh tố B 12 qua màng ruột mà
không bị tiêu hao.

Sản tại các nhà thuốc tây

Công thức môn
thuốc mới :

HÉMOCALCIUM B 12

M. SUY YẾU — CHẠM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm
nhuần sinh tố B 12 qua màng ruột mà
không bị tiêu hao.

Sản tại các nhà thuốc tây

Lá thư Minh-Đức Hoài-Trinh

Saigon 13-10-74

Anh Ch,

Thế là hơn một tháng ở Saigon rồi và còn ở trên một tháng nữa, nếu không có gì xảy ra để bắt tôi lại phải trèo lên máy bay.

Kỳ này có lẽ phải gọi là lâu nhất, bù với những kỳ trước quá vất vả. Đã vậy tôi còn giao với tất cả các bạn là chỉ làm đề vừa sống « cầm hơi » hơi, gọi là giữ chỗ chứ không điên đảo như năm ngoái năm kia đâu. Vừa mới nhận được lệnh gọi về bảo đi sang Honduras, có vụ bảo 10.000 người chết. Mới về có một tháng mà đi lại sao ? Tôi vội trả lời cấp tốc bảo không thể đi được, tìm người thay một kỳ vậy. Độ trước như thế là bỏ hết, đóng va-li ngay, nhưng độ này, mang ra cân nhắc, xừ Việt-nam ta vẫn có nhiều vấn đề thú vị hơn nhiều.

Đặc biệt nhất là lần này tôi về lại với quê hương ; người ta có « phú quý mới quy cố hương », mình chưa ra gì, thế mà dám dẫn cái thân về, nhưng cũng nhờ đó mới thấu triệt được câu nói ấy của người xưa.

Về Huế đi ngủ đò, cuộc đời có hằng nghìn lần đi ở các phòng trọ, xừ xanh xừ đỏ, sang có hèn có, thế mà chưa bao giờ vui thích bằng đi ngủ đò trên sông Hương. Chắc những ai lo việc chiêu hàng du khách sẽ không quên điếm này. Bảo rằng ngủ đò nhưng tôi chỉ ngủ độ hai tiếng đồng hồ, còn thì phải đề dành mà suy tư. Ngồi nhìn sông nước, nhìn sao, nhìn đêm sáng dần, nói chuyện với quê hương qua mấy vì sao.

Anh đã bao giờ đi ngủ đò sông Hương chưa ? Nếu chưa thì thế nào cũng phải về Huế mấy hôm mà thực hiện ngay chứ đề sau này chết gặp Thánh Pierre ngài hỏi thì rồi sẽ lúng túng. Tôi biết là ngài sẽ hỏi tôi,

ngày sống có kỷ niệm nào vui nhất ?
— Thừa ngủ đò trên sông Hương !

Sau đó tôi lại còn được đi viếng lăng tẩm đền chùa. Thăm lại ngôi nhà cũ ở Nam - giao, điếm này hơi buồn. Ngôi nhà công trình của bố mẹ tôi xây cất lên, ông ngồi hí hục vẽ họa đồ từ tháng này sang tháng khác, mẹ đi nhật từng viên gạch, chúng tôi phải đưa cơm trưa ra cho thợ ăn hằng ngày, lắm lúc mẹ còn bắt làm tiêu công nếu thiếu người. Ngôi nhà hoàn thành sau hai năm, mỗi ngày có năm bảy người xin vào xem bên trong, hằng chục người đứng chân ngắm nghía bên ngoài. Cái hồ rộng như mảnh gương đặt sát đất để ngôi nhà soi bóng, cỏ xanh và đá sỏi trắng ở sân trước cho quân binh với màu sắc và âm thanh. Thế mà hôm nay trước mắt tôi chỉ còn lại mấy bức tường lởm chởm, không mái, không cửa, hệt như cái cào gây răng vứt

xó bếp, chắc anh đã từng thấy. Cái hồ khô nước, một vài hàng trại của quân đội xây cất vôi vàng ở chung quanh. Tất cả đều bị chiến tranh chôn vùi !

Tâm trạng của tôi chắc phải là tâm trạng của hằng triệu người Việt Nam hôm nay chăng ?

Kể chuyện khác vậy, anh có biết là số tôi thuộc loại may mắn vào hạng "siêu" lắm không ? Kỳ về Huế này, tôi đã nhất định là vào lại Sài Gòn ngày Chủ nhật 15 tháng 9, ngày mà nông lịch đã ghi là "Thụ tử, hung nhật, nghi sự bất thủ". Tôi hẹn là khi về đến phi trường Saigon sẽ gọi điện thoại đề ở nhà lên đón, chuẩn bị gặp mấy người vào sáng thứ hai vv.. Khi vừa ra đến Huế, lúc đến ghi giữ chỗ thì được trả lời là chỉ có chuyến vào hoặc ngày thứ bảy hoặc ngày thứ hai. Tôi băn khoăn, muốn về Saigon ngày Chủ nhật thì chỉ có cách là đi xe vào Đà-Nẵng vì máy bay sẽ cất cánh ở đấy. Giá ra Huế trước vài hôm chắc là tôi đã về theo lối ấy, đi qua đèo Ai-Vân bằng xe, có dịp bốc ít mây bỏ vào túi ni-lông đưa về nhà chơi, tha hồ thích. Nếu nhận việc phải đi làm như những kỳ trước thì nhất định là phải vào đúng hẹn và như thế, có lẽ hôm nay không còn ngồi đây để viết bức thư này ; anh lại phải đi kiếm bài hay kiếm một Minh Đức khác để thay thế.

Khi nghe báo cái tin không tặc u ám ấy tôi giật mình, biết số còn nặng nợ. Nhưng gia đình trong Saigon

chắc được một bữa lo sợ, nhất là những ai hẹn đón tôi. Hôm sau về đến phi trường, chị tôi kể lè : «Hôm qua Anh (1) đang nằm lơ mơ nghe Đài Hoa-kỳ báo có chiếc máy bay từ miền Trung vào bị nổ, vôi vàng choàng dậy ra bàn rút tấm ảnh cô mà thử xem chết hay sống bằng phương pháp cảm-xạ. Anh thấy chưa chết, mừng rỡ báo cho cả nhà. Chú Bá cũng từ bệnh viện Cộng-Hòa gọi giầy nói về hỏi thăm. Anh bảo là cô chưa vào. Anh tin như vậy nhưng vẫn cứ lo.»

Các bạn đưa thì đi xem danh sách, đưa ngồi đón nghe đài phát thanh, có đưa đã dự trù đi ra kiểm xác.. Anh nghe có cảm động không ? Cả cái lũ đồng nghiệp ngoại nhân mà cũng điện thoại đến hăng máy bay xem có ông Đại-tá nào trong ấy không. Khi nghe nói có một ông, chúng quên hỏi ở binh chủng nào và yên chí ngay rằng anh em tôi đã về trời trong chuyến đi hôm ấy rồi !

Từ trước mình vẫn gào diếc tai lảng giềng rằng mình cô đơn, bây giờ mới thấy rằng chưa đến nỗi nào. Nếu có chết hôm ấy thì cũng được đám bảy người đi theo ra nghĩa-trang.

Ngày tháng ai đuổi mà chạy gấp quá, 45 ngày qua cứ vùn vụt. Gặp được bao nhiêu người, nghe bao

(1) B.K. ghi chú : Anh ruột của Minh-Đức Hoài-Trinh là Đại tá Hải-quân Võ Sum. Dưới bút hiệu là Kim-Hoàng-Sơn, Đại tá Võ Sum đã viết nhiều bài biên-khảo về Cảm-xạ-học và xuất bản một tờ nguyệt san lấy tên Cảm-xạ-học Việt-nam.

nhiều chuyện, uống bao nhiêu ấm trà với nhau, bạn cũ, bạn mới, lúc nào ra đi, lại tha hồ mà vấn vương.

Một cái nạn là sách, ở đâu ra mà đầy bàn đầy giường, to có nhỏ có, sách đọc bây giờ, sách đọc mai sau, chứng tỏ rằng tôi rất lạc quan, anh thấy không? Trái với người sợ pháo kích nên lúc nào cũng lo hưởng thụ rất vội vàng.

Về đây, anh biết tôi nghĩ gì không? Thấy thương cho cái thân phận con người, nhất là con người Việt Nam, đúng là bị định tội trước khi làm tội. Từ ông nhà giàu đến ông nhà nghèo, từ ông lớn đến ông bé, mỗi người đáng cho mình thương một cách.

Hôm nọ, được các bạn đưa đi Biên Hòa thăm ngôi nhà bị pháo kích cách đây mấy tháng. Trong nhà có mấy mẹ con chết cả. Chỉ còn trơ lại cái nền nhà với mấy gốc cây mất chủ, bẽ bàng chẳng biết nở hoa đâm trái cho ai? Đây là gia đình cô em gái của một ông bạn, hẳn anh đã nghe nói. Lần thứ nhất ông ta mới dám trở về, thờ thần đi quanh như muốn lục lọi một vài hình ảnh.

Đứng trước hoàn cảnh ấy, tôi cảm thấy mình đâm ra vụng về thừa thãi chẳng biết phải nói câu gì cho xứng. Anh đồng ý không, đâu phải trong kinh Phật mới có những đoạn gọi là « bất khả tư nghị » hoặc « phi thuyết pháp ».

Về xứ kỳ này tình cờ lại gặp thầy Khê, đi nghe thầy nói chuyện hai buổi, thật thú vị. Thầy đã từng

đi nói chuyện khắp Đông Tây Nam Bắc. Thế giới chia ra mấy châu đều có đi qua. Làm vẻ vang cho người Việt Nam. May quá, còn một vài người như thế để chúng ta dò sàu. Tôi hỏi thầy, đi đến đâu cũng được hoan nghênh, xin hỏi sự hoan nghênh ở xứ nào làm cho thầy sung sướng, vui thích, hào hứng nhất? Trả lời: Việt Nam. Hỏi thêm, Việt Nam nào? Suýt bị thầy lấy roi quất cho, vì thầy là thầy nên vẫn có quyền « cho roi cho vọt ». Biết trước chứ, nhưng vẫn đặt câu hỏi để phá thầy cho vui.

Lần nào về xứ cũng vô tình, mà tưởng như cố ý, được chứng kiến những sự kỳ quái. Vui có, buồn có. Các ký ngoại quốc cứ tưởng tôi có ông Chủ báo là nhà chiêm tinh bốc phệ đại tài biết trước thời cơ.

Anh có biết bức thư này tôi viết vào lúc nào không? Ba giờ sáng, lúc mà mọi người đang ngủ say nhất, ban ngày hay có những âm thanh làm rối loạn. Chỉ có giờ này là cả bên ngoài lẫn trong tâm tư đều lắng xuống, bên ngoài thì những lớp bụi khói ô nhiễm sau mấy tiếng đồng hồ đã được sương đêm tắm lên. Tâm tư sau mấy tiếng đồng hồ ngủ yên cũng đã quên hết những ý nghĩ u ám sần si của ngày hôm trước. Chỉ có ông thần mưa đối diện với mình.

Viết xong bức thư, ngược nhìn lên thấy trời bên ngoài đã sáng hẳn, ma quỷ đã hết giờ làm việc. Tôi sắp đun nước pha ấm trà thứ hai để chấm dứt bức thư. Cờ ra thăm

chậu Quỳnh, hôm nọ lên nhà Giáo sư Lê văn Siêu, được ngài bố thí cho đề về làm bạn. Hẹn hai tuần nữa hoa sẽ nở, còn chờ xem có đúng không? Nụ hoa mới bé tí bằng nửa cái móng tay. Nghe bảo cây Quỳnh rất chuộng bã trà, chắc kiếp trước cũng phải là một văn nhân chi đây. Anh có tin rằng cây cỏ cũng thích được yêu chiều và cũng biết trả lại tình cảm không? Thôi không nói dài giòng, thế nào cũng có kẻ

phản nản là lần thân, thời buổi nguyên tử mà còn nói chuyện cây cỏ biết với không biết.

Nhưng chắc tại đây là sự phản ứng của thời đại chăng? Sáng hẳn rồi, mà trong nhà chưa ai thức dậy cả, Chủ nhật có khác.

Anh mạnh và Bách Khoa ăn chơi. Thứ sau kể chuyện đi xem vũ Martha Graham cho các anh nghe.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Đón đọc:

TRÀ THẮT

truyện dài mới nhất của
MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

... Một người đàn bà có chồng con, yêu chồng nhưng ngày xưa có yêu một người, 15 năm qua mối tình chỉ ngủ mà không chết và mỗi lần đến thăm hay gặp người yêu cũ nghe chàng giảng dạy về triết lý, uống với nhau một chén trà thì quên hết mọi ưu phiền. Do đó mà xem người yêu như một « Trà Thắt »...

PHỤC HƯNG XUẤT BẢN — PHÁT HÀNH ĐẦU THÁNG 12-1974

Đã phát hành:

THƯ VỀ NHÂN BẢN CHỦ NGHĨA của MARTIN HEIDEGGER

Cuốn sách huyền diệu bất ngờ... dành để suy tư
Về Thời Đại và Về Con Người Thời Đại.

TRẦN XUÂN KIÊM dịch, giới thiệu
TÂN AN xuất bản

Quà sinh nhật

Viết tặng sinh nhật đầu con trai thứ yêu dấu
của bố mẹ: Nam-Quan (23-12-19...)

Từ trường về nhà, Lâm chạy thẳng xuống bếp tìm vợ, khoe:

— Anh có cái này, hay lắm.

Mây đang nấu cơm. Dưới mái tôn nóng, hơi lửa làm hai má nàng đỏ hồng. Mồ hôi rịn ra ở đỉnh trán bết những sợi tóc con. Mây bận ghế cơm, trước khi Lâm xuống đến đứng bên nàng, nghe tiếng chân chồng từ nhà trên, nàng đã vội ngẩng lên. Hai mắt Mây long lanh, miệng tươi cười, giọng nàng lúc nào cũng như reo lên mỗi lần Lâm đi đâu về, đầu chỉ trong chốc lát:

— A! Bố về! Hôm nay bố về sớm. Nghỉ hai giờ sau hả bố?

Lâm nhìn vợ, đúng lúc một giọt mồ hôi đọng ở thái dương nàng chảy xuống, lăn dài theo triền má. Lâm lấy khăn tay thấm cho vợ rồi lặp lại câu nói:

— Đố em biết cái gì đây?

Bắt nồi cơm lên bếp xong, Mây quay lại chồng, thấy chàng đang giơ cao vật đồ lên, nhánh lá trúc đào trên đó đóng đưa một vật-nhỏ-lóng-lánh. Mây đưa tay định sờ, Lâm vội thụt lùi mấy bước, kêu lên:

— Ấy! Ấy! Đứng! Bờ ới! Lâm đưa nhánh lá lên cao quá tầm tay. Đứng sờ vào, hỏng mất. « Xem bằng mắt chứ bắt bằng tay ». Em không

thấy « cái này » mỏng manh lắm sao?!

Mây vẫn cười, nhìn chồng trêu chọc. Nàng bước theo, đưa tay vờ chụp. Lâm chạy tuốt ra sau vườn:

— Anh đã bảo đừng có sờ tới mà. Chỉ được nhìn thôi.

Mây đuổi theo ra. Hai người đứng dưới giàn mướp, quả thông xuống đụng đầu. Mây dịu dàng nói:

— Nào, đưa em coi, cái gì mà anh quý như vàng vậy?

— Còn quý hơn vàng nữa. Động đến nó mạnh quá, nó sẽ... Không còn là nó nữa.

Vừa nói Lâm vừa đứng sít lại gần vợ, đưa nhánh lá gần mắt nàng:

— Đây, em xem cho kỹ đi. Đố em biết là cái gì đấy?

Mây không đứng đối diện với Lâm nữa, nàng bước ra sau Lâm vòng hai tay ôm cổ và tựa cằm lên vai chồng. Nàng ngắm nhìn cái vật-lạ mà Lâm nói còn quý hơn vàng, thấy nó chẳng quý một chút nào.

Nó xanh màu ngọc bích nếu nhìn toàn thể, nhưng trong vắt, lóng lánh nhiều màu xen lẫn với nhiều sắc độ. Những sắc độ rất tế nhị của màu lục non, màu biếc và điểm rải rác những chấm nâu nhạt. Thay đổi theo ánh sáng phản chiếu bên ngoài lớp vỏ là một màu hồng phơn phớt.

Thoạt trông, vật kia giống một món trang trí, một chiếc hoa tai với những chi tiết cực kỳ tế nhị được tạo thành do tinh thần sáng tạo của một nghệ sĩ chân chính. Nhưng toàn thể hình dạng của nó lại khiến Mây cảm thấy có cái gì không quen rũ, nếu không nói là đã khiến cho nàng sờ sợ.

— Con sâu, phải không bố? Mây thỏ thẻ hỏi chồng, không tự tin.

Mây nói mà cầm nàng vẫn dính vào vai Lâm nên tiếng nói của nàng có một âm thanh lạ tai, Lâm cảm thấy nhột. Chàng đứng xê ra, nhưng Mây, hai tay giữ chặt hai bên vai chàng đã bước theo và chiếc cầm nàng vẫn không rời vai chồng.

— Một cái gì đã vượt quá thời con sâu nữa. Không chú ý tới sự tinh nghịch của Mây, Lâm hăng hái đáp lời vợ. Chàng cố ngoái lui để nhìn mặt nàng.

Mây quan sát lại cái hoa tai nhỏ nhỏ mà phần ngoại vi đã cho nàng một cảm giác lạ. Nó giống như một chiếc mặt nạ biểu tượng. Một dấu hiệu báo trước một hiện tượng tương lai, đối với Mây hãy còn mờ mịt. Nó có một phần đầu giống đầu một con châu chấu non có đủ mắt, mũi, râu và một phần thân với những khoanh xếp nếp. Những chiếc chân nếp thuận chiều ép sát vào ngực và hình như một đôi cánh mỏng manh gợn lên những đường sóng mập mờ. Tất cả những thành phần đó đang ở trong tư thế kết hợp, nương tựa một cách hoàn hảo. Tuy nhiên, để bảo vệ tất cả những

thứ xem ra còn quá mong manh kia, chỉ có một lớp vỏ bao quanh như lớp mi ca mỏng. « Một hình tượng đang tượng thành ». Im lặng quan sát một lúc lâu cái vật Mây cảm thấy đã bớt lạ, đang treo lủng lẳng bằng một sợi tơ trắng mắc vào nhánh lá trúc đào, nàng đi đến kết luận đó.

— Một chiếc kén! Mây chột reo lên. Rời khỏi vai Lâm, Mây nhìn vào mắt chồng dò hỏi.

— Trời ơi! Lâm húng khởi, ôm vai Mây bóp siết lại. Vợ anh thông minh ghê. Phải, một chiếc kén! Một bào thai. Một mầm sống đang hình thành.

Lợi dụng thời cơ, Mây xin xỏ:

— Bố cho em sờ thử... nó, nghe bố?

— Vâng. Mẹ sờ nhẹ nhẹ thôi nhé. Lâm vừa nói vừa đưa mắt lo lắng theo dõi vợ.

Mây bóp chiếc kén giữa hai ngón tay. Cả hai cùng nghe một tiếng « cách » vang lên mơ hồ. Lớp vỏ chiếc kén bị móp nhưng rồi, liền đó trở lại hình dáng cũ.

— Ôi trời! Lâm kêu lên thảng thốt. Chết nó rồi còn gì!

Mây bối rối, vuốt má chồng, giọng lo lắng:

— Em xin lỗi bố. Em tưởng nó cứng lắm, ai ngờ nó mềm thế.

Qua phút sửng sờ, Lâm thông thả cùng vợ trở vào nhà. Chàng nói:

— Nhưng sẽ không hề gì đâu, mẹ

a. Anh biết. Nó có sức bảo vệ của chính nó. Cũng bằng như một cú mổ huyệt của mổ một chú chim sâu chứ gì.

Lâm đem máng cang lá có chiếc kén vào một cây đinh ở góc nhà.

cOo

Chỉ còn đúng một tuần nữa là đến sinh nhật đầu của đứa con trai thứ của Lâm và Mây: bé Nam-Quan. Nam-Quan sinh năm Sửu, nên hai người gọi con là Nghé Ngọ.

Ngoài bữa cơm giản dị mà hai vợ chồng đã thảo luận kỹ, dành dụm sẵn một số tiền để chi tiêu, mời vài người bạn thân, hai người cùng đồng ý, mỗi người sẽ tự tạo lấy cho Nghé Ngọ « một - món - quà - có - ý - nghĩa - không-mua-bằng-tiền ».

Gần đến ngày, Lâm lo lắng hỏi vợ:

— Mẹ có quà cho con chưa?

— Có rồi.

— Gì vậy mẹ?

Mây nhìn chồng, cười tinh nghịch:

— Bí mật mà, làm sao nói ra được! Còn bố?

— Chưa! Buồn bã, Lâm trả lời vợ. Hay để anh vẽ cho con một tấm chân dung nhé?

— Tuyệt! Nhưng em muốn một cái gì lạ hơn và dùng có vẽ « cây nhà lá vườn » quá như vậy.

Lâm tiu nghỉu:

— Vậy anh biết lấy đâu ra quà đó bây giờ?!

Mây thương hại chồng:

— Hay bố cứ vẽ cho con tấm « Chân dung » đi đã.

Lâm trầm ngâm hồi lâu. Thốt nhiên chàng nín lấy vai Mây nháy cón lên:

— Anh có rồi! Anh có quà cho con rồi! Ha! Ha! Tuyệt diệu! Tuyệt diệu!

Mây cũng vui lây, sung sướng nhìn chồng:

— Quà gì vậy, bố? Cho em biết với được không?

— Bí mật! Bí mật! Thiên cơ bất khả lậu.

Nhưng rồi niềm vui của Lâm kéo dài không lâu. Hai hôm rồi ba hôm trôi qua. Sinh nhật bé Nam-Quan tới gần, chàng đâm lo.

— « Biết có kịp không đây ». Lâm nghĩ thầm. Hàng ngày, mỗi buổi đi dạy về, chàng dừng lại ngắm chăm chú cành lá trên đó chiếc kén vẫn cặm nín như một vật vô tri. Những chiếc lá đã bắt đầu vàng úa, rồi khô dần trở màu xám tro sẫm. Đêm đến, chờ cho Mây đi ngủ, Lâm lấy nhánh lá xuống và ngắm nghía chiếc kén. Chàng đưa cao ngang tầm mắt, dùng ngón tay trở lung lay cho chiếc kén, đu đưa nhẹ nhẹ. Chàng nhìn chiếc kén, ánh mắt thì thầm chờ đợi.

Đêm hôm trước sinh nhật Nam Quan, Lâm thức rất khuya. Sau khi hoàn tất bức chân dung con, chàng lồng khung, đem treo lên bức vách

trước bàn viết. Chàng đã vẽ mái tóc Nam Quan đen nhánh mạnh mẽ như cỏ mọc rậm trong cánh đồng mùa Xuân. Vầng trán phẳng, hồng nhạt, phơn phớt màu lam, cao, rộng như một vòm trời, Đôi mắt nhìn thẳng, đen láy, trong suốt. Những chấm sáng nhấp nháy, reo vui tựa những tinh tú trong một đêm thanh. Đôi môi nụ nhỏ, mọng, vừa có vẻ nghiêm trang tạo ra do ở nét kẻ ngang, vừa tỏ lộ niềm vui thầm kín ở bóng tối đọng lại nơi cuối hai khoé môi hơi nhếch lên.

Lâm hài lòng về kết quả công việc mình.

— Nhưng đó là món quà “cây nhà lá vườn”, theo như lời Mây nói. Còn món quà lạ kia thì sao?

Lâm lại đưa mắt nhìn lên chiếc kén. Trong bóng tối mờ mờ, màu xám thẫm của những chiếc lá khô đã hóa ra nâu. Chàng không còn trông rõ chiếc kén, nó lẫn trong màu của vách tường. Lâm muốn bước đến để xem rõ, nhưng bỗng chàng cảm thấy có một sức đẩy phát ra từ chiếc kén, không cho chàng đến gần, bắt chàng ngồi yên. Chìm trong một tâm trạng bức rức, gần như khổ sở, mắt chàng nhìn chiếc kén như một lưỡi thép mỏng muốn đục thủng lớp vỏ để nhìn thấu điều ẩn tàng bên trong.

cOo

Sinh nhật Nam Quan đến. Lâm như không còn một mong mỏi nào đặt vào chiếc kén nữa. Buổi sáng, Mây dậy sớm đi chợ. Lâm ở nhà

quét dọn. Bức chân dung Nghé Ngọ được treo trên tường giữa nhà. Chàng kê lại chiếc bàn — thường ngày dùng làm bàn viết — dọn đi sách vở và những thứ linh kinh. Mặt bàn được phủ một tấm khăn mới, trên đặt một bình hoa trúc đào, màu hồng thắm. Dọn dẹp trang hoàng xong, Lâm thấy gian phòng nhỏ sáng hẳn ra. Mây đi chợ về không tiếc lời khen ngợi chồng.

Thức ăn đã được dọn lên bàn. Những người bạn cũng vừa đến.

Mây tắm rửa cho Nam Quan, đem con vào buồng thay áo quần.

— Bố coi Nam Quan nè, đẹp không?

Đang nói chuyện với bạn, Lâm vội quay lại phía hai người thân, miệng đang tươi cười, chờ đợi ánh mắt chàng.

— Ủi trời! Lâm kinh ngạc kêu lên, chạy đến bông con từ tay vợ. Chàng áp úng:

— Mẹ... Mẹ cắt... chiếc áo dài vừa rồi à?!

— Dạ. Sao bố? Vừa sung sướng vừa lo lắng, Mây nhìn vào mắt chồng.

Lâm che dấu cảm động:

— Có sao đâu, mẹ. Thật là một món quà gây sự kinh ngạc hoàn toàn cho anh và quý báu biết bao đối với con.

Không hiểu hết lời cha mẹ nói, nhưng Nam Quan, mắt ngời sáng, sung sướng nhìn bố mẹ rồi đưa tay

rờ rẫm làn vải mịn của áo quần mới.

Lâm hỏi con :

— Áo đẹp con đâu ?

— « Chẹp » ! « Chẹp » ! Vừa thò thè những tiếng một võ lòng chưa thuần phục, bàn tay hồng nhỏ xinh xắn vừa vuốt ve làn vải, Nam Quan ngược nhìn hai người, ánh mắt kiêu hãnh.

— Ai may cho con vậy ?

Không trả lời, Nam Quan ngược nhìn Mây.

Lâm bế con đến trước tấm « Chân dung » hỏi :

— Hình ai đây con ?

Nam Quan chỉ tay vào ngực mình :

— Ngợ... Ng...oo...ợ !

Lâm hôn nhẹ lên tóc con :

— Con trai bố mẹ giỏi quá ! Chàng quay sang Mây. Anh có món quà bí mật cho sinh nhật con. Nhưng vì bí mật quá nên không thể xuất hiện được nữa.

Hai người cùng cười. Mây nói :

— Thôi nhìn vào bàn, cho con phá cỗ đi bố. Mấy chú của Nghé Ngợ chờ đói bụng rồi.

Đúng lúc Lâm bế con sắp sửa ngồi vào ghế, chàng tình cờ đưa mắt nhìn lên nhánh lá có mang chiếc kén. Mắt Lâm sáng lên : môi run rẩy. Như người đầu tiên thấy sự khai mở một thế giới mới, chàng reo lên không thành tiếng :

— Con bướm ! Con...bướm !

Mọi cặp mắt đều nhìn theo hướng ngón tay chàng chỉ.

— Mây ơi ! Quà sinh nhật của bố cho con đã hiện ra kia rồi ! Trời ơi !

Mây chạy đến đứng bên chồng, nhìn con bướm không chớp mắt, mặt nàng hơi tái đi. Niềm vui hiện ra đột ngột quá cho Lâm như một tia lửa kích động sâu xa tâm hồn nàng. Mây cười, nhìn chồng, hai giòng nước mắt chảy dài xuống má nàng. Mây vịn tay chồng, gọi :

— Bố ! Món quà của bố cho sinh nhật đầu của con tuyệt vời quá ! Em không ngờ, bố !

Lâm béo má vợ :

— Con bướm tuyệt đẹp, hả mẹ ?

— Dạ.

Với đôi cánh vàng rực màu hoa hướng dương, còn ướt, mới mẻ, vừa từ tổ kén chul ra, con bướm đang đậu trên một chiếc lá trúc đào khô. Đôi cánh mỏng manh, xếp lại khép nép, bụng thò thoi thóp. Một làn gió nhẹ từ cửa sổ lọt vào, đôi cánh non run run, hé mở, xiêu xiêu, những chiếc chân mỏng manh vội xê dịch để lấy lại thăng bằng.

— Bố... Bắt ! Bắt ! Bướm cho... « chon » ! Nam Quan ngược lên nhìn Lâm, đưa thẳng tay về phía con bướm, áp ứng nói.

— Không được đâu, con. Lâm âu yếm cúi xuống con. Nó còn bé như con vậy. Để cho nó lớn đã.

— BỐ... BẮT! Bướm cho « chon »
bố!

Nam Quan như không nghe, lập
lại. Tay vẫn giơ thẳng ra phía trước.
Bàn tay mở ra nắm lại liền hồi.

Mây nhìn Lâm, ánh mắt cầu khẩn.
Lâm nhìn chú bướm trẻ thơ, lòng
lưỡng lự.

Đột nhiên, Lâm bế con bước tới,
vội tay nhẹ nhẹ chụp lấy đôi cánh
xếp. Nhưng hai ngón tay chàng khép
lại trong khoảng không. Đôi cánh
vàng rực rỡ mở ra trước đó, vỗ
những nhịp đầu tiên, thong thả bay
lên. Con bướm bay chập chờn một
vòng quanh gian phòng. Bị ánh sáng
và gió thu hút, cuối cùng nó bay về
phía cửa sổ và đậu lại trên song cửa,
trải rộng đôi cánh sắc sảo. Trên mẫu
phấn vàng của trái cây chín, phân phối
những chấm tròn đỏ tía, trắng và
xanh thắm, tất cả tạo thành một bố
cục hợp lý về trang trí, tuyệt đẹp
như tác phẩm của một nghệ sĩ.

Nam Quan nhìn theo con bướm
không chớp mắt rồi quay lại nhìn
Lâm, nhướn miệng cười:

— BỐ, bướm « chộp », bố bắt cho
« chon », bố!

Dường như nghe ra lời chú bé
Nam Quan, con bướm động cánh,
bay lên. Mọi cặp mắt đổ dồn theo
đường bay lững lờ, đầy tự chủ. Nó
lại bay một vòng quanh phòng, rồi
theo hướng ánh sáng và gió, ra khỏi
phòng qua phía cửa sổ.

Lâm bế con vội vã đuổi theo.

Con bướm đậu lại trên một chiếc
lá ở bờ rào. Lâm nhẹ nhàng tiến tới
gần. Con bướm lại vỗ cánh bay đi.

Lâm đuổi theo. Cho đến khi con
bướm bay lên cao, biến mất trong
những đám lá trên ngọn cây — ở
đó nắng dọi sáng những chiếc lá lông
lánh, lao xao trong gió, tạo thành một
vũ điệu reo vui, hớn hờ.

Mây chạy theo ra, thấy hai bố con
Lâm đang đứng giữa một đám cỏ
hoang, mắt hai người cứ ngược
nhìn lên.

Lâm quay lại nhìn Nam Quan,
hai mắt bé nhìn lại chàng rơm rớm
nước mắt. Ánh mắt đó nói với
chàng: « Mất rồi! Mất bướm rồi.
Bố ơi! ».

Hốt nhiên, Lâm cảm thấy lòng
chàng mở ra, thành nắng mênh mông,
thành gió thênh thang, thành vũ trụ
bao la không bờ bến.

Lâm ôm ghì lấy con, dấn mặt vào
chiếc cổ nhỏ tròn tựa thơm tho.
Chàng thì thầm:

— « Con ơi! Không nên bắt
con bướm đó. May thay bố đã không
giữ lại được đôi cánh mỏng manh
kia — trong tay bố, đôi cánh đó sẽ
rã rời, tan nát — và nó đã bay lên
trong bầu trời cao rộng, ở nơi mà
nắng, gió và mây tan hòa làm một. »

Ban mê thuật, tháng 4-1974.

KINH DƯƠNG-VƯƠNG

MỘT BỘ BÁCH KHOA
ĐÓNG TẬP từ năm 1957 đến 1973
(thiếu khoảng 20 số) gồm 44 tập,
bìa carton, gáy simili-cuir. Giá
50.000đ. Giao tại 160 Phan Đình
Phùng Saigon.

LỬA THIÊN G

TẬP SAN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

Số 1 phát hành tháng 12/1974

NỘI DUNG:

- 1 — *Chung quanh việc Vua Lê Thánh Tông và bài thơ Vịnh Làng Chẽ của Lê Thọ Xuân*
(Tài liệu của Hoàng Xuân Hãn)
- 2 — *Rong và việc giảng dạy của Phạm Hoàng Hộ*
- 3 — *Nhất Linh đã đóng góp những gì cho Văn học Việt Nam ? của Nguyễn Văn Xuân.*
- 4 — *Lược khảo về lịch sử các Định chế chánh trị Trung quốc của Hùng Nguyên Nguyễn Ngọc Huy*
- 5 — *Một đặc tính của văn chương Miền Nam : Tinh thần tranh đấu của Bùi Đức Tịnh*
- 6 — *Ngữ lý học — cơ cấu dạng-vị-học so sánh của danh từ trong các ngôn ngữ Đông Á — Hệ thống loại danh và số danh của Trần Ngọc Ninh*
- 7 — *Cơ cấu nông nghiệp tại Nam Kỳ dưới thời Pháp thuộc của Lâm Thanh Liêm*
- 8 — *Khoáng sản dưới đáy biển của Nguyễn Ngọc Thạch*

Hỏi mua tại các nhà sách

và tại 120 Đinh Tiên Hoàng (Đakao) Saigon 1

Còn một ít bán tại Nhà sách KHAI TRÍ 62 Lê Lợi Saigon
Trong Tủ Sách Nghiên Cứu

NGUYỄN NGỌC LƯU

Lược khảo về hai chủ nghĩa
CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

Trình bày rõ ràng sự xuất hiện và xung đột giữa các trào lưu tư-tưởng chính trị tại Việt Nam trong giai đoạn cận và hiện đại.

Sách dày 160 trang khổ to. Giá phổ thông : 350đ.

NGUYỄN KIM KHÁNH

VẤN ĐỀ CHÍNH ĐẢNG TẠI VIỆT NAM

Phân tích tình trạng chính đảng Việt-Nam qua các thời đại và trong giai đoạn hiện đại.

Trình bày các trở lực của hệ thống chính đảng Việt-Nam và đề nghị một chiều hướng xây dựng tương lai.

Sách dày 160 trang khổ to. Giá phổ thông: 350đ.

NGUYỄN VĂN TIẾT

Thực trạng
NỀN HÀNH CHÁNH ĐỊA PHƯƠNG
tại Việt-Nam

Cơ cấu hành chánh địa phương từ vùng, tỉnh, quận, xã. Vấn đề nhân sự : Vai trò quân nhân trong chức vụ chỉ huy hành chánh. Những tệ trạng trong nền hành chánh địa phương : nạn bè phái, nạn tham nhũng. Các đoàn thể áp lực (đảng phái chánh trị, đoàn thể tôn giáo) và yếu tố nhân dân.

Sách dày 160 trang khổ to, giá phổ thông : 350đ.

TRẦN VĂN DƯƠNG

KINH NGHIỆM BẦU CỬ

Cuộc bầu cử Hội-đồng Đô-thành, Tỉnh, Thị xã 30-5-1965 và thể thức đơn danh hợp tuyển.

Sách dày 230 trang, khổ to. Giá phổ thông: 350đ.

Một cuộc gặp gỡ ngắn

Thủy gặp y trên bờ sông Seine vào buổi chiều. Trời không u ám nhưng lạnh cóng. Y đứng trước giá vẽ, mắt nheo nheo ngắm nhà thờ Notre Dame bên kia sông. Bàn tay cầm cọ của y phất những nét run rẩy trên mặt vải. Tóc dài phủ tai, môi tím bầm, y vừa vẽ vừa thở ra khói. Thủy đứng yên lặng, nhìn y vẽ. Một lúc rất lâu, gã họa sĩ hỏi bằng tiếng Việt, mắt vẫn nheo nheo ngắm cái nhà thờ bên kia :

— Mít hả ?

Thủy gật đầu, hỏi lại :

— Sao biết ?

— Biết gặp. Tại đôi mắt. To và thông minh. Tàu và Nhật còn lâu mới có đôi mắt đó.

Thủy nhún vai, làm ra vẻ không mấy chú ý. Nàng tự hỏi hẳn nhìn mắt mình lúc nào. Thủy ghét cái lối nói chuyện mà không thém nhìn người trước mặt của gã đàn ông. Cái cảm bướng bỉnh của y xồm xoàm những sợi râu cứng nhiều ngày không cao. Y lau lau cọ vào tay chiếc áo da cũ loang lổ đủ thứ màu, hất hàm :

— Cô thấy sao ?

— Cái gì ?

Y chỉ tấm tranh ngang dọc những nét chấm phá run rẩy. Thủy nhún vai lần nữa :

— Không giống.

— Cô không hiểu. Vẽ không phải chụp hình.

Thủy cãi :

— Nếu vậy về nhà vẽ không được à. Ở đây chết cóng.

Y cười, hàm răng trắng như răng ngựa và gật gù. « Có lý ! Có lý ».

Trong khi gã họa sĩ thu xếp đồ nghề ngồn ngang, bỏ vào một cái túi vải. Thủy đứng tò mò nhìn y và nhận ra bàn tay phải y có sáu ngón. Thủy định hỏi tại sao không cắt nhưng lại thôi.

-- Kỳ trước tôi gặp một ông Tây còn điên hơn, Thủy nói. Ông ta ngắm cái nhà thờ và vẽ một con gà trống.

Gã đàn ông cười hờn nhlen. Mắt y quầng thâm, dấu hiệu của nhiều đêm mất ngủ. Y vút cái túi vải vào băng sau một chiếc xe Renault cũ rích, chất đầy những tấm tranh đủ cỡ. Y rủ Thủy sang bên kia đường uống café. Đứng giữa con lộ đầy xe cộ lao xuôi ngược vun vút, gã đàn ông nắm lấy vai Thủy. Bàn tay y to, chắc như chiếc kìm, Thủy thấy vai nóng ran.

Y kêu một ly café lớn và Thủy gọi một chai orangina. Đã lâu lắm Thủy mới ngồi với một người con trai đồng hương như thế này. Hai

năm rồi. Kể từ ngày Tường bỏ đi. Nàng khóc hai ba đêm liền sau khi Tường đi. Nàng cô đơn đến muốn lao đầu qua cửa sổ. Nàng ghét Tường, oán giận hằn trằn ngập cả tim phổi, nghĩ rằng một ngày nào hẳn về. Thủy sẽ không thêm mở cửa, mặc cho hẳn đứng van xin. Nhưng mỗi lần đi ở khu Latin, Thủy vẫn có ý tìm cái đáng quen thuộc của Tường. Nhiều lần nàng rảo chân, đuổi cho kịp một người có tướng đi giống Tường đề rồi thất vọng.

Gã họa sĩ uống một ngụm, đề cái ly xuống, hơ tay trên miệng ly và hỏi tên nàng :

— Thủy, Như Thủy.

Thủy gợn vui khi giới thiệu cái tên rất đẹp của mình. Tôi là Thủy. Tôi là Thủy. Tôi có phải là Suzanne đâu. Suzanne ! Suzanne ! Tôi không phải là Suzanne. Tôi chán nản quá. J'en ai marre. Tôi thật mệt mỏi. Tôi thật đuối sức. Tôi thật hụt hơi. Tôi như con cung quăng vung vẩy trong nỗi cô đơn chán chường. Con cung quăng thì nhỏ mà nỗi cô đơn thì mênh mông, càng vung vẩy, tôi càng chết ngộp trong đó. Tôi không còn là tôi nữa. Tôi sống một mình, lạc lõng trong cái thành phố đứng đưng và xa lạ này. Tôi không còn là Thủy nữa. Tôi là Suzanne. Suzanne, tối nay đi nhảy không ? Không ! Mày tu rồi à ? Tao không thích, đề tao yên. Tôi ghét không khí ngọt ngào ở những tiệm nhảy. Trong tiếng nhạc xoáy vào tai, trong ánh đèn xanh đỏ lấp loè, người ta vận mình, vận mây,

người ta vò đầu bứt tai, người ta lắc lư cho quên sự trống rỗng, cho quên cái cô đơn, quên sự lạc lõng ghê gớm quanh mình. Nhưng tất cả những cái đó, khói thuốc mù đó, ánh đèn lấp lờ đó, những cái vật vờ đó, tiếng nhạc dồn dập đó cũng vô nghĩa, không đánh tan được nỗi chán chường. Không có gì làm tan được sự cô đơn. Cái ồn ào càng bất lực, nó chỉ xoáy sâu thêm nỗi cô đơn, làm loang rộng thêm cái trống rỗng. Tôi chơi vơi trong cái ồn ào bất lực vô nghĩa đó.

Tôi ghét bọn Tây ở những tiệm nhảy. Từ bọn choai choai đến những anh già, nhất là những anh già, có tí tiền tương có thể mua được mọi thứ, cả tuổi trẻ đã mất. Chúng sẵn sàng tán tụng, sẵn sàng mời một ly rượu, mời một bản. Tôi thích con mắt đen của cô. Tôi yêu cái dáng tha thướt của đàn bà Á-Đông. Tôi yêu mái tóc dài phủ vai của đàn bà Việt-Nam. Những lời tán tụng nhạt nhẽo, nhảm, đầy những dụng ý, mưu toan. Trong đầu thẳng đàn ông nào cũng có sẵn hình ảnh một chiếc giường với một người đàn bà trần truồng. Chúng thỏa mãn như những con thú rồi nằm vật ra ngủ như những con thú để sáng hôm sau chia tay đứng đưng như hai người lạ.

Ngồi ở những tiệm nhảy ngọt ngào, tôi chán nản tận cổ và bao giờ cũng muốn bỏ về. Nhưng những buổi tối nằm một mình trong gian nhà lạnh lẽo, mắt mở trừng trừng nhìn trần nhà để dỗ giấc ngủ không bao giờ chịu đến, nằm nghe cái cô đơn lan

ra trên da thịt, tôi muốn khóc, muốn hét lên. Tôi đã khóc, đã hét lên một mình, nhiều lần. Và mong có bất cứ ai đến kéo đi bất cứ đâu. Suốt đời tôi cứ phải chạy trốn. Nhưng chạy trốn cái gì và chạy trốn cách nào.

Hai người ngồi trong quán cà phê cho đến khi bóng tối trùm xuống thành phố. Những ngọn đèn điện soi mình lập lờ dưới con sông đen. Gã họa-sĩ nói.

— Nếu tôi có tiền, chắc tôi đã mời cô đi ăn.

— Nghĩa là anh không có tiền?

Gã con trai cười hề. Thủy nói:

— Tôi có. Tôi mời anh đi ăn.

Thủy mới lãnh lương, số lương thư ký trong đó tiền nhà, tiền métro, tiền ăn và tiền giặt quần áo cũng chiếm quá một nửa.

— Tụi mình đi kiếm một tiệm cơm Việt-Nam. Tôi thèm ăn một bát phở.

— Tôi cũng vậy. Từ bốn tháng nay, tôi chưa được ăn một miếng cơm.

— Tụi mình đi ăn mông bà Bửu?

Gã con trai nhăn mặt:

— Ăn cái gì mà gớm thế?

Thủy cười:

— Quán Monge của bà Bửu. Quán ăn của sinh-viên, họ gọi là mông bà Bửu.

Nhưng Thủy đổi ý liền:

— Thôi, mình đi ăn chỗ khác. Tôiⁱ biết một chỗ có phở ngon, hôm nay

mình ăn sang.

Thủy không muốn đến quán Monge. Mỗi lần đến đó Thủy lại nhớ đến Tường và nàng giận ứ cồ.

Xe của gã họa-sĩ không có «chauf-fage», nhưng Thủy không thấy lạnh. Gã họa-sĩ lái xe dọc bờ sông và kể cho Thủy nghe những ngày lang bạt của y.

Sống ở Rome, nhưng hăn lang thang thường trực. Hăn sống trong cái xe Renault cũ nhiều hơn là ở nhà. Hăn đi khắp nơi, không chủ định, vừa vẽ vừa tìm chỗ triển lãm. Nếu bán được tranh thì khá, nếu không thì đói meo. Mùa hè năm ngoái, hăn ngủ cả tháng dưới gầm cầu ở Madrid vì không tìm ra chỗ triển lãm. Ăn khoai chiên liền tù tỳ một tháng. Tháng đó vẽ toàn món ăn.

Nhìn nghiêng, gã đàn ông có cái mũi thẳng và đẹp. Người Việt-Nam ít có mũi đẹp.

— Đêm hôm qua tôi suýt chết ở auto-route. Tuyết rơi mù trời, đường trơn như mỡ. Xe chạy ba chục cây số một giờ mà chỉ chực lao xuống vực. Bụng thì đói cồn cào.

Hai người vào một tiệm cơm Việt-Nam, nhỏ nhưng sang và ấm cúng. Gã họa sĩ nhìn «menu», lè lưỡi:

— Họ chém cần thận quá. Cô điên rồi sao?

— Tôi đã nói hôm nay ăn sang. Tôi vừa bốc đồng, khi tôi đã bốc đồng thì không ai cản được tôi cả.

Và lại, ăn ở đây, anh được một ông Tướng, trước kia là Quốc trưởng, hầu hạ. Một người đàn ông cao, đầu sói đến ghi các món ăn. Thủy ghé tai gã họa sĩ nói :

— Đó là một ông cựu Chuẩn tướng, cánh tay mặt của Quốc trưởng

Gã họa-sĩ nhìn người đàn ông đang cúi húi biên chép những món ăn ở bàn bên cạnh, cái mặt khô, lạnh lùng, cái trán hói, trông y không có vẻ gì một người đã từng là cánh tay mặt của « Quốc-trưởng » trong những âm mưu đảo chánh, chỉnh lý, làm rối loạn cái xứ đã vốn rối loạn trong những năm trước. Thủy nói :

— Tôi mới đọc báo thấy ông « Quốc trưởng » tuyên bố là thà ông bán phở còn hơn bán nước.

— Chứ không phải bán nước không xong phải bán phở.

Thủy rắc tiêu, ớt, lấy tay ngắt những miếng rau thơm, những miếng rau thơm xanh ròn mà những người Việt-Nam đã mang từ quê hương sang, công phu trồng trọt trong cái không khí lạnh buốt của xứ người, để cho bát phở có hương vị của bát phở, lúc ngừng lên đã thấy gã đàn ông thanh toán xong tô phở của y rồi.

Y gọi thêm một đĩa chả giò, một tô cơm với thịt kho, dưa giá, ăn ngon ngòm và khen rồi rít :

— Ở Rome cứ ngốn spaghetti hoài. Sợ phát sốt.

Chả bù với bên này, Thủy nghĩ, Paris có 4, 5 trăm tiệm cơm Việt-Nam. Đi đâu cũng thấy tiệm cơm

Việt-Nam. Người Việt sang đây lập nghiệp hình như không biết chơi cái trò gì hơn là trò nấu cơm cho Tây ăn. Một anh thương gia làm giàu nhờ chiến tranh, một ông Tướng bị đảo chánh, một ông Bộ trưởng hết thời, ông nào cũng loay hoay mở một tiệm cơm, mua thịt bò, thịt heo về nấu nướng loạn lên. Nhìn một ông ngồi chăm chỉ chiên mấy cái chả giò, người ta khó nghĩ rằng đó là cựu bộ-trưởng hiền hách. Và cái ông đang bung một tay tô phở, một tay tô bún thang với cái vẻ rất cần trọng và nghiêm túc kia, chính là một nhân vật đã từng hét ra lửa. Và cái ông đang điều khiển mấy bà nấu cơm, rửa chén trong gian bếp chật chội treo lủng lẳng những miếng thịt bò thịt heo kia chính là một vị tướng lãnh đã từng chỉ huy hàng sư-đoàn.

Paris có 4, 5 trăm tiệm cơm Việt-Nam nhưng không có tiệm nào ăn ngon, vì các vị cựu tướng lãnh, cựu bộ trưởng, cựu quốc trưởng, khi còn đang thời hiền hách, không hề nghĩ đến việc trau dồi môn nấu nướng. Đùng một cái, họ trở thành chủ quán, ban ngày lui húi phục vụ khách hàng, buổi tối ngồi vừa tính lại sổ sách, vừa nhô râu, nghĩ đến cái thời oanh liệt đã mất và âm mưu tính toán một ngày trở về.

oOo

Thủy đẩy cánh cửa kéo kẹt. Hai người bước vào một hành lang tối đen. Thủy bật đèn. Cái hành lang cũ mốc với chiếc cầu thang ọp ẹp. Từ dưới nhìn lên, cái cầu thang sâu hun hút.

Thủy nói :

— Tôi ở trên cùng. Phải leo lên bảy tầng lầu.

— Ngày nào cũng vậy à ?

— Ngày nào cũng vậy, riết rồi quen. Chưa quen thì thấy ớn. Chủ nhật trước, con bạn tôi đến, ngại leo, đứng dưới này réo ầm ĩ làm hàng xóm chạy cả ra coi.

Một ông Tây già lụ khụ lần từng bậc thang xuống, vừa ho sù sụ vừa chào bằng tiếng Việt : “chào cô, chào ông”. Thủy cúi vào tay ông già một đồng bạc. Ông già cảm ơn rồi rút.

— Hồi xưa ông ta ở Đông Dương. Làm đội xếp, hét ra lửa. Bây giờ sống vất vưởng như ăn mày. Con cái không đứa nào nuôi cả. Nhà ông ta không có lò sưởi. Đêm nào lạnh quá phải chui xuống hầm métro ngủ.

Thủy ngao ngán nghĩ đến đời sống của ông Tây già. Và ngao ngán nghĩ đến đời sống mình. Đời tôi thì khác gì. Thui thủi ở căn gác này. Ngày nào cũng như ngày nào, dài lê thê. Sáng hốt hoảng dậy theo tiếng đồng hồ báo thức, rửa mặt mũi qua quýt, ăn một miếng biscotte, uống một ly café sữa rồi leo 7 tầng lầu xuống đi làm. Buổi tối về lại ậm ạch leo 7 tầng lầu lên phòng. Nhiều lần Thủy đứng cả chục phút dưới chân cầu thang, thấy người rã rời. Những đêm mùa đông thì dài và buồn. Nằm một mình trong căn phòng lạnh lẽo, muốn ứa nước mắt. Nhiều buổi chiều thứ bảy, Thủy nằm ỉ chằng buồn dậy đi ăn. Nghĩ đến hàng trăm

bực thang cũng đủ ngại. Ăn được miếng nào, leo từng bậc thang cũng đủ tiêu hết.

Thủy rùng mình. Đời sống tôi trôi qua như vậy sao. Chiếc cầu thang cũ sâu hút. Căn phòng trống trải lạnh lẽo. Dãy hành lang đen u ám. Những chuyến métro chật cứng như cá hộp, muốn xiêu vì hơi người. Tất cả đời tôi có vậy thôi sao ?

Mùa đông năm ngoái, một bà già hàng xóm chết cả tuần lễ không ai hay. Bà già sống lui cui một mình trong căn nhà đóng cửa im im như một cổ áo quan rộng. Con cái bỏ đi, tàn nát cả. Ở cái xã hội này, mạnh ai nấy lo cho mình, người già cả là những gánh nặng, những sinh vật thừa thãi. cồng kềnh, phiền hà, bị gạt ra khỏi đời sống như một con kiến gãy chân bị bầy kiến bỏ rơi bên đường. Trời lạnh quá, bà già hàng xóm ho ngúc ngắc và nằm chết cong queo như một con tôm khô cho đến khi người ta lấy làm lạ về sự vắng bóng của bà già, đập cửa vào. Thủy tự nghĩ rồi một ngày nào cũng đến lượt tôi. Một mùa đông nào đó, tôi cũng ho ngúc ngắc rồi chết cong như một con tôm khô mà không ai hay biết.

Con phải đi, mẹ. Con không ở mãi cái tỉnh heo hút này được nữa. Đời con không thể chết rụi ở đây, như dì Sáu, như chị Thân. Nàng đã nói với mẹ như vậy, nhiều lần. Nàng biết nàng phải đi. Đi đâu thì không hay nhưng phải đi thật xa cái tỉnh nhỏ nơi nàng đã sinh ra buồn rầu, lớn lên buồn rầu và sống buồn rầu

cả một thời thanh xuân. Phải đi. Nàng tự nhủ như vậy những buổi tối nàng nằm trần trọc trong căn phòng nhỏ, nghe tiếng mưa rơi rây rút. Và nàng đã bỏ đi. Rất xa. Hàng chục ngàn cây số. Để khám phá ra một điều là dù có đi tới chân trời góc biển nàng cũng chạy thoát khỏi nỗi cô đơn rình rập bên phải, bên trái. Nó kẻ kẻ bên cạnh nàng, bàn ngày, ban đêm. Nó chờ sẵn dưới chân cầu thang mỗi lần nàng xuống đứng sẵn trên cầu thang mỗi lần nàng lên, lù lù bên cạnh những lần nàng ngồi một mình, cố nuốt cho trôi một miếng bánh mì khô nghen cò. Nàng thấy nhớ xót xa những con đường tỉnh nhỏ nơi quê hương những buổi sáng đi chợ, chào hỏi mọi người vì tất cả đều quen nhau. Nhớ xót xa tiếng rao ngọt ngào của những cô bán hàng rong. Nhớ con sông nhỏ mà nàng đã ngồi hằng giờ nhìn nước chảy, ném những hòn sỏi lồm bồm xuống dòng sông. Những hình ảnh ấy vừa rõ ràng vừa mù mịt, vừa gần gũi và xa xôi cùng tận, thăm thẳm.

Thủy lách cách mở khóa trong khi gã đàn ông dựa vào tường, thở. Căn phòng lạnh lẽo ngăn làm hai. Một cái buồng nhỏ kê giường ngủ và phòng bên ngoài chõng chơ hai cái ghế và một cái bàn bên trên ngồn ngang trăm thứ. Quần áo vắt bừa bãi ở thành ghế.

Thủy xách bình ra cầu thang lấy nước. Trở vào, Thủy thấy gã con trai đã cởi áo sơ-mi. Bộ ngực chắc nịch của gã lặn lên sau lần áo lót.

Thủy lấy cho hắn một cái khăn mặt sạch, để sẵn ở chậu rửa mặt.

Nàng vào phòng trong, cởi quần áo. Thủy lấy bộ áo ngủ màu hồng đã lâu lắm không dùng ra mặc. Những đêm trước, nhiều lần đi về mệt quá. Thủy để nguyên quần áo lăn ra giường ngủ. Nửa đêm đôi cồn cào, mò dấy, nấu một tô mì Nhật ăn cho chặt bụng. Nhìn vào gương, Thủy hải lòng thấy bộ ngực của mình còn săn chắc. Nàng ngồi xuống ghế, chải lại mớ tóc, trang điểm khuôn mặt. Thủy khẽ thở dài, thấy những đường rãnh ăn sâu ở đuôi mắt. Tôi già rồi sao. Hai mươi tám tuổi mà mắt đã nhăn, mặt khô cằn. Thủy tô một nét son thật đậm lên môi, «Đừng làm phai son của em». Thủy đẩy Tường ra, nhưng cánh tay của gã ôm cứng lấy vai Thủy. Hắn hôn ngấu nghiến trên môi, trên khắp người Thủy. Thủy rướn người lên, thở dồn dập. Tay nàng luồn vào tay Tường, ghì miết da thịt của hắn. Người Thủy râm ran. Tường như muốn bóp nát thân hình đứa con gái. Bây giờ hắn bỏ đi đâu, biệt tăm. Hắn như một cánh bướm, ghé lại rồi bay đi. Thủy thở dài. Nàng vươn vai, chu miệng lại và thấy trong gương đôi môi mình vẫn còn chín.

Thủy nằm rất lâu, không thấy gã họa sĩ vào. Nàng nằm ép sát vào phía trong, để trống 2 phần 3 giường. Nàng chờ đợi tiếng chân tiếng vào, chờ đợi một bàn tay ấm nắm lấy vai người nàng lại. Chờ đợi một hơi thở ấm, phả vào cò. Nhưng

không thấy động tĩnh gì. Thủy lên tiếng :

— Anh à.

Không trả lời.

— Làm gì ngoài đó vậy ?

Vẫn yên. Thủy xuống giường, xỏ dép, đi ra. Gã họa sĩ nằm giữa phòng, chui người trong chiếc túi ngủ hồi nãy ôm kề kề ở vách. Gã ngủ như chết.

Sáng hôm sau, gã họa sĩ dậy sớm. Y rón rén thò đầu vào phòng trong, thấy đứa con gái còn ngủ. Gã đứng tần ngần một lúc rồi trở ra, viết vài chữ đề trên bàn. Gã ôm cái túi ngủ rón rén đi ra, khe khẽ khép cánh cửa lại.

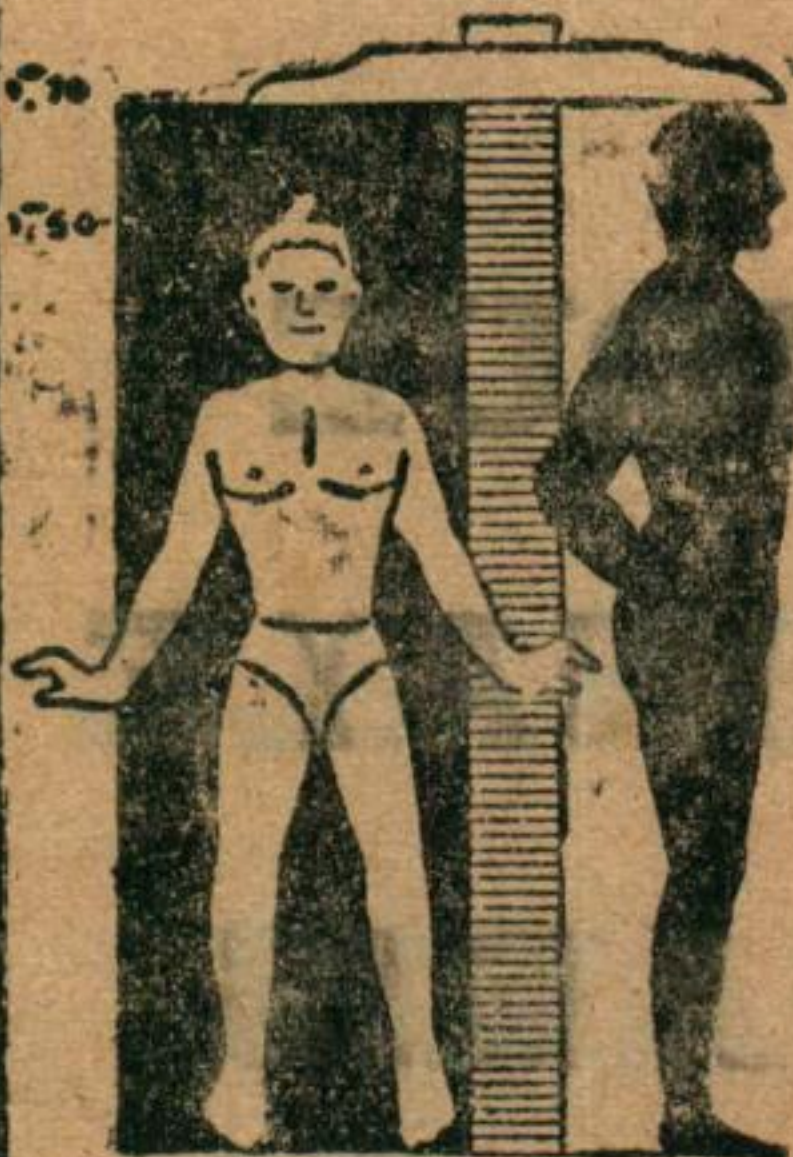
Thủy nằm im, giả vờ ngủ. Nàng nghe từng tiếng bước chân nghiêng trên chiếc cầu thang ọp ẹp, lặng lẽ khóc. Và nghĩ : mình cũng quên chưa hỏi tên hắn.

oOo

TRẦN - CÔNG - SUNG

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



· CON NIT MAU
· BIẾT ĐI
· CÙNG XUÔNG.
· MẠNH KHOÉ .
· NGƯỜI LỚN
· CÙNG RĂNG .
· ÍT ĐAU RĂNG .
· YẾU PHỎI .
· MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ!

פנקס

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

SINH HOẠT

NGUYỄN MỘNG GIÁC và Giải thưởng Truyện dài Văn Bút 74

Ngày 15-11-74 hồi 6 giờ chiều, tại Trụ sở Văn Bút ở Saigon, đã tổ chức lễ phát giải thưởng Truyện dài 74 của Trung Tâm Văn Bút V.N. cho nhà văn Nguyễn Mộng Giác với tác phẩm *Đường một chiều*, trước sự hiện diện của rất đông anh chị em văn nghệ sĩ và đại diện báo chí. Trên hàng ghế quan khách người ta thấy có Ông Đỗ văn Rỡ Phụ tá Tổng Trưởng Văn hóa Giáo dục Thanh niên và các Mạnh thường quân đã đóng góp cho Giải thưởng 74: Ông đại diện Đại Á ngân hàng và Công ty Bảo hiểm Phụng Hoàng, Ông Bà Giám đốc Nhà sách Khai Trí... (1)

Lễ phát giải thưởng năm nay, đặc biệt không đặt dưới quyền chủ tọa của một vị đại diện chính quyền như các năm trước mà 3 vị hội viên cao niên nhất là nhà thơ Á-nam Trần Tuấn Khải, kịch tác gia Vi Huyền Đắc và nhà văn Tam Lang đã đồng chủ tọa buổi lễ...

Như thường lệ, L.M. Thanh Lãng Chủ tịch T.T. Văn Bút V.N đọc diễn văn khai mạc. Ông đã cảm ơn rất nhiều những vị "thân hữu ân nhân" đã vì lòng yêu văn hóa, không muốn thấy Văn Bút vì kiệt quệ tài chánh mà hủy bỏ Giải thưởng Văn Bút 74, cho nên đã tiếp tay cho Văn Bút để duy trì việc trao giải. Ông nói: "Vận mạng của Văn Bút gắn liền với vận mạng của Dân tộc, cho

nên hễ Văn hóa mà hưng thì Dân tộc cũng hưng, ngược lại nếu Văn hóa mà diệt thì Dân tộc cũng diệt", và "từ hơn một năm nay Văn hóa đang lâm vòng diệt vận, đang thọ nạn." Do đó mà theo L.M. Thanh Lãng, hơn 80% nhà văn đã bỏ nghề,

Sau cùng ông lập luận rằng "Cùng lý và báo chí đang thọ nạn, tức là Văn hóa đang thọ nạn, tức là dân tộc VN đang thọ nạn. Vì muốn nhận lấy thân phận nhân dân làm chính thân phận của mình, cho nên Văn Bút đã muốn cùng thọ nạn với nhân dân. Nhưng « nhất thời như Quan, vạn đại như Dân » cho nên Văn Bút tin tưởng rằng: Nhân dân V.N. sẽ thắng, Văn Bút VN sẽ thắng. Làng văn Làng báo VN sẽ thắng: Văn hóa VN sẽ bừng sáng,

Tiếp đó Ô. Phạm Việt Tuyền đại diện cho Hội đồng Tuyền trách (2)

(1) Những vị đã ủng hộ cho Giải thưởng 74 của Văn Bút gồm có: Đại Á Ngân hàng và Công ty Bảo hiểm Phụng Hoàng (150.000 đ), Nhà sách Khai Trí (50.000 đ), Ô Bùn Văn Trình ở Kiến Hòa (10.000 đ).

(2) Hội đồng Tuyền trách của Giải Truyện dài Văn Bút 74 gồm có các nhà văn Nguyễn Văn Vinh, Sơn Nam, Nhật Tiến, Tam Lang và Phạm Việt Tuyền.

nhận định về tác phẩm trúng giải. Ông cho biết đã có 3 tác phẩm được sự lưu ý đặc biệt của Hội đồng: *Đốt lửa* của Vương Long, *Quốc lộ 13* của Tô Vũ, *Đường một chiều* của Nguyễn Mộng Giác, "cả ba đều phản ánh những con người sống trong xã hội nước nhà ngày nay với cuộc chiến hiện tại." Riêng về tác phẩm trúng giải *Đường một chiều* ông cho rằng:

"Phần đông độc giả sau này chắc sẽ phải đọc một hơi từ đầu tới cuối cuốn tiểu thuyết như một số vị trong Hội đồng Tuyển trạch, bởi vì tình tiết rất hấp dẫn, với nhiều hiện tượng đột biến bất ngờ lúc xảy ra nhưng khi đã xảy ra thì không gây ngỡ ngàng vì nguyên nhân ngầm ngầm đã âm ỉ từ trước và khi đã xảy ra thành sự kiện thực tế rồi thì vẫn còn tạo bằng khuâng triết lý như tách trà thơm ly rượu ngon được thêm tình nặng nghĩa sâu..."

Một Thiếu tá chờ suốt mấy ngày ở sân bay gần mặt trận với bức điện tin vợ chết, không biết là tin thực hay dối? Về tới nhà gặp cô con gái riêng của vợ và lũ con đại ngậy thơ trước bàn thờ vợ, mà vẫn chưa thể ngờ rằng vợ đã bị giết! Án mạng đã xảy ra do chính hạ-sĩ Ninh người tài xế mà ông bà Thiếu tá vẫn thương như một người em? Thiếu tá Lộc hỏi hỏi trả lời những câu hỏi cung dồn dập gọi ra nhiều giả thuyết của một Trung úy Quân cảnh Tư Pháp! Sự thực sẽ sáng tỏ ra sao khi Thiếu tá Lộc từ chiến trường được trát đòi trở về lần sau

để ra làm nhân chứng tại Tòa án mặt trận xử vụ hạ sĩ Ninh mưu toan hiếp dâm và cố sát bà thiếu tá Lộc? Những khía cạnh bất ngờ đời đời thú tội của Ninh, lời buộc tội của công tố viện, lời gỡ tội của luật sư, những lời chứng khác biệt hay trái ngược nhau của các nhân chứng, tất cả chỉ cho thấy một chuỗi những sự kiện thực tế đã đôi phe dứt đoạn và gây hoang mang cho Thiếu tá Lộc cũng như cho cô con gái riêng của bà Lộc, là Ly, 14 tuổi người độc nhất chứng kiến màn bị kịch Ninh giết bà Lộc! Phiên tòa sôi nổi kéo dài còn phải gác tới hôm sau thì, đêm ấy, bất ngờ Ninh tự sát trong lao, khiến công tố quyền tiêu diệt giữa phiên tòa họp lại buổi sáng hôm sau! Và, sau khi được cha kể báo tin vào buổi trưa là Ninh đã tự tử, Ly đã đột ngột bỏ nhà trốn đi lúc vừa dứt giới nghiêm sáng ngày hôm sau nữa, để vương lại trong tủ áo xáo trộn một màu giầy nháp nhạt ký ghi việc "chú Ninh" đã tặng Ly một cuốn "Hình như là tình yêu."

Câu chuyện chấm dứt chơi vơi, gọi cho người đọc thấy con đường một chiều mà Ninh và nhiều người vô tình tự ý hay bị xô đẩy đi vào, đồng thời cũng nêu cho người ta hiểu rằng con đường một chiều không thể giải thích hay phê phán theo một chiều cố định nếu người ta muốn không phủ nhận các thực tế phũ phàng và vươn tới chân lý cứu rỗi!

Ô. Phạm Việt Tuyền còn phân tích cặn kẽ về tâm lý nhân vật về

phương diện triết lý, cũng như về giá trị đạo đức của tác phẩm trúng giải, đề sau cùng cảm ơn tác giả đã cống hiến một truyện hay, xuất sắc.

Nhà thơ lão thành Á-nam Trần-Tuấn-Khai, râu tóc bạc phơ mà còn quắc thước, đại diện Chủ tọa đoàn, trao tặng cho nhà văn Nguyễn Mộng Giác giải thưởng duy nhất Truyện dài 74 của Văn Bút là một chi phiếu 150.000 đồng.

Khi được mời phát biểu cảm tưởng tác giả *Đường một chiều* đã nói lên nỗi xúc động của mình khi được tin trúng giải và thích thú nhận ra niềm thông cảm cội mớ giữa thế hệ các nhà văn trong Hội đồng Tuyên trạch của Văn Bút và thế hệ các cây bút trẻ hôm nay. Ông nói: « Nhân vật của tôi không thờ cùng một không khí với nhân vật các vị trong ban tuyên trạch. Nhân vật của quý vị thoải mái, tự tin. Nhân vật của tôi hoang mang quờ quạng không biết được phía sau lẫn phía trước. Tuy vậy, tôi vẫn được quý vị công nhận. Điều đó cải chính định kiến văn hằng ám ảnh dai dẳng sinh hoạt văn học miền Nam chúng ta, là sự phân ly giữa trẻ và già ».

Nguyễn Mộng Giác đã kiểm điểm tâm cảnh của những nhân vật từ truyện Thạch Sanh, Lục vân Tiên, đến các tác phẩm của Khái Hưng, Nhất Linh, từ các tiểu thuyết tả chân xã hội thời kỳ trước 1945 đến các tác phẩm của những nhà văn di cư sau 1954..., mà niềm tin bao giờ cũng bộc lộ mãnh liệt, tin ở ngày mai, tin ở xã hội chuyển tiếp,

tin ở sức mạnh trí thức tiểu tư sản tin ở miền Đất Hứa, tin ở chính nghĩa chống Cộng v.v... Từ khoảng 1960 trở đi nhân vật tiểu thuyết đã không còn các niềm tin đó nữa. Họ lạc loài, họ thấy niềm đau nhức của khoảng trống » (Dương Nghiễm Mậu) họ bơ vơ không tìm được chỗ trú (Thanh Tâm Tuyền)... Rồi đời sống xã hội và tinh thần bị xáo trộn, khủng hoảng, nhất là từ khi nửa triệu quân Hoa-kỳ đến Việt-Nam... Các biến chuyển lịch sử của đất nước đã tạo nên sắc thái đặc biệt cho nhân vật tiểu thuyết những năm 1970 : Từ bơ vơ đến hoang mang. Từ tự tin đến lơ đãng. Từ tha thiết gần bó đến ơ hờ xa lạ. Những từ ngữ hiện sinh nhập cảng lúc trước còn là kiến thức thời thượng, bây giờ trở thành kinh nghiệm thực tế.

Tiếp đó tác giả *Đường một chiều*, đã nói về tác phẩm của mình :

«Cuốn truyện *Đường một chiều* của tôi mang tất cả sắc thái buồn thảm đó. *Đường một chiều* không phân định được chiều thuận và chiều nghịch, nhân vật trong truyện không thấy được biên giới giữa tội ác và thánh thiện, giữa tình yêu và hận thù.»

Cái không khí buồn thảm ấy tất nhiên không nhiên không hợp với thế hệ các vị đàn anh — trong Hội đồng tuyên trạch, là những người được nuôi lớn bằng niềm tin và lạc quan, vậy mà các nhà văn chấm giải Truyện dài Văn bút vẫn lựa chọn *Đường một chiều* chứng tỏ không hề có sự phân ly giữa 2 thế-hệ.



Nguyễn Mộng Giác (1974).
Hình Lê Phương Chi.

Nguyễn Mộng Giác cảm ơn quý vị đàn anh về niềm thông-cảm đó.

Qua lời giới thiệu của nhà văn Nhật Tiến, Trưởng ban Tổ chức lễ phát giải thưởng Văn Bút, người ta được biết nhà văn Nguyễn Mộng Giác sinh ngày 04-01-1940 tại làng Ngân Sơn, Phú Yên, chánh quán : làng Xuân-Hòa, Bình Khê, Bình Định

* Từ 1945 đến 1954 sống trong vùng kháng chiến tỉnh Bình Định thuộc liên khu 5. Ban đầu, trước giai đoạn phát động cải cách ruộng đất, thân phụ làm Hiệu trưởng một trường Trung học cấp 2, gia đình sống tương đối bình thường. Nhưng từ 1952 khi gia đình bị ghép vào thành phần phú nông tiểu tư sản, thân phụ bị biên chế, thì đời sống trở nên chật vật với đủ cách mưu sinh : chăn dê, đan bao, kéo chỉ, làm ruộng. Kỷ niệm ấu thời này là chất liệu của các truyện trong *Qua cầu gió bay* và *Tiếng Chim Vườn Cũ*.

* Sau khi có Hiệp-định Genève, thân phụ được tái bổ dụng ngạch giáo học, nên gia đình sống ổn định. Nguyễn Mộng Giác đã học Trung học ở Qui Nhơn, Nha Trang, Saigon, học Đại học Văn khoa Saigon rồi Đại học Sư phạm Huế, tốt nghiệp năm 1963 với một huy chương danh dự về tập khảo luận : *Tình và đạo trong thơ Hàn-Mặc-Tử*.

* Dạy học liên tiếp ở các trường Đồng Khánh Huế, Cường Để Qui Nhơn. Suốt thời gian từ 1965 đến 1974 sống ở Qui Nhơn, Bình Định, nên hầu hết chất liệu sáng tác đều lấy từ khung cảnh, sinh hoạt của miền đất liên miên tranh chấp trong phức tạp và hung bạo này.

* Hiện làm chuyên viên tại nha Nghiên Cứu và Sưu tầm Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên Sài Gòn.

Nguyễn Mộng Giác bắt đầu viết từ 1962, cộng tác với các tạp chí sinh viên H.ế, nhưng chỉ thực sự viết đều đặn từ 1971 trở đi, cộng tác với các tạp chí văn học như : *Bách Khoa*, *Văn*, *Văn Mới*, *Hoài Bảo*, *Ý Thức*, *Trình Bày*, *Thời Tập*, *Phổ Thông*...

* Tác phẩm đã xuất bản : *Nỗi băn khoăn của Kim Dung* (tiểu luận, 1972), *Bảo rớt* (tập truyện, 1973), *Tiếng chim vườn cũ* (truyện dài, 1973), *Qua cầu gió bay* (truyện 1974), *Đường một chiều* (truyện dài 1974.)

Sau đây là cuộc đàm thoại với nhà văn trúng giải trong buổi tiếp tân tại Văn Bút hôm 15/11.

— Nguyễn Mộng Giác là tên thật hay bút hiệu ?

— N.M. Giác : Đó là tên thật. Tôi bắt đầu thực sự gia nhập làng văn từ Bách Khoa, năm 1971. Ở cái tuổi « tam thập nhi lập », tôi đã có đủ tự tin để đề tên thật của mình dưới các tác phẩm và sẵn sàng nhận chịu trách nhiệm về điều mình viết, khỏi cần mượn bút hiệu.

— Như vậy tại sao lại còn lấy bút hiệu là Nguyễn Ngân Sơn ?

— Có thể xem bút hiệu ấy là một tai nạn nghề nghiệp. Năm 1972, trong một loạt bút ký thời chiến đăng trên Bách Khoa, ghi lại sự dao động tinh thần của dân chúng thành phố Qui Nhơn « mùa hè di tản », tôi và Trần Hoài Thư bị liên đới với tạp chí Bách Khoa trong việc làm « hoang mang dư luận... » Cả Bách Khoa lẫn chúng tôi đều bị đưa ra Tòa. Sau đó anh Lê Ngọc Châu, Chủ nhiệm Bách Khoa, đề nghị tôi lấy một bút hiệu khác trong một thời gian. Sự thực hồi đó truyện của tôi và Trần Hoài Thư đều được « chiến cổ » kỹ lắm, nên tôi thì thay tên thực bằng một bút hiệu « Nguyễn Ngân Sơn » còn Trần Hoài Thư thì ngược lại bỏ bút hiệu đề đề tên thực là « Trần Quý Sách » !

— Tại sao anh chọn bút hiệu là « Nguyễn Ngân Sơn » ?

— Dân dị lắm. « Ngân Sơn » là quê hương của nhà văn Võ Hồng mà cũng là nơi tôi sinh ra. Hồi đó ba tôi dạy học tại Ngân Sơn, quận Tuy An, Phú Yên.

— Xin anh giải thích giùm cái tên truyện « Đường một chiều »

— Tôi xin gắng giải thích. Xin nhấn mạnh chữ « gắng » vì « Đường một chiều » không còn là tôi nữa. Tôi nhớ có một nhà phê bình nào đó bảo rằng muốn hiểu một nhà văn phải tìm đọc tác phẩm đầu tay của hắn. Cuốn sách đầu tay của tôi là một tiểu luận : *Nỗi băn khoăn của Kim Dung*, do Văn Mới xuất bản năm 1972. Truyện kiếm hiệp của Kim Dung đã làm chấn động tâm hồn tôi những năm ba mươi tuổi như truyện của Dostoievsky đã làm tôi hoang mang đốt hết các bản thảo thơ, truyện về Tổ Chân những năm hai mươi. Các nhân vật của Kim Dung từ Trương Vô Kỵ, cho đến Tiêu Phong, Lệnh Hồ Xung đều đã xông pha, đã dẫn thân theo cách riêng của mình, nhưng cuối cùng, đều phải băn khoăn không biết đâu là chính đâu là tà. Thế hệ chúng tôi đang băn khoăn y như Lệnh Hồ Xung khi thấy Lâm Bình Chi sử dụng Tịch tà kiếm pháp. Lệnh Hồ Xung đã lầm bầm tự hỏi : « Chẳng lẽ đây là Tịch tà kiếm pháp chăng ? Tịch tà ! Tịch tà ! Sao lại kêu bằng Tịch tà ? Chính công phu này có vẻ rất bàng môn tả đạo thì còn tịch tà thể nào được ».

Thế hệ chúng tôi chưa thấy được biên giới thiện ác, chưa thấy được phía thuận chiều và phía cấm kỵ. Các đàn anh của chúng tôi như Võ Phiến, Doãn quốc Sỹ, Nguyễn Mạnh Côn, Mai Thảo, Vũ khắc Khoan đã hăm hở hướng về phía thuận chiều biết bao, vậy mà giờ đây họ còn khựng lại hướng chỉ là thế hệ chúng tôi.

— Vậy « Đường một chiều » đưa người ta đến đâu ?

— Không đến đâu cả. Sau án mạng, có điều tra, có phiên tòa. Nhưng càng ngày, các nhân vật chính như người chồng, đứa con gái lớn 14 tuổi, phạm nhân và cả quan tòa, đều thấy mình không hiểu nổi mình, đều thấy mình bị tuột vào một cái dốc trơn. Cuối dốc là sự yếu đuối của con người, sự bất khoan của thái độ, sự khả thứ của tội ác. Cuối con đường của tôi có một ông Chánh thẩm bất khoan...

— Tòa án trong truyện của anh chắc không giống ai ?

— Thật vậy. Tuy tôi có nhờ sự chỉ dẫn cổ vấn quí báu của anh Dương Kiên và ông Trần Thúc Linh cũng như có đi dự quan sát nhiều phiên tòa đại hình, nhưng tôi biết chắc phiên tòa của tôi trong *Đường một chiều* « không giống ai ». Tôi có xin lỗi các luật gia ở đầu truyện và xác định đây chỉ là một vụ án theo dự tưởng và mơ ước của « một tay ngang » muốn áp dụng một thứ luật « du di » cho « kẻ yếu đuối » là tất cả chúng ta.

— Chúng tôi đã được trông thấy cuốn « Đường một chiều » do Nhà Nam Giao xuất bản nhưng lại mang tên « Bóng thuyền say ». Tại sao vậy ?

— Làm sao khác được anh ! Ban đầu khi vừa viết xong truyện, tôi đặt nhan đề là *Đường một chiều* với tên tác giả để xin kiểm duyệt. Sở phối hợp nghệ thuật « rất lấy làm tiếc... » Vài tháng sau, tôi đổi nhan đề thành *Bóng thuyền say*, đổi tên tác giả thành Nguyễn Ngân Sơn, đưa xin kiểm duyệt lại. Lại « mặc dầu cứ xét với rộng rãi tối đa »... ! Rồi trong khi gửi 5 bản thảo *Đường một chiều* dự thi ở Văn Bút, tôi tìm 1 bản thảo nữa để gửi Bộ Dân Văn xin « tái xét rộng rãi » Tìm truyện mang nhan đề *Đường một chiều* không có phải lấy đại truyện mang tựa đề *Bóng Thuyền Say*. Lần thứ ba này tôi được cấp giấy phép. Tuy nhiên, theo tôi nghĩ, hai nhan đề đều có cùng một ý nghĩa. Chúng ta đang ở trong một thời đại dao động thường trực, lắc lư, chông chênh đến chóng mặt *Chiếc thuyền bão* ảnh của Ôn như Hầu mà anh.

THẾ NHÂN

Bạn đọc Bách Khoa tìm đọc ngay : truyện dài

BÓNG THUYỀN SAY

(tức truyện Đường Một Chiều)

của NGUYỄN MỘNG GIÁC

tác phẩm được giải truyện dài xuất sắc nhất năm 1974 do Trung Tâm Văn Bút Việt Nam chọn.

Nam Giao xuất bản và phát hành

Địa chỉ 402 Nguyễn Huệ — Gia Định Đ.T. 45.093

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 – 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

**Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...**

**Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie**

**NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS**



Nhức đầu,

Nhức răng,

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng đau nhức lúc có
Kính Kỳ.

AN 12/10/1944/1000

HỘP THƯ

— *Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :*

* **THƠ :** Nguyễn Doãn Lữ, Nguyễn Văn Vinh, An Cựu, Phạm Thanh Chương, Mặc Sỹ Luân, Vũ Hữu Định, Tố Lang, Nguyễn Nhứt, Thủy Triều, Võ văn Lê, Hà Phú Cường, Lê văn Chương. Đỗ Chu Thăng, Thạch Khê, Trần Hoàng Vy, Hồ Ngọc Thạch, Trần Đức Oanh, Thu Nghiễm, Nghiêm Tất Định, Nguyễn văn Hưng, Bùi văn Thu, Tô Ngây, Nguyễn Thế Nghiệp, Đinh Thiên Mục, Mai Quế Phương, Lê Thánh Thư, Trần Ngọc Kim, Đông Trình, Vũ Vốn, Đào Biền, Chu Ngạn Thư, Luân Hoán, Đặng Tấn Tới, Hoàng Lộc, Đào Ngọc Xuân, Võ Tấn Khanh. Lê Minh Quỳnh, Trần Dza Lữ, Ba Lang Bang, Tường Lam, Bùi Nguyên Hư, Trần Hữu Nghiễm, Đông Hồng, Phan văn Quang, Thụy Khái, Tam Anh, Nguyễn Quan San, Tạ văn Sỹ, Phạm Hòa Thiệu, Phạm Uyên Nguyên, Nguyễn văn Mục, Hạ Doan, Chu Vương Miện.

* **TRUYỆN :** Cao Đồng (Ý rời...) Nguyễn Thái Hải (Tâm sự), Dương Huyền Ý (Kẻ thất bại), Doãn Thanh (Siêu nghệ thuật), Hồ Minh Dũng (Ngọn khói hân hoan ; Mùa xuân ghé thăm...) Trần Hoài Thư (Cầu xưa), Phan Tấn Uẩn (Con chó nhà anh Phú ; Thi ra, chú tướng tôi giàu)

* **BIÊN KHẢO** Vương Ngọc Huệ (Nạn khiếm dụng nguyên liệu trong nền kỹ-nghệ V.N.) Lê Ngô Minh Đức (Thử giải quyết những bài thơ tồn nghi của Nguyễn Trãi hay Nguyễn Bình Khiêm ?)

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gởi thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp Thư này. Bởi vậy các bài gởi đến, ngoài bút hiệu, xin quý bạn nhớ đề tên thực và ghi lại cho địa chỉ hiện tại để tiện liên lạc.

Sách mới

— Một năm đầu lão, những bài phẩm luận châm biếm xã hội vui tươi và trẻ trung của Thu Hippy, đã được đăng trên Nhật báo Chính Luận và tạp chí Bách-Khoa trong một năm qua do "Tủ sách Cù" xuất bản và tác giả gửi tặng Sách dày 160 trang Bản đặc biệt. Giá bán thường 430đ.

— Khi về dưới bóng cây truyện thiếu nhi của Nguyễn thị Mỹ-Thanh, do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 136 trang, thuộc loại "Hoa tím" bìa của Vi Vi rất đẹp. Giá 280đ.

— Việt văn Lớp 12 ABCD của Trường-Xuân Phạm Liễu do Trường Xuân xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách giáo khoa dày 212 trang, gồm 10 chương và chương dẫn nhập, nói về tư tưởng Nho, Phật, Lão, tư tưởng lãng mạn, dân chủ, Thiên Chúa giáo, Lược sử thi ca, báo chí, tiểu thuyết. Giá 600đ.

— vòng tay thân hữu của Đông Trình do Quảng Văn xuất bản và tác giả gửi tặng. Các bài nói chuyện của tác giả tại những trường Trung học Quảng Nam và Đà Nẵng: Quê hương trong thơ, Phan Châu Trinh và bài học lịch sử, Quảng Nam, quê hương anh hùng và thi sĩ (Nhà cách mạng Thái Phiên) in ronéo dày 112 trang.

Hội nghị thượng đỉnh A Rập

(tiếp theo trang 12)

giải quyết các vấn đề của họ qua các tổ chức kháng chiến nằm ngay trong lòng các trại.

Đề giải quyết vấn đề định cư cho những người Palestine lang thang cả lãnh tụ Tổ-chức Giải-phóng Palestine là Arafat và lý thuyết gia Nabil Shaath đều chủ trương trước hết thu hồi vùng đất Tây ngạn và giải Gaza, sau đó sẽ tiến tới tái lập một quốc-gia Palestine rộng hơn để mọi người Do-Thái, Ả-Rập, Thiên-Chúa giáo hay Hồi-giáo đều có thể chung sống hòa bình.

Nhưng nếu như vậy sẽ phải cắt xén nước Do-Thái hiện tại là một điều mà chẳng bao giờ Do-Thái chấp thuận. Ngay bây giờ chuyện trao trả Tây ngạn cho phe Giải-phóng Palestine cũng bị Do-Thái chống đối vì họ sợ rằng vùng này sẽ trở thành trung tâm xuất phát lực lượng khủng bố mà Do-Thái không thể nào kiểm soát nổi biên giới.

Tổ chức Giải phóng Palestine và các thành tích khủng bố lừng danh

Nói tới vấn đề Palestine là phải nói tới Tổ chức Giải-phóng Palestine và lãnh tụ Yasser Arafat.

Arafat năm nay 45 tuổi sinh tại Jerusalem, là con một người buôn vải. Khi còn học tại Đại-học Le Caire Arafat đã là Chủ-tịch Phong-trào Sinh-viên Palestine. Năm 1956 ông chiến đấu trong hàng ngũ quân đội Ai-Cập. Sau đó ông sang Kuwait làm

việc tại Bộ-Công-chánh cho tới năm 1964 rồi bỏ nước này để hoạt động cách mạng.

Đề râu rậm rạp, mang kính đen, vận quân phục tác chiến choàng khăn Ả-Rập, Arafat là một người luôn luôn hoạt động. Không uống rượu, không hút thuốc, không cư trú nhất định ở một nơi nào, tới nay Arafat cũng chưa có vợ. Có người hỏi về chuyện này, Arafat cười đáp rằng : « Palestine là vợ tôi ».

Với tư cách lãnh-tụ Tổ-chức, Arafat là Chủ-tịch Ban-Chấp-hành 13 nhân viên trong số có đại diện 5 tổ chức chiến đấu và đại-diện Tây ngạn. Tổ chức Giải-phóng Palestine thành lập năm 1964 bởi Ahmed Shukairy, một người Palestine ái quốc đã từng là đại diện của Ả-Rập Séoudite tại L.H.Q. Tổ chức này thực ra chỉ là cái bình phong che cho 6 tổ chức chiến đấu với tổng số khoảng 13.700 đoàn viên, trong số có khoảng 3.650 người là những du kích quân trung kiên, tuyển từ các trại tị nạn. Ngoài ra Tổ chức Giải phóng Palestine còn có một bộ phận quân sự chính thức là Quân đội Giải phóng Palestine gồm 17.000 binh sĩ đặt căn cứ tại Ai-Cập, Si-Ry và I-Rắc.

Sáu tổ chức chiến đấu là :

* *Al Fatah* tổ chức lớn nhất có khoảng 6.700 đoàn viên trong số này 2.000 là du kích quân, thành lập từ 1956 tại Gaza. Arafat là một trong những sinh viên sáng lập tổ chức này khi đó mang bí danh Abu Ammar.

Ông cũng trở nên lãnh tụ của Tổ chức từ 1968. Sau trận đột kích đầu tiên vào Do-Thái vào đêm giao thừa 1965. Tổ chức Al Fatah tiếp tục nhiều trận khác.

Một trong những bộ phận biệt kích của Al Fatah là tổ chức «Tháng Chín Đen» nổi danh, với vụ bắt cóc lực sĩ Do-Thái tại thể-vận-hội Munich năm 1972, vụ giết ba nhà ngoại giao Mỹ và Bỉ tại Khartoum năm 1973.

Sở dĩ họ lấy tên như vậy là để kỷ niệm tháng Chín 1970 khi vua Hussein đuổi các tổ chức du-kích Palestine ra khỏi Jordanie và giết chết ít nhất 2.000 người Palestine.

* *Mặt trận Nhân-dân Giải-phóng Palestine*, tổ chức lớn hàng nhì với khoảng 3.500 đoàn viên thành lập bởi Georges Habash, một bác-sĩ y-khoa tốt nghiệp Đại-học Hoa-Kỳ tại Beyrouth. Thành tích của tổ chức này là nhiều vụ cướp máy bay mang sang dốt tại sa-mạc Jordanie năm 1970, vụ cướp máy bay Lufthansa lấy 5 triệu Mỹ kim tiền chuộc năm 1972 và vụ yểm trợ tổ chức Hồng-quân Nhật-bản tàn sát 27 người khi tấn công phi trường Lod, năm 1972.

* *Mặt trận Dân chủ Nhân dân Giải phóng Palestine*, do Nayef Hawatmeh chỉ huy gồm 400 đoàn viên tả khuynh tách rời từ Tổ-chức của Habash năm 1969. Thành tích của tổ chức này là vụ giết 21 học sinh tại làng Ma'alot hồi tháng 5 vừa qua khiến Do-Thái oanh tạc trả đũa tàn bạo vào các trại tị nạn tại Li-Băng.

* *Bộ Tổng Chỉ-huy Mặt trận Nhân-dân Giải-phóng Palestine* cũng là một tổ chức ly khai từ tổ chức của Habash, do Anmed Jebreel chỉ huy. Lực lượng gồm 150 đoàn viên đã tổ chức cuộc tấn công Qiryat Shermona làm 16 người thiệt mạng.

* *Al Saiqa*, thành hình năm 1967 và do Si-Ry tài trợ, gồm 2.000 đoàn viên dưới sự chỉ huy của Zubeir Mohsen. Đây gần như một tổ chức quân sự phụ thuộc vào quân đội Si-Ry tuy thành phần toàn là người Palestine.

* *Mặt trận Giải phóng Ả-rập* gồm khoảng 100 đoàn viên là những người Palestine thân với đảng Baath của I-Rắc, do Abdel Wahab Kayyali chỉ huy.

Kể từ 1967, các tổ chức chiến đấu thuộc Phong trào Giải-phóng Palestine đã sát hại 800 người Do-Thái và làm bị thương 2.350 người, Do-Thái trả đũa bằng các vụ oanh kích các trại tỵ nạn gây cho hơn 3.300 người chết. Ngoài ra Do-Thái còn tổ chức những toán quyết tử sát hại lối 100 người Ả-Rập khả nghi trên khắp thế-giới.

Để giải-thích cho chiến-thuật khủng bố, Nabil Shaath, lý-thuyết-gia Palestine đã nói : « Thật là tức cười khi đòi hỏi chúng tôi phải ngưng tranh đấu bằng quân sự như một điều kiện tiên quyết để trả một phần những quyền chính đáng của chúng tôi ».

Tuy nhiên từ sau trận chiến tháng 10/73, Tổ chức Giải Phóng Palestine đã giảm khủng bố chuyển sang đấu

tranh chính trị và vai trò của Arafat bắt đầu nổi bật rõ rệt trong ít tháng gần đây.

Liên Hiệp Quốc chính thức mời Tò Chức Giải Phóng Palestine cử đại biểu tham dự Hội nghị Quốc Tế Thực Phẩm họp tại La Mã từ 5/11/74.

Khi đại hội L.H.Q thảo luận và biểu quyết có nên mời Arafat dự phiên họp thảo luận về vấn đề Palestine, Arafat đã đại thắng với 105 phiếu thuận, 20 phiếu trắng và chỉ có 4 nước Mỹ, Do-Thái, Bolivie và Dominique chống đối chuyện mời Arafat. Đây là lần đầu tiên một tò chức bất hợp hiến được mời nói trước đại hội đồng L.H.Q.

Về phía Âu châu, Arafat cũng rất được lòng chính phủ Pháp. Tổng thống Giscard d'Estaing tuyên bố việc thành lập một quốc gia Palestine là điều kiện cần thiết cho hòa bình tại Trung Đông.

Ngoại trưởng Pháp Jean Sauvagnargues ăn sáng và thảo luận với Arafat gần hai tiếng đồng hồ tại thủ đô Li-Băng, khen Arafat là một chính khách tượng trưng cho nguồn hy vọng của dân tộc Palestine. Đây cũng là lần đầu tiên Arafat công khai gặp một giới chính thức cao cấp của một cường quốc Tây phương.

Bao giờ người Palestine lang thang có một quốc gia như người Do-Thái

Tháng 9-1972 khi trả lời cuộc phỏng vấn của nhật báo Pháp Le Monde, bà Golda Meir, Thủ-tướng

Do Thái đã tàn nhẫn tuyên bố: "Tôi không tin rằng người Palestine có thể có một xứ sở và tôi cũng nghĩ rằng họ cần có một xứ sở".

Hai năm qua, từ câu tuyên bố đó tới bây giờ sau cuộc chiến tranh tháng 10, cuộc phong tỏa dầu lửa, cuộc hội nghị Rabat, tình hình Trung-Đông đã có rất nhiều thay đổi.

Vai trò của Arafat từ một thế lu mờ bây giờ đã hiện lên rõ rệt. Sau hội nghị Rabat ông đã tuyên bố về Do-Thái: "Chiến thắng đã gần kề. Kẻ thù chúng ta, bọn thảo khấu vô trang ấy (ám chỉ Do-Thái) chỉ là một bầy sói bị thương. Chúng đang chuẩn bị một cuộc chiến thứ năm nhưng chúng ta đã sẵn sàng chờ đợi".

Lập trường của Mỹ có vẻ hòa dịu. Mỹ bóng gió nói nếu Do-Thái chịu trả lại đất đai cho Ả-Rập, Mỹ sẽ sẵn sàng bảo đảm hòa-bình cho Do-Thái. Trong một cuộc họp báo tại Hoa-Thịnh-Đốn, Tổng thống Ford đã kêu gọi nên tiến hành mau việc dàn xếp một mặt giữa Do-Thái và Ai-Cập một mặt giữa Do-Thái, Jordanie hay Phong Trào Giải-phóng Palestine.

Ngay tại Do-Thái, sau nhiều cuộc chiến tranh, dân chúng Do đã có phần nào chán nản. Trong một cuộc thăm dò dư luận gần đây kết quả cho thấy non nửa dân Do-Thái muốn nhượng lại đất đai cho Ả-Rập để đòi lấy hòa-bình.

Về phía Palestine tuy có đôi chút lung củng nội bộ làm họ yếu đi tại hội nghị Genève sẽ mở, nhưng tại

Liên Hiệp Quốc họ được yểm trợ khá đặc lực.

Tối 13-11-74, khi lên tiếng trước Đại Hội-đồng L.H.Q Arafat tuyên bố cực kỳ ôn hòa trong một tiếng rưỡi đồng hồ thỉnh thoảng lại phải ngừng lại đón nhận những tràng pháo tay hoan hô của một Đại Hội-đồng đông nghệt chỉ trừ hai ghế trống của Do-Thái tẩy chay và Nam-Phi vừa bị trục xuất khỏi khóa họp.

Arafat nói : «Tôi đến đây mang theo một nhánh ô-liu hòa bình và một cây súng của người đấu tranh dành tự do. Đứng để nhánh ô-liu rơi khỏi tay tôi. Chiến tranh bắt đầu từ Palestine và hòa bình cũng bắt đầu từ Palestine».

Phái đoàn Arafat tới Nũu-Uớc gồm trên 30 người ngụ tại khách sạn Astoria với giá tiền phòng trung bình từ 150 tới 450 Mỹ kim một ngày. Phái đoàn Arafat được đón tiếp trong một khung cảnh chưa từng có của Liên Hiệp Quốc và thành

Rồi đây có thể L.H.Q sẽ phải đổi lại quyết-nghị 242 để không coi người Palestine là người tỵ nạn mà phải công nhận họ là một dân tộc có quyền-hành chính-trị. Khi đó một chính-phủ Palestine lưu vong sẽ ra đời và chính phủ này có triển vọng được nhiều quốc-gia công nhận hơn là con số khoảng 60 quốc gia thiết lập bang giao với Do-Thái hiện nay.

Thế chính-trị của Palestine như vậy đã được củng cố mau chóng. Và Do-Thái nếu không chấp nhận Palestine vẫn khẳng khẳng giữ vững lập trường hiện nay thì có thể cuộc chiến tranh mới tại Trung-Đông lại xảy ra với con số chiến cụ cả hai bên đã bỏ xung sau những ngày ngưng bắn mong manh do ông Kissinger hết lòng vận động.

15-11-1974

ĐẶNG TRẦN HUÂN

Đ Ó N Đ O C :

NGÓN TAY ĐEO NHẪN

Truyện dài ưng ý nhất trong năm của MAI THẢO

* Viết về : — Tình yêu trong sáng thơ mộng của tuổi 20 hôm nay
— Tình yêu chín chắn nồng đượm của tuổi 30-40.

* Qua ngòi bút điêu luyện, sâu sắc, ý nhị của Mai Thảo, nhà văn có tầm kích lớn tại miền Nam.

* Nhà Xuất bản Anh Lộc chọn lọc phát hành vào thượng tuần tháng 12/74.

Giấy phép KD số 640/74 BDVCH/PHBCNT/ALP/TP ngày 29-11-1974.

Phát hành ngày 02-12-74 — Số lượng 3.000.

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chị cô



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HÒA TIỀN"!

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc